

HỘI NAM-KỲ NGHIÊN-CỨU PHẬT-HỌC

(ĐIỀU-LỆ CÓ QUAN THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ PHÈ NGÀY 26 AOUT 1931)

HỘI-QUÁN TẠI CHÙA LINH-SƠN -- 149, ĐƯỜNG DOUAUMONT -- SAIGON

(彌) (陀) (鴻) (名) (孟) (蘭) (經)

KINH

A-DI-ĐÀ, HỒNG-DANH, VU-LANG

(Có chữ Hán, chữ Quốc-ngữ, có diễn âm, diễn nghĩa lý và sự tích)



DEPOT LEGAL
• INDOCHINE •
N° 19/15

Thầy Tam-tạng Pháp-sư tên là Cưu-Ma-La-Thập
và Trúc-Pháp-Hộ dịch ra chữ tàu.

Các vị trong Tòa-soạn Phật-học Tạp-chí "TỪ-BI-ÂM"
dịch ra quốc-văn.

Ai muốn in kinh này thì phải xin phép Tòa-soạn "TỪ-BI-ÂM"

→ IN KỲ THỨ NHỨT: MAI 1934 ←

TIỂU-TỰA

Phật-giáo trong xứ ta suy đồi là do nơi người, mà có trùng-hưng lại đặng cũng tại nơi người.

Lâu nay những kẻ hành-đạo không biết bổn phận của mình cần nhứt là món pháp-thí, nghĩa là phải dịch kinh sách chữ Hán ra quốc-văn cho người xem, mà làm cơ-quan truyền bá Phật-giáo cho đặng phổ-thông.

Nguyên cái do-lai của Phật-pháp bị ngưng trệ trên con đường tiến-hóa, là tại nghĩa-lý của kinh chữ Hán quá cao, mà chỗ kiến-giải của người học chữ Hán thì quá thấp; nên không thích hợp với cái trình-độ nghiên-cứu của quần-chúng, thành thử mấy người có học hỏi chút ít, thì thấy biết lơ mờ, cũng không rõ sao là hay là phải. Còn những kẻ thiếu-học thì đành xếp đề trên gát cao, suốt đời không ngó đến. Vậy mà làm sao Phật-pháp thanh hành cho đặng.

Coi như ban sơ kinh Phật ở bên xứ Ấn-độ toàn là chữ Phạm, đến sau truyền qua Trung-quốc thì Chư-Tổ còn dịch ra chữ Tàu cho dễ phân hóa-đạo thay, huống chi kinh chữ Tàu ở nước ta ngày nay đây cũng nên dịch ra chữ quốc-ngữ cho người mình dễ xem dễ hiểu, thì mới dễ sanh lòng tín-hướng mà phát nguyện tu hành. Đó cũng là một phương-pháp xuyến-dương Phật-giáo rất hợp với thời cơ.

Nhưng sự dịch kinh Phật không phải dễ, nên lâu nay có vài người đã dịch ra nhiều quyển sách quốc-ngữ mà lắm chỗ sai lầm, là vì học-thức không đặng suyên-thâm, diễn-dịch không ai khảo duyệt, và lại không có kinh sách đủ để làm tài-liệu mà nghiên-cứu là khác nữa.

Nay chúng tôi nhờ góp chỗ huệ-giải của phần đông người trong Tòa-soạn « *Từ-Bi-Âm* », và lại có đủ kinh Đại-tạng và Tục-tạng để tra xét, nên hiệp nhau khảo-chánh và cải dịch lại những kinh A-Di-Đà, Hồng-Danh và kinh Vu-Lang đã đăng vào tạp-chí ấy, cho khỏi lầm lạc và đúng nghĩa xuôi câu, rồi gom cả Hán-tự và diễn-âm mà in làm một quyển sách này, để cống hiến cùng các bạn tri-thức, trước là để rõ đạo lý, và sau tiện bề trì-tụng, mà lại có phần lợi ích cho những người nghe mà phát tâm tu hành nữa.

Saigon, le 1^{er} Mai 1934.

Hòa-Thượng BÍCH-LIÊN,
*Chánh Chủ-Bút « *Từ-Bi-Âm* »*

LIÊN-TÔN Đạo-Nhơn,
*Phó Chủ-Bút « *Từ-Bi-Âm* »*

TRẦN-NGUYỄN-CHẤN,
*Quản-Lý « *Từ-Bi-Âm* »*

HỘI NAM-KỲ NGHIÊN-CỨU PHẬT-HỌC
(ĐIỀU-LỆ CÓ QUAN THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ PHÊ NGÀY 26 AOUT 1931)
HỘI-QUÁN TẠI CHÙA LINH-SƠN
SAIGON -:- 149, Đường Douaumont -:- SAIGON

(阿) (彌) (陀) (經)

KINH A-DI-ĐÀ

(Có chữ Hán, chữ Quốc - ngữ, có diễn âm,
diễn nghĩa lý và sự tích)

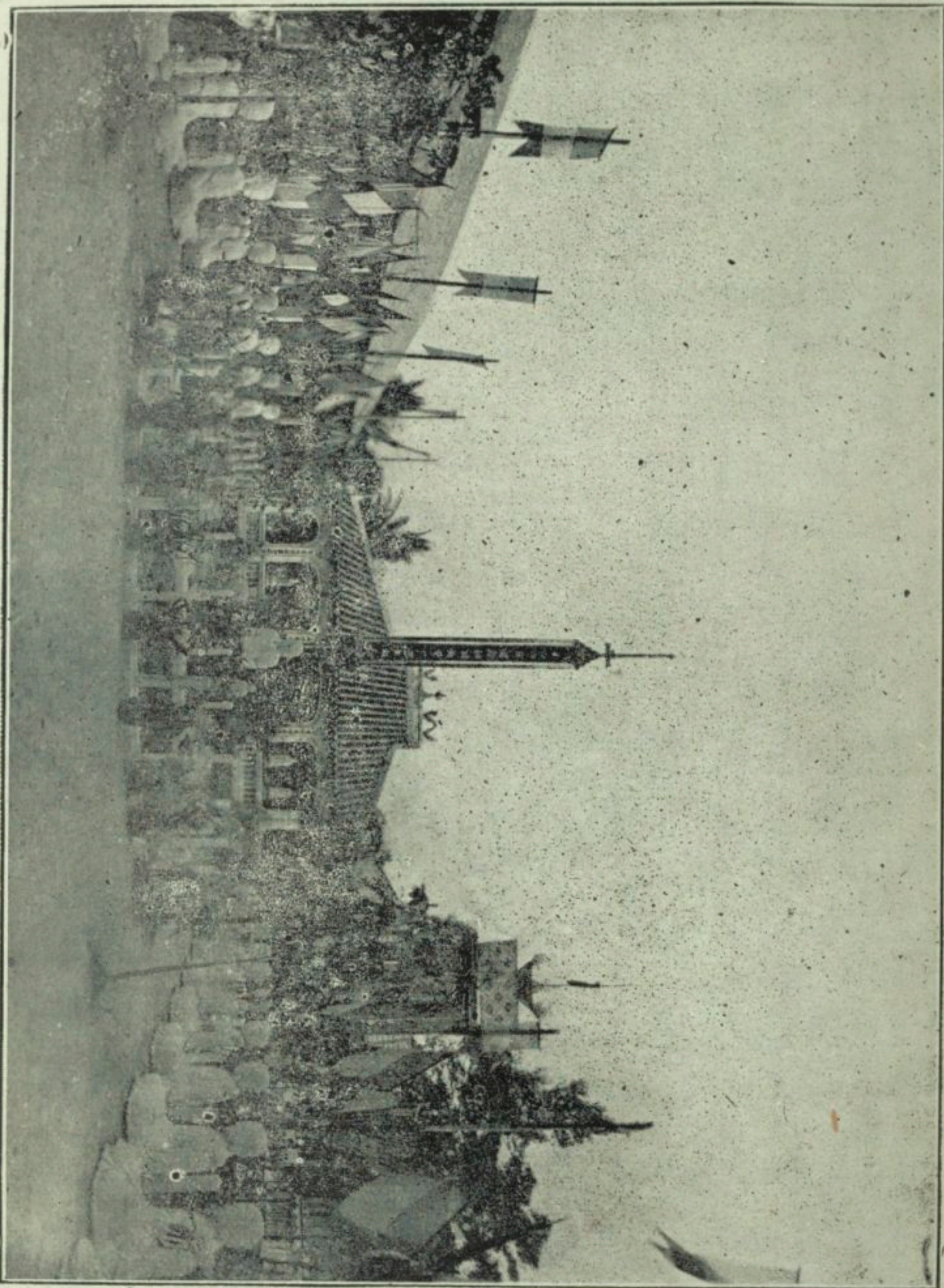
DEPT LEGAL
INDOCHINE
N^o 19/15



三藏法師鳩摩羅什譯

Thầy TAM-TẠNG Pháp-sur,
tên là CƯU-MA LA-THẬP dịch ra chữ Tàu

Các vị trong Tòa-soạn Phật-học Tạp-chí «TỪ-BI-ÂM»
dịch ra quốc-văn.



CHÙA LINH-SON, Hội-quán của Hội Nam-Kỳ Nghiêm-Cứu Phật-Học, ở đường Douaumont, số 149, Saigon.
(Lúc khánh-thành ngôi Pháp-Bảo-Phương và ngôi Duyệt-Kinh-Thất hồi năm 1929).

佛說阿彌陀經

三藏法師鳩摩羅什譯

如是。我聞。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。與大比丘僧千二百五十人俱。皆是大阿羅漢。衆所知識。長老舍利弗。摩訶目犍連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶俱絺羅。離婆多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅喉羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩阿刳賓那。薄拘羅。阿菟樓駄。如是等諸大弟子。并諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。與如是等諸大菩薩。及釋提桓因等無量諸天大衆俱。爾時佛告長老舍利弗。從是西方過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今見在說法。舍利弗。彼土何故名爲極樂。其國衆生。無有衆苦。但受諸樂。故名極樂。又舍利弗。極樂國土。七重欄楯。七重羅網。七重行樹。皆是四寶周匝圍繞。是故彼國名爲極樂。又舍利弗。極樂國土。有七寶池。八功德水。充滿其中。池底純以金沙布地。四邊階道。金銀琉璃玻瓈合成。上有樓閣。亦以金銀琉璃玻瓈磤磳赤珠瑪瑙而嚴飾之。池中蓮花。大如車輪。青色青光。黃色黃光。赤色赤

光。白色白光。微妙香潔。舍利弗。極樂國土。成就如是功德莊嚴。又舍利弗。彼佛國土。常作天樂。黃金爲地。晝夜六時。雨天曼陀羅華。其土衆生。常以清旦。各以衣祴。盛衆妙華。供養他方十萬億佛。卽以食時。還到本國。飯食經行。舍利弗。極樂國土。成就如是功德莊嚴。復次。舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。白鶴。孔雀。鸚鵡。舍利。迦陵。頻伽。共命之鳥。是諸衆鳥。晝夜六時。出和雅音。其音演暢。五根五力。七菩提分。八聖道分。如是等法。其土衆生。聞是音已。皆悉念佛念法念僧。舍利弗。汝勿謂此鳥實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸衆鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。舍利弗。彼佛國土。微風吹動。諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂同時俱作。聞是音者。自然皆生念佛念法念僧之心。舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。舍利弗。於汝意云何。彼佛何故號阿彌陀。舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故號爲阿彌陀。又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。故名阿彌陀。舍利弗。阿彌陀佛成佛已來。於今十劫。又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。諸菩薩衆。亦

復如是。舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。又舍利弗。極樂國土。衆生生者。皆是阿鞞跋致。其中多有一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。舍利弗。衆生聞者。應當發願。願生彼國。所以者何。得與如是諸上善人俱會一處。舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖衆。現在其前。是人終時。心不顛倒。卽得往生阿彌陀佛極樂國土。舍利弗。我見是利。故說此言。若有衆生。聞是說者。應當發願。生彼國土。舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛。不可思議功德之利。東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等衆生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。舍利弗。南方世界。有日月燈佛。名聞光佛。大燄肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等衆生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。舍利弗。西方世界。有無量壽佛。無量相佛。無量

幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等衆生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。舍利弗。北方世界。有燄肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等衆生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。舍利弗。下方世界。有獅子佛。名聞佛。名光佛。達摩佛。法幢佛。持法佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等衆生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。舍利弗。上方世界。有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大燄肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。如是等恒河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等衆生。當信是稱讚不可思議功德。一切諸佛所護念經。舍利弗。於汝意云何。何故名爲一切諸佛所護念經。舍利弗。若有善男子。善女人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。是諸善男子。善女人。皆爲一切諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。是故舍利弗。汝等皆當信受我語。及諸佛所說。舍利弗。若有

人已發願。今發願當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉。於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。是故舍利弗。諸善男子。善女人。若有信者。應當發願。生彼國土。○舍利弗。如我今者。稱讚諸佛。不可思議功德。彼諸佛等。亦稱讚我。不可思議功德。而作是言。釋迦牟尼佛。能為甚難希有之事。能於娑婆國土。五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。衆生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。為諸衆生。說是一切世間難信之法。○舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提。為一切世間說是難信之法。是為甚難。○佛說此經已。舍利弗。及諸比丘。一切世間。天人。阿修羅等。聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。○

◎往生神咒

佛說阿彌陀經終

南無阿彌多婆夜哆。他伽跢夜哆姪。夜他阿彌唎。都婆毘。阿彌唎哆。悉耽婆毘。阿彌唎哆。毘迦蘭帝。阿彌唎哆。毘迦蘭哆。伽彌膩。伽伽那。枳哆迦隸。娑婆訶。

KINH A-DI-ĐÀ

PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH

«TAM-TẠNG PHÁP-SƯ CƯU-MA-LA-THẬP DỊCH»

Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Xá-Vệ-Quắc, Kỳ-thọ, Cấp-Cô-Độc viên. Dữ Đại Tì-Khưu tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân cụ, giai thị đại A-La-Hán, chúng sở tri thức.

Trưởng-Lão, Xá-Lị-Phất, Ma-Ha Mục-Kiền-Liên, Ma-Ha Ca-Diếp, Ma-Ha Ca-Chiên-Diên, Ma-Ha Cu-Si-La, Li-Bà-Đa, Chư-Lị-Bàng-Đà-Dà, Nan-Đà, Ác-Nan-Đà, La-Hầu-La, Kiều-Phạm-Ba-Đề, Tân-Đầu-Lô-Phả-La-Đọa, Ca-Lưu-Đà-Di, Ma-Ha Kiếp-Tân-Na, Bạc-Câu-La, A-Nâu-Lâu-Đà. Như thị đẳng chư Đại Đệ-tử. Tinh chư Bồ-Tát Ma-Ha-Tát, Văn-Thù-Sư-Lị Pháp-Vương-Tử, A-Dật-Đa Bồ-Tát, Kiền-Đà-Ha-Đề Bồ-Tát, Thường-Tinh-Tấn Bồ-Tát. Dữ như thị đẳng chư đại Bồ-Tát, Cập Thích-Đề-Hoàng-Nhân đẳng, vô Lượng Chư-Thiên, Đại chúng cụ.

Nhĩ thời, Phật cáo Trưởng-lão Xá-Lị-Phất, tùng thị Tây-phương quá thập vạn ức Phật-độ hữu Thế-giới, danh viết Cực-lạc, kỳ độ hữu Phật, hiệu A-Di-Đà, kim hiện tại thuyết pháp.

Xá-Lị-Phất, bỉ độ hà cố, danh vi Cực-lạc? Kỳ quốc chúng-sanh, vô hữu chúng khổ, dân thọ chư lạc, cố danh Cực-lạc. Hựu Xá-Lị-Phất, Cực-lạc quốc-độ, thất trùng lang-thuần, thất trùng

la-vông, thất trùng hàng thọ, giai thị tứ-bảo, churu tráp vi nhiều, thị cố bỉ quốc danh vi Cực-lạc.

Hựu Xá-Lị-Phất, Cực-lạc quốc-độ, hữu thất bảo trì, bát công-đức thùy, sung mãn kỳ trung, trì để thuận dĩ kim-sa bố địa. Tứ biên giai đạo, kim-ngân, lưu-lý, pha-lê hiệp thành; thượng hữu lâu-các, diệt dĩ kim-ngân, lưu-lý, pha-lê, xa-cừ, xích-chu, mã-não nhi nghiêm sức chi.

Trì trung liên-hoa, đại như xa luân, thanh-sắc thanh-quang, huỳnh-sắc huỳnh-quang, xích-sắc xích-quang, bạch-sắc bạch-quang, vi diệu hương khiết. Xá-Lị-Phất, Cực-lạc quốc-độ, thành tựu như thị công-đức trang-nghiêm.

Hựu Xá-Lị-Phất, bỉ Phật quốc-độ, thường tác Thiên-nhạc, huỳnh kim vi địa, trú dạ lục thời, vũ Thiên-mạn-đà-la-hoa, kỳ độ chúng-sanh thường dĩ thanh đán, các dĩ y-cắt, thành chúng diệu-hoa, cúng-dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, huờn đảo bốn-quốc, phạm thực kinh-hành. Xá-Lị-Phất, Cực-lạc quốc-độ, thành tựu như thị công-đức trang-nghiêm.

Phục thứ Xá-Lị-Phất, bỉ quốc thường hữu chủng-chủng kỳ diệu tạp sắc chi điều, bạch-hạc, khổng-tước, anh-vũ, xá-lị, ca-lăng tần-dà, cộng-mệnh chi điều, thị chư chúng điều, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm, kỳ âm diễn sướng ngũ-căn, ngũ-lực, thất Bồ-đề phận, bát thánh đạo phận, như thị đẳng pháp. Kỳ độ chúng-sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Xá-Lị-Phất, như vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh, sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc-độ, vô tam ác đạo. Xá-Lị-Phất, kỳ Phật quốc-

độ, thượng vô ác đạo chỉ danh, hà hưởng hữu thật, thị chư chúng điều, giai thị A-Di-Đà Phật, dục linh pháp âm tuyên lưu biến-hóa sở tác.

Xá-Lị-Phất, bỉ Phật quốc-độ, vi-phong xuy động, chư bảo hàng thọ, cập bảo la-vông, xuất vi-diệu âm, thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời cu tác; văn thị âm già, tự nhiên giai sanh niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng chi tâm. Xá-Lị-Phất, kỳ Phật quốc-độ, thành tựu như thị công-đức trang-nghiêm.

Xá-Lị-Phất, ư như ý vân hà, bỉ Phật hà cổ, hiệu A-Di-Đà? Xá-Lị-Phất, bỉ Phật quang-minh vô-lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại, thị cổ hiệu vi A-Di-Đà.

Hựu Xá-Lị-Phất, bỉ Phật thọ mệnh, cập kỳ nhơn dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cổ danh A-Di-Đà. Xá-Lị-Phất, A-Di-Đà-Phật, thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp. Hựu Xá-Lị-Phất, bỉ Phật hữu vô-lượng vô-biên Thịnh-văn đệ-tử, giai A-La-Hán, phi thị toán số chi sở năng tri; chư Bồ-tát chúng, diệt phục như thị; Xá-Lị-Phất, bỉ Phật quốc-độ, thành tựu như thị công-đức trang-nghiêm.

Hựu Xá-Lị-Phất. Cực-lạc quốc-độ, chúng-sanh sanh giả, giai thị A-bệ bạc-trí; kỳ trung đa hữu nhứt sanh bồ xử; kỳ sở thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, dân khả dĩ vô-lượng, vô-biên, A-tăng-kỳ thuyết. Xá-Lị-Phất, chúng-sanh văn già, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ-quốc; sở dĩ giả hà, đặc dữ như thị chư thượng thiện-nhơn, cu hội nhứt xứ.

Xá-Lị-Phất, bất khả dĩ thiếu thiện-căn, Phước-đức Nhân-duyên, đặc sanh bỉ-quốc.

Xá-Lị-Phất, nhược hữu Thiện-nam-tử, Thiện-nữ-nhơn, văn thuyết A-Di-Đà-Phật; chấp-trì danh hiệu, nhược nhứt nhứt, nhược nhị nhứt,

nhuộc tam nhứt, nhuộc tứ nhứt, nhuộc ngũ nhứt, nhuộc lục nhứt, nhuộc thất nhứt, nhứt tâm bất loạn. Kỳ nhơn lâm minh chung thời; A-Di-Đà-Phật, dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền; thị nhơn chung thời, tâm bất điên-đảo; tức đắc vãng-sanh A-Di-Đà-Phật, Cực-lạc quốc-độ. — Xá-Li-Phật, ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn; nhuộc hữu chúng-sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc-độ.

Xá-Li-Phật, như ngã kim giả, tán thán A-Di-Đà-Phật, bất khả tư-nghị công-đức chi lợi.

Đông-phương diệt hữu A-Súc-Bệ Phật, Tu-Di-Tướng Phật, Đại-Tu-Di Phật, Tu-Di-Quang Phật, Diệu-Âm Phật; như thị đẳng Hằng-hà sa-số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết-tướng, biến phủ tam-thiên đại-thiên Thế-giới, thuyết thành thiết ngôn: như đẳng chúng-sanh, đương tín thị xưng-tán bất khả tư nghi công-đức, nhứt thiết chư Phật sở hộ-niệm Kinh.

Xá-Li-Phật, Nam-phương Thế-giới, hữu Nhứt-Nguyệt-Đẳng Phật, Danh-Văn-Quang Phật, Đại-Diễm-Kiên Phật, Tu-Di-Đẳng Phật, Vô-Lượng-Tinh-Tần Phật; như thị đẳng Hằng-hà sa-số chư Phật, các ư kỳ-quốc, xuất Quảng-trường thiết tướng, biến phủ Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-Giới, thuyết thành thật ngôn, như đẳng chúng-sanh, đương tín thị Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức. Nhứt thiết chư Phật, sở hộ-niệm Kinh.

Xá-Li-Phật, Tây phương Thế-giới, hữu Vô-Lượng-Thọ Phật, Vô-Lượng-Tướng Phật, Vô-Lượng-Tràng Phật, Đại-Quang Phật, Đại-Minh Phật, Bảo-Tướng Phật, Tịnh-Quang Phật, như thị đẳng Hằng-hà sa-số chư Phật, các ư kỳ-quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-giới, thuyết thành

thật ngôn, như đẳng chúng-sanh, đương tín thị Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư Phật sở Hộ-Niệm Kinh.

Xá-Li-Phất, Bắc phương Thế-giới, hữu Diệm-Kiên Phật, Tỏi-Thắng-Âm Phật, Nan-Trở Phật, Nhứt-Sanh Phật, Vãng-Minh Phật, như thị đẳng Hằng-hà sa-số Chư Phật, các ư kỳ-quắc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-giới, thuyết thành thật ngôn, như đẳng chúng-sanh, đương tín thị Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư Phật sở Hộ-Niệm Kinh.

Xá-Li-Phất, Hạ phương Thế-giới, hữu Sư-Tử Phật, Danh-Văn-Phật, Danh-Quang Phật, Đát-Ma Phật, Pháp-Tràng Phật, Trì-Pháp Phật, như thị đẳng Hằng-hà sa-số Chư Phật, các ư kỳ-quắc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-giới, thuyết thành thật ngôn, như đẳng chúng-sanh, đương tín thị Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư Phật sở Hộ-Niệm Kinh.

Xá-Li-Phất, Thượng phương Thế-giới hữu Phạm-Âm Phật, Tú-Vương Phật, Hương-Thượng Phật, Hương-Quang Phật, Đại-Diệm Kiên Phật, Táp-Sắc Bảo-Hoa Nghiêm-Thân Phật, Ta-La Thụ-Vương Phật, Bảo-Hoa-Đức Phật, Kiến-Nhứt-Thiết Nghĩa Phật, Như Tu-Di-San Phật, như thị đẳng Hằng-hà sa-số Chư Phật, các ư kỳ-quắc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-giới, thuyết thành thật ngôn, như đẳng chúng-sanh, đương tín thị Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư Phật sở Hộ-Niệm Kinh.

Xá-Li-Phất, ư như ý vân hà ? hà cổ danh vi nhứt thiết Chư Phật sở hộ-niệm kinh ? Xá-Li-Phất, nhược hữu thiện Nam-tử, thiện Nữ-nhơn,

văn thị Kinh thọ-trì giả, Cáp văn Chư Phật danh
giả; thị chư thiện Nam-tử, thiện Nữ-nhơn, giai
vi nhứt-thiết Chư-Phật chi sở hộ-niệm, giai đắc
bất thối chuyển ư A-Nậu-Đa-La Tam-Miệu-Tam
Bồ-Đề. — Thị cổ Xá-Li-Phất, nhữ đẳng giai
đương tín thọ ngã ngũ cấp chư Phật sở thuyết.

Xá-Li-Phất, nhữ hữu nhơn dĩ phát-nguyện,
kim phát-nguyện, đương phát-nguyện, dục sanh
A-Di-Đà-Phật quốc giả, thị chư nhơn đẳng giai
đắc Bất-thối-chuyển ư A-Nậu-Đa-La — Tam-
Miệu — Tam-Bồ-Đề, ư bỉ quốc-độ, nhữ dĩ sann,
nhữ kim sanh, nhữ đương sanh.

Thị cổ Xá-Li-Phất, chư thiên-nam tử, thiện-
nữ nhơn, nhữ hữu tín giả, ưng đương phát
nguyện sanh bỉ quốc-độ.

Xá-Li-Phất, như ngã kim giả, xưng tán chư
Phật bất khả tư nghị công-đức; bỉ chư Phật
đẳng, diệt xưng tán ngã bất khả tư nghị công
đức, nhi tác thị ngôn: «Thích-Ca Mâu-Ni Phật,
năng vi thậm nan hỷ hữu chi sự; năng ư Ta-bà
quốc-độ; ngũ trước ác-thế, kiếp trước, kiến
trước, phiền não trước, chúng-sanh trước,
minh trước trung; đắc A-Nậu Đa-La — Tam-
miệu Tam-Bồ-Đề». Vị chư chúng-sanh, thuyết
thị nhứt thiết thế-gian nan tín chi pháp. Xá-lị-
Phất, đương trì ngã ư ngũ trước ác thế, hành
thử nan sự đắc A-Nậu Đa-La — Tam-miệu Tam-
Bồ-đề, vị nhứt thiết Thế-gian, thuyết thử nan
tín chi pháp, thị vi thậm nan.

Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá-Lị-Phất, cấp chư
Tì-khưu, nhứt thiết Thế-gian, Thiên-nhơn, A-
Tu-La đẳng: văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ,
tác lễ nhi khứ.

CHUNG

KINH A-DI-ĐÀ

DIỄN NGHĨA

PHẬT THÍCH-CÁ NÓI KINH A-DI-ĐÀ

(Khi Phật Thích-Cá nhập-diệt rồi, thì ông A-Nan đối giữa Đại-chúng, kiết-tập những lời thuyết-pháp của ngài mà nói như dưới đây).

Ta nghe như vậy: Một thuở kia, Phật ở nhà Tinh-xá⁽¹⁾, nơi đám cây của ông Kỳ-Đà Thái-Tử⁽²⁾, trong vườn ông Cấp-Cô-Độc trưởng-giã⁽³⁾, tại nước Xá-Vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi thầy Tì-khưu⁽⁴⁾, đều là bậc đại A-la-hán⁽⁵⁾, ai cũng đều biết.

Có các bậc Trưởng-lão là: ông Xá-Lị-Phất⁽⁶⁾, ông Ma-Ha-Mục-Kiên-Liên⁽⁷⁾, ông Ma-Ha-Ca-Diếp⁽⁸⁾, ông Ma-Ha-Ca-Chiên-Diên⁽⁹⁾, ông Ma-Ha-Cu-Si-La⁽¹⁰⁾, ông Li-Bà-Đa⁽¹¹⁾, ông Chư-Lị-Bàn-Đà-Dà⁽¹²⁾, ông Nan-Đà⁽¹³⁾, ông A-Nan-Đà⁽¹⁴⁾, ông La-Hầu-La⁽¹⁵⁾, ông Kiều-Phạm-Ba-Đề⁽¹⁶⁾, ông Tân-Đầu-Lô-Phả-La-Đọa⁽¹⁷⁾, ông Ca-Lưu-Đà-Di⁽¹⁸⁾, ông Ma-Ha-Kiếp-Tân-Na⁽¹⁹⁾, ông Bạc-Câu-La⁽²⁰⁾, ông A-Nâu-Lầu-Đà⁽²¹⁾, đủ cả những hàng đệ-tử lớn; lại có các bậc Bồ-Tát-Ma-Ha-Tát⁽²²⁾ là: ông Văn-Thù-Sư-Lị-Pháp-Vương-Tử⁽²³⁾, ông A-Dật-Đa-Bồ-Tát⁽²⁴⁾, ông Kiền-Đà-Ha-Đề Bồ-Tát⁽²⁵⁾, ông Thường-Tinh-Tấn Bồ-Tát⁽²⁶⁾, đủ cả các bậc Bồ-Tát lớn, cùng các vị Thích-Đề Hoàng-Nhơn⁽²⁷⁾ và những hàng Thiên-nhơn Đại-chúng⁽²⁸⁾ cũng đều đông đủ trong hội ấy.

Thuở nọ, Phật nói với ông Trưởng-lão là Xá-Li-Phất rằng: « Từ nơi phương Tây cõi Ta-Bà ⁽²⁹⁾ này, đi thẳng qua cách mười muôn ức cõi Phật, có một Thế-giới kêu là Cự-Lạc ⁽³⁰⁾. — Tại Thế-giới ấy, có một vị Phật, hiệu là A-Di-Đà ⁽³¹⁾, hiện nay đang nói pháp ở đó.

Xá-Li-Phất ơi! — Cõi ấy vì có sao gọi là Cự-Lạc? — Bởi chúng-sanh trong nước đó không có các sự khổ, toàn hưởng những phần vui, nên gọi là Cự-Lạc.

Lại vậy nữa, Xá-Li-Phất ơi! — Cõi Cự-Lạc đó có bảy lớp hàng cây, trên có bảy lớp lưới phủ giăng, và ngoài có bảy lớp lang-cang bao bọc. — Ba món ấy, toàn là bốn thứ báu rực-rỡ trang-nghiêm khắp cả trong nước, cho nên cõi ấy kêu là Cự-Lạc.

Lại vậy nữa, Xá-Li-Phất ơi! — Cõi Cự-Lạc lại có cái ao Thất-bảo ⁽³²⁾; trong ao ấy thì chứa đầy thứ nước đủ tám món công-đức ⁽³³⁾; đáy ao thì toàn những cát bằng vàng. Còn bốn phía bờ ao thì đều xây đắp bằng vàng, bạc, lưu-lý và pha-lê; trên bờ ao thì có lầu các, cũng dùng vàng, bạc, lưu-lý, pha-lê, xa-cừ, châu-đỏ, mã-não, mà trau dồi rất trang-nghiêm rực-rỡ.

Trong ao ấy lại có bốn thứ sen, bông lớn như bánh xe. Hễ bông sắc xanh thì ánh sáng xanh, bông sắc vàng thì ánh sáng vàng, bông sắc đỏ thì ánh sáng đỏ, bông sắc trắng thì ánh sáng trắng, đã nhiệm-mầu mà lại tinh-sạch và thơm-tho.

Xá-Li-Phất ơi! — Cõi Cự-Lạc đặng trang-nghiêm như thế là do công-đức của Phật A-Di-Đà tạo-thành.

Lại vậy nữa, Xá-Li-Phất ơi! — Cõi Phật đó

thường nổi tiếng thiên-nhạc ⁽³⁴⁾ vang rền giữa hư-không, trên mặt đất thì toàn là vàng ròng, ngày đêm sáu thời ⁽³⁵⁾ hằng rơi xuống những thứ bông Mạn-Đà-La trắng. — Chúng-sanh ở cõi ấy, cứ mỗi buổi sớm mơi, lượm các thứ bông đựng trong cái y-cắt ⁽³⁶⁾, đem đi cúng các vị Phật ở mười muôn ức cõi khác; gần đúng bữa ăn, liền trở về nước mình mà dùng cơm, rồi đi kinh-hành.

Xá-Lị-Phất ơi! — Cõi Cực-Lạc đặng trang-nghiêm như thế là do công-đức của Phật A-Di-Đà tạo-thành.

Xá-Lị-Phất ơi! — Cõi ấy thường có các thứ chim nhiều sắc tốt đẹp lạ lùng: như chim bạch-hạt, chim không-tước, chim anh-vũ, chim xá-lị, chim ca-lăng-tần-dà, chim cộng-minh, cứ ngày đêm sáu thời, đều kêu ra tiếng diệu-hòa, nói suốt cả các pháp như là: năm căn ⁽³⁷⁾, năm lực ⁽³⁸⁾, bảy món Bồ-đề ⁽³⁹⁾, tám món Thánh-đạo ⁽⁴⁰⁾. Nên chúng-sanh ở cõi ấy nghe tiếng chim kêu rồi, thì ai ai cũng đều khởi lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Nầy Xá-Lị-Phất! — Người đừng gọi rằng các thứ chim ấy thật là tội-báo sanh ra. — Vì có sao vậy? — Bởi cõi Phật đó không có ba đường ác-đạo.

Xá-Lị-Phất ơi! — Tại cõi Phật ấy, cái tiếng kêu « ác-đạo » hãy còn không có thay, huống chi là có ác-đạo thật. — Nguyên các thứ chim đấy đều là Phật A-Di-Đà muốn cho có tiếng pháp lưu-thông trong nước, nên biến hóa thành ra.

Xá-Lị-Phất ơi! Tại cõi Phật đó, có ngọn gió phượng-phất thổi động những hàng cây báu và

các lớp lưới báu, rung-khua tiếng pháp nhiệm-mầu, dường như trăm ngàn món nhạc đồng nổi lên một lược. Ai nghe tiếng nhiệm mầu ấy đều tự-nhiên sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Xá-Li-Phất ơi! Cõi Phật A-Di-Đà được trang-nghiêm như vậy là do công-dức của ngài tạo-thành.

Nầy **Xá-Li-Phất**!— Trong ý người có hiểu vì có sao mà Phật kia lại hiệu là A-Di-Đà hay không?

Xá-Li-Phất ơi!— Vì thân và trí của Phật sáng suốt không lường, soi khắp mười phương quốc-độ, không chỗ nào che ngăn đặng, vậy nên hiệu là A-Di-Đà.

Lại vậy nữa, **Xá-Li-Phất** ơi!— Vì thọ-mạng của Phật và nhơn dân trong nước đều sống lâu đến vô-lượng⁽⁴¹⁾ vô-biên⁽⁴²⁾ A-tăng-kỳ⁽⁴³⁾ kiếp⁽⁴⁴⁾, cho nên gọi là A-Di-Đà.

Xá-Li-Phất ơi!— Phật A-Di-Đà từ khi thành đạo đến nay, tính đã mười kiếp.

Lại vậy nữa, **Xá-Li-Phất** ơi!— Phật A-Di-Đà có những hàng Thinh-văn đệ-tử⁽⁴⁵⁾ đều là bậc A-la-hán⁽⁴⁶⁾, nhiều đến vô-lượng vô-biên, không thể lấy toán số mà suy biết, và các chúng Bồ-tát⁽⁴⁷⁾ lại cũng đông nhiều như vậy.

Xá-Li-Phất ơi!— Cõi Phật A-Di-Đà đặng trang-nghiêm như thế là do công-dức của ngài tạo-thành.

Lại vậy nữa, **Xá-Li-Phất** ơi!— Những chúng-sanh sanh về cõi Cực-lạc đều là không thối-chuyển⁽⁴⁸⁾. Trong hàng chúng-sanh ấy, lại có những người một lần sanh về đó, mà đặng bổ-xử làm Phật rất nhiều, không thể kể xiết, chỉ lấy

số vô-lượng vô-biên A-tăng-kỳ mà nói đó thôi.

Xá-Lị-Phất ơ! — Chúng-sanh nghe Ta nói, nên phải phát-nguyện cầu sanh về cõi ấy. — Tại cố sao vậy? — Bởi vì sanh về đó thì đặng đồng ở một chỗ với các người Thượng-thiện ⁽⁴⁹⁾.

Xá-Lị-Phất ơ! — Chẳng phải dùng chút ít căn lành ⁽⁵⁰⁾, phước đức ⁽⁵¹⁾, nhơn duyên ⁽⁵²⁾, mà đặng sanh về nước Cực-Lạc.

Xá-Lị-Phất ơ! — Nếu có người thiện-nam ⁽⁵³⁾ thiện-nữ ⁽⁵⁴⁾ nào nghe Ta nói sự y-báo ⁽⁵⁵⁾ và chánh-báo ⁽⁵⁶⁾ của Phật A-Di-Đà như vậy, mà phát tâm giữ niệm danh-hiệu của ngài, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, một lòng không tán loạn, đến lúc lâm-chung có Phật A-Di-Đà và các vị Thánh-chúng đều hiện ra trước mặt, thì người thác đó lòng chẳng điên-đảo, tức-thời đặng sanh về cõi Cực-Lạc của Phật A-Di-Đà.

Xá-Lị-Phất ơ! — Ta thấy sự lợi-ích như thế, nên mới nói như vậy. Nếu có chúng-sanh nào nghe lời Ta nói đó, thì nên phát nguyện mà cầu sanh về cõi ấy.

Xá-Lị-Phất ơ! — Như Ta ngày nay mà khen ngợi Phật A-Di-Đà, là vì có lợi về công-đức rất lớn, khó nghĩ bàn đặng.

Tại phương Đông cũng có các vị Phật: như là Phật A-Xúc-Bệ ⁽⁵⁷⁾, Phật Tu-Di-Tướng ⁽⁵⁸⁾, Phật Đại-Tu-Di ⁽⁵⁹⁾, Phật Tu-Di-Quang ⁽⁶⁰⁾, Phật Diệu-Âm ⁽⁶¹⁾. — Các Phật rất nhiều, dường như số cát sông Hằng ⁽⁶²⁾; vị nào cũng đều ở nơi bốn-quốc, dùng tướng lưới rộng dài ⁽⁶³⁾, trùm khắp cõi Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới ⁽⁶⁴⁾, mà nói lời chắc-

thiết rằng : « Chúng người phải tin Kinh Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm ⁽⁶⁵⁾ này. »

Xá-Li-Phát ơ ! — Tại Thế-giới phương Nam có Phật Nhứt-Nguyệt-Đăng ⁽⁶⁶⁾, Phật Danh-Văn-Quang ⁽⁶⁷⁾, Phật Đại-Diệm-Kiên ⁽⁶⁸⁾, Phật Tu-Di-Đăng ⁽⁶⁹⁾, Phật Vô-Lượng-Tinh-Tân ⁽⁷⁰⁾. — Các Phật rất nhiều, dường như số cát sông Hằng; vị nào cũng đều ở nơi bốn-quốc, dùng tướng lưới rộng dài, trùm khắp cõi Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới, mà nói lời chắc thiết rằng : « Chúng người phải tin Kinh Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm này. »

Xá-Li-Phát ơ ! — Tại Thế-giới phương Tây có Phật Vô-Lượng-Thọ ⁽⁷¹⁾, Phật Vô-Lượng-Tướng ⁽⁷²⁾, Phật Vô-Lượng-Tràng ⁽⁷³⁾, Phật Đại-Quang ⁽⁷⁴⁾, Phật Đại-Minh ⁽⁷⁵⁾, Phật Bảo-Tướng ⁽⁷⁶⁾, Phật Tịnh-Quang ⁽⁷⁷⁾. — Các Phật rất nhiều, dường như số cát sông Hằng; vị nào cũng đều ở nơi bốn-quốc, dùng tướng lưới rộng dài, trùm khắp cõi Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới, mà nói lời chắc thiết rằng : « Chúng người nên tin Kinh Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm này. »

Xá-Li-Phát ơ ! — Tại Thế-giới phương Bắc có Phật Diệm-Kiên ⁽⁷⁸⁾, Phật Tồi-Thắng-Âm ⁽⁷⁹⁾, Phật Nan-Trở ⁽⁸⁰⁾, Phật Nhứt-Sanh ⁽⁸¹⁾, Phật Vông-Minh ⁽⁸²⁾. — Các Phật rất nhiều, dường như số cát sông Hằng; vị nào cũng đều ở nơi bốn-quốc, dùng tướng lưới rộng dài, trùm khắp cõi Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới, mà nói lời chắc thiết rằng : « Chúng người nên tin Kinh Xưng-

Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm này.»

Xá-Li-Phất ơ! — Tại Thế-giới ở về Hạ-phương⁽⁸³⁾ có Phật Sư-Tử⁽⁸⁴⁾, Phật Danh-Văn⁽⁸⁵⁾, Phật Danh-Quang⁽⁸⁶⁾, Phật Đạc-Ma⁽⁸⁷⁾, Phật Pháp-Tràng⁽⁸⁸⁾, Phật Trì-Pháp⁽⁸⁹⁾. — Các Phật rất nhiều, dường như số cát sông Hằng; vị nào cũng đều ở nơi bốn-quốc, dùng tướng lưới rộng dài, trùm khắp cõi Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới, mà nói lời chắc thiết rằng: «Chúng người nên tin Kinh Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm này.»

Xá-Li-Phất ơ! — Tại Thế-giới ở về Thượng-phương⁽⁹⁰⁾ có Phật Phạm-Âm⁽⁹¹⁾, Phật Tú-Vương⁽⁹²⁾, Phật Hương-Thượng⁽⁹³⁾, Phật Hương-Quang⁽⁹⁴⁾, Phật Đại-Diệm-Kiên⁽⁹⁵⁾, Phật Táp-Sắc Bảo-Hoa Nghiêm-Thân⁽⁹⁶⁾, Phật Ta-La Thụ-Vương⁽⁹⁷⁾, Phật Bảo-Hoa-Đức⁽⁹⁸⁾, Phật Kiến-Nhứt-Thiết-Nghĩa⁽⁹⁹⁾, Phật Như-Tu-Di-San⁽¹⁰⁰⁾. — Các Phật rất nhiều, dường như số cát sông Hằng; vị nào cũng đều ở nơi bốn-quốc, dùng tướng lưới rộng dài, trùm khắp cõi Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới, mà nói lời chắc thiết rằng: «Chúng người nên tin Kinh Xưng-Tán Bất-Khả Tư-Nghị Công-Đức Nhứt-Thiết Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm này.»

Xá-Li-Phất ơ! — Người có hiểu vì cớ sao mà kinh này gọi là «Nhứt-Thiết Chư-Phật Sở-Hộ-Niệm» hay không?

Này Xá-Li-Phất! — Hoặc có gã thiện-nam hay là người thiện-nữ nào, nghe kinh này mà

phát tâm thọ-trì, và nghe danh hiệu của các Đức Phật đã nói trước đó mà tin tưởng hoài, thì các thiện-nam và thiện-nữ ấy đều nhờ tất cả các Đức Phật hộ-niệm cho; ai nấy cũng đều dặng khỏi thối-chuyển cái tâm cầu đạo Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác⁽¹⁰¹⁾.

Xá-Li-Phất ơi! — Vì cố ấy cho nên các người đều phải kính tin vâng chịu những lời của Ta và lời của các Phật đã nói đó.

Này Xá-Li-Phất! — Hoặc đời trước có người phát nguyện muốn sanh về cõi Phật A-Di-Đà, thì trước đã sanh về cõi ấy rồi; hoặc đời nay có người phát nguyện muốn sanh về cõi Phật A-Di-Đà, thì nay sanh về cõi ấy; hoặc đời sau có người phát nguyện muốn sanh về cõi Phật A-Di-Đà, thì sau sẽ sanh về cõi ấy. — Song chẳng những đều dặng vãng-sanh⁽¹⁰²⁾ mà thôi, lại trước khi vãng-sanh thì đã đều dặng khỏi thối-chuyển cái tâm cầu đạo Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác nữa.

Xá-Li-Phất ơi! — Vì vậy nên các gã thiện-nam và người thiện-nữ nào, nếu có lòng tin, thì phải phát nguyện cầu sanh về cõi Cực-Lạc.

Xá-Li-Phất ơi! — Như Ta ngày nay khen ngợi công-đức của các Phật, đến nỗi không thể nghĩ dặng bàn dặng, mà các Phật cũng khen ngợi công-đức Ta, đến nỗi không thể nghĩ dặng bàn dặng, và nói như vậy: « Phật Thích-Ca Mâu-Ni hay làm những việc rất khó khăn và ít có, lại ở về cõi Ta-Bà, trong đời ác-thế đủ năm món trước như là: kiếp-trước⁽¹⁰³⁾, kiến-trước⁽¹⁰⁴⁾, phiền-não-trước⁽¹⁰⁵⁾, chúng-sanh-trước⁽¹⁰⁶⁾,

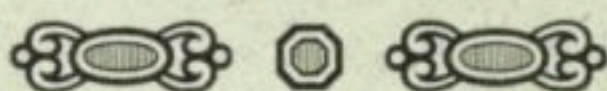
mình - trước ⁽¹⁰⁷⁾, mà chứng đạo Vô - Thượng Chánh - Đẳng Chánh - Giác, rồi lại vì hết thấy chúng-sanh mà nói ra pháp-môn Tịnh-độ, thật là một pháp tất cả trong Thế-gian khó tin.

Xá-Lị-Phật ơi ! — Phải biết rằng Ta ở trong đời ngũ-trước ác-thế này, mà chứng đạo Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác và vì hết thấy trong Thế-gian mà nói pháp Nan-tin ⁽¹⁰⁸⁾ này, thì thật là rất khó.

Khi Phật nói kinh này xong rồi, thì Xá-Lị-Phật với các vị Tì-khưu và hết thấy trong Thế-gian, hằng Thiên-nhơn cùng là A-tu-la ⁽¹⁰⁹⁾, nghe đều vui mừng tin chịu và đánh lễ mà lui về.

CHUNG

CHÚ VÃNG-SANH



Nam mô A di đa bà dạ chiếc, tha dà dă,
dạ chiếc trại, dạ tha A di lý, đô bà tì, A di
lý chiếc, tất đăm bà tì, A di lý chiếc, tì ca
lan đễ, A di lý chiếc, tì ca lan chiếc, dà di
nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha.



KINH A-DI-ĐÀ

GIẢI RÕ NGHĨA LÝ VÀ SỰ TÍCH

CÂU : « Ta nghe như vậy », là lời của ngài A-Nan tự nói. Bởi vì sau khi Phật Thích-Ca nhập diệt rồi, thì ngài đối giữa đại chúng mà kiết tập những lời thuyết pháp của Phật lại, cho nên kinh nào cũng có bốn chữ ấy đứng đầu là vì thế.

(1). - Tinh-xá. — Nghĩa là nhà Giảng-đường của Phật ở thuyết pháp.

(2). - Kỳ-Đà (Jetrjetā) Tàu dịch rằng Chiến-Thắng, là Thái-tử của vua Ba-Ti-Nặc (Prasenajit). — Vì khi mới sanh ngài ra thì gặp lúc vua cha đánh giặc đang thắng trận, nên đặt tên ngài như vậy

Khi Thái-tử thấy ông Tu-Đạt-Đa (Sudatta) đến hỏi mua một khuôn vườn của ngài đang làm nhà Tinh-xá cho Phật thuyết pháp thì ngài bèn bảo rằng như đem vàng đến trải trên mặt đất được bao nhiêu, thì ngài chịu bán bấy nhiêu mà thôi, chớ không định giá bằng số tiền. Để đâu ông Tu-Đạt-Đa vưng lời về dinh, liền chở vàng đến trải mà mua cho đang vườn ấy. — Nhưng mấy chỗ có trồng cây thì trái vàng không đáng, nên còn về phần của Thái-tử

Thấy ông Tu-Đạt-Đa rất tâm đạo như vậy, thì Thái-tử lấy làm cảm phục, bèn trả vàng lại cho ông, rồi cũng phát nguyện cúng đóm cây trong vườn ấy cho Phật. — Vì vậy nên gọi là « Đóm cây của ông Kỳ-Đà ».

(3). - Cấp-Cô-Độc (Anatapindikā) là một vị đại-thần của vua Ba-Ti-Nặc, chính tên của ông là Tu-Đạt-Đa (Sudatta) đã nói trên đó.

Ông có lòng rất nhơn từ, năng giúp đỡ mọi người nghèo khó và thường trợ những kẻ già yếu mồ côi, nên người đương đời đó xưng ông là « Cấp-Cô-Độc ».

Nguyên ông lòng rất mộ đạo Phật, dám chở vàng đến trải khắp trên mặt đất mà mua cho đang khuôn vườn của Kỳ-Đà Thái-tử đã nói trên đó, mà lập nhà Tinh-xá cho Phật thuyết pháp, không có chút gì luyến tiếc

Trong kinh A-Di-Đà mà lịch-tự « vườn ông Cấp-Cô-Độc và đóm cây của ông Kỳ-Đà Thái-tử », là có ý tiêu biểu cái công-đức ngàn thu cho đời sau biết là một bậc người nhiệt thành với Phật-đạo.

(4). - Tì-Khư (Bhikṣu), Tàu dịch có ba nghĩa :

A) — *Khất-sỉ*, nghĩa là đi khất-thực để chuởng phước-diễn cho người và khất-pháp để nuôi thân huệ-mạng cho mình.

B) — *Bố-ma*, nghĩa là đạo đức rộng lớn, ma-quân phải khiếp sợ.

C) — *Phá-ác*, nghĩa là dứt trừ phiền-não, dẹp bỏ ác-chuởng.

(5). - A-La-Hán (Arhan), Tàu dịch có ba nghĩa : 1° *Ứng-cúng*, nghĩa là công hạnh đã thành tựu, đáng làm ruộng phước cho mọi người, nên ai cúng thì đang phước; 2° *Sát-lặc*, nghĩa là dứt trừ phiền-não mà chuởng đang thành đạo quả; 3° *Vô-sanh*, nghĩa là chuởng đang quả A-La-Hán rồi, không còn chịu mọi sự thống-khổ ở nơi đường sanh-tử nữa.

A-La-Hán là một quả-vị đứng nhất trong hàng Thánh-văn, đã chuởng vào bậc Hữu-dur Niết-bàn.

(6). - Xá-Li-P. Ất (Sariputra), Tầu dịch rằng Thu-tử, nghĩa là con của bà Thu-Lộ. — Ông là người trí-huệ cao-siêu, biện tài mẫn-thiệp. Có một bữa, ông đương ngồi thiền-dịnh, Mục-Kiền-Liên (Dgalyayana) bèn dùng hết sức thần-thông làm cho điều-động, mà ông cũng không xao lãng định-tâm chút nào.

Khi ông còn đương ở trong bụng mẹ, mà đã xúi giục cho mẹ biện luận giỏi hơn người cậu, là Cu-Si-La (Kausthila). Đến khi ông mới đặng 8 tuổi, mà ông diễn thuyết đã có tài, cả 16 nước không ai nghị luận hơn đặng. Sau ông theo học đạo Phật, thì mới trong bảy ngày mà ông đã thông hiểu các pháp, thiết là trí-huệ bức nhứt.

Ban đầu, ông theo học với Sa-Nhiên là người ngoại-đạo, đã lâu mà không thấy công hiệu gì cả. Đến lúc Sa-Nhiên chết có tỏ ra sự lạ, thì ông mới biết rằng thầy mình lâu nay giấu phép không chịu truyền, nên nghĩ đến thêm buồn, bèn quyết chí bỏ đạo ấy mà tìm đạo khác.

Khi ông ra đi đến giữa đường, thì vừa gặp môn-sanh của Phật, là Mả-Thắng đương nói pháp Nhơn-duyên; ông nghe rồi thì liền chứng quả Thỉnh-văn.

Đến như những sự tiền-thân của ông cũng nhiều, nhưng đây lược giải vài chuyện cho độc-giả rõ mà thôi.

Hồi kiếp quá-khứ, ông tu phép Đại-thừa, làm hạnh Bồ-tát, hằng nguyện bố-thí tất cả của cải và những cơ-thể trong thân phần; hề ai xin món gì thì ông đều cho món nấy.

Khi ấy, có người Bà-la-môn thấy vậy sanh lòng ganh ghét, quyết kiếm cơ mà làm cho ông thối-chuyển, bèn đến mà cầu xin con mắt của ông. Nhưng ông cũng vui lòng khoét mắt đưa cho; người Bà-la-môn lại cầm ném xuống đất, rồi khắc nhoe lên trên và lấy chơn chà đạp. Ông thấy vậy khởi lòng hờn giận, làm cho cái tâm tu hạnh Đại-thừa bố-thí của ông bị thối-chuyển, nên phải trở lại mà tu pháp tiểu-thừa, lo phần tự-lợi.

Lại có một kiếp cũng thuộc về hồi quá-khứ, ông bị đoạ làm con rắn độc-xà; vì căn phạm một vị Quốc-vương, nên bị các viên ngự-y dùng chú-thuật mà hô triệu rắn đến.

Khi rắn bò tới, thì thấy đã chất sẵn một đồng lửa đương cháy hực hờ — Các viên ngự-y đều bảo rằng: « Người căn phạm đến vua thì tội đáng chết; nếu người chịu nức lấy độc ra cho hết, thì ta sẽ dung thứ cho, bằng không thì người phải chui vào đồng lửa này mà chịu chết ». Rắn nghe nói như vậy, bèn ngẫm nghĩ rằng: « Nếu độc đã nhả ra, thì không có thể nào mà nức lại đặng; vậy thì ta đành chịu chết mà thôi ». Rắn nghĩ rồi, bèn bò trong đồng lửa mà chịu chết thiêu.

Bởi ông Xá-Li-Phất đời đời thường có tâm kiên-cố như vậy, nên Phật Thích-Ca nói rằng: « Xá-Li-Phất tánh rất bền chắc, không ai làm cho đời đời đặng ».

(7). - Ma-Ha Mục-Kiền-Liên (Maha Mue Dgalyayana), Tầu dịch là họ Thái-Thúc. — Ban sơ ông tu theo ngoại-đạo, đã lâu mà không thấy công hiệu gì, sau trở về tu pháp Phật, thì chứng quả Thỉnh-văn và đặng phép thần-thông bức nhứt.

(8). - Ma-Ha Ca-Diếp (Maha Kasyapa), Tầu dịch rằng Âm-Quang. — Nguyên kiếp trước ông có chung đậu vàng với người và ra công thiết tượng Phật; nhờ công-đức ấy nên đời đời cảm đặng cái báo-thân sắc vàng ánh chói. Khi gặp Phật Thích-Ca xuất thế giảng đạo, thì ông nguyện theo tu hành, sau đặng lãnh thọ chánh pháp của Phật. Trong hàng đệ-tử, thì ông là đức hạnh bức nhứt.

- (9). - Mā-Ha Ca-Chiên-Diên (Maha Katyayana), Tàu dịch rằng Văn sức, — là nói năng diệu dàng, biện luận rành rẽ. Ông là người có biện-tài bậc nhất.
- (10). - Ma-Ha Cu-Si-La (Maha Kausthila), Tàu dịch rằng Đại-Tất, — là nói đầu gối của ông lớn hơn mọi người. Ông học siêng, trí rộng, cũng có tài biện-luận rất giỏi.
- (11). - Lý-Bà-Đa (Revata), Tàu dịch rằng Tinh-Tú, — nghĩa là ban sơ, cha mẹ cầu đảo ngôi sao Thất, rồi ứng sanh ra ông, nên lấy diễm ấy mà đặt tên như vậy. Ông tu hành tâm chẳng điên đảo, nên đặt chánh-định bậc nhất.
- (12). - Chư-Lý Bàn-Đà-Dà (Suddhipanthaka), Tàu dịch rằng Kế-Đạo. Nghĩa là sanh ông ra tại nơi đường cái. Ban sơ ông mới nhập đạo, căn trí rất tối tăm, đến nỗi học nửa bài kệ mà đọc trước quên sau, không thuộc chút nào. Thế mà gắng sức chuyên cần, chẳng bao lâu ông cũng chứng thành đạo quả.
- (13). - Nan-Đà (Nanda), Tàu dịch rằng Diễm-Hỉ.

Ông là em của Phật Thích-Ca, đồng cha khác mẹ. Ban sơ ông không chịu xuất gia, nhưng vì thấy Phật khuyên đồ hoai, nên bắt đắc dĩ ông phải vâng lời, rồi cạo tóc bận áo ca-sa mà theo hầu bên Phật. Song tâm lòng luyến-ái của ông chưa khuây, nên thường xin về thăm nhà mà Phật không cho.

Có một bữa, Phật đi phó-thỉnh, dặn ông ở tại tinh-xá mức nước đồ cho đầy bình-bát, thì ông trong ý mừng thầm rằng: chắc có lẽ mình đồ đầy rồi sẽ lên về nhà thăm được. Nên khi Phật mới sắp ra đi, thì ông đã mức nước đồ vào bình-bát, song đồ chừng nào thì nó cũng cứ lưng không chịu đầy; ông bèn liều mạng bỏ mà đi càn. Dè đâu Phật đã biết trước, nên ra đứng đầu đường mà đón; ông cứ xăm-xuối đi tới, đến chừng ngược xem thấy Phật đứng đằng xa, thì ông hoảng kinh, bèn chạy quanh sau cây đại-thọ mà núp. Phật dùng phép thần-thông làm cho cây trốc lên đứng giữa hư-không, thành ra ông đứngtrơ trơ không biết chui trốn vào đâu. Phật thấy vậy, liền bước lại dẫn ông trở về tinh-xá mà an-ủ mọi sự tu hành.

Phật thấy Nan-Đà đã xuất gia mà tâm còn nghĩ tưởng việc nhà như vậy, nên tìm cách phương-tiện mà độ ông.

Một bữa kia, Phật dắt ông lên cõi Trời Đao-ly, cho ông dạo chơi trong các cung điện, xem lần tới cung chót thì ông thấy toàn là thiên-nữ cực kỳ xinh đẹp, mà không thấy người đàn-ông nào. Ông bèn hỏi rằng: « Sao các cung kia thì có đủ đàn-ông và đàn-bà, còn cung này lại toàn người đàn-bà như vậy? »

Thiên-nữ trả lời rằng: « Cung này dành cho người em của Phật Thích-Ca, tên là Nan-Đà tu hành tinh-tấn rồi, sau khi lâm-chung sẽ sanh về đây mà hưởng sự khoái-lạc với chị em tôi. »

Ông Nan-Đà nghe nói trúng tên mình, thì mừng rỡ vội vàng trả lời rằng: « Nan-Đà vốn thiệt là tên ta, chừng ta ở luôn lại đây có được chăng? ». Thiên-nữ nói rằng: « Chẳng được đâu, là vì chúng tôi là người cõi Trời, còn ông là người cõi Phàm, hai bên khác nhau ở chung không tiện. Vậy xin ông phải về gắng chí tu hành, đặt bỏ thân phàm rồi sau mới đặt sanh về đây mà ở với chị em tôi. »

Đoạn rồi, Phật lại dẫn ông Nan-Đà đi đến Địa-ngục. Ông dạo xem các chỗ, thì thấy có những lò lửa hừng, bắc chảo dầu sôi bỏ người vào mà nấu. Ông xem lần tới, lại thấy có một chảo dầu cũng đương sôi mà trong chảo không có người, thì ông liền hỏi rằng: « Sao trong chảo này chưa có bỏ người vào nấu như mấy chảo kia vậy? »

Quỉ-sứ trả lời rằng: « Số là em của Phật Thích-Ca tên là Nan-Đà, nếu tu hành tinh tấn thì đặt sanh về Thiên-đường. Nhưng vì ông hay trêu mếu

sự vui sướng ở nơi gia-đình, đến sau lâm-chung ông phải đọa vào trong ngục này ; nên tôi nấu sắn cháo dầu sôi đây, đợi ngày ông xuống mà bỏ vào nấu như mấy cháo kia vậy. » Ông Nan-Đà nghe nói đến tên mình thì hoảng kinh, liền cất tiếng to mà niệm rằng : « *Nam-mô Phật-Đà... Nam-mô Phật-Đà*, xin Phật ủng-hộ cho tôi. »

Từ đó, Phật dẫn ông về tinh-xá giảng nói việc tu hành cho trọn phần đạo hạnh, đợi sau sanh về Thiên-đường. Ông bèn thưa rằng : « Bạch đức Thế-tôn, tôi không mong về Thiên-đường, chỉ cầu sau cho thoát khỏi Địa-ngục mà thôi. » Phật biết ông xem thấy sự thống-khổ mà chán ngán sự vui, nên hằng ngày giảng nói vừa mãn trong ba tuần, thì trí-huệ của ông mở man, sau chứng đặng quả A-La-Hán.

(14). - A-Nan-Đà (Ananda), Tàu dịch rằng Khánh-Hỉ. Ông là em thúc bá của Phật Thích-Ca, học rộng nhớ nhiều, thiết là đa văn bực nhứt.

(15). - La-Hầu-La (Rahula), Tàu dịch rằng Phú-Chương, nghĩa là ở trong thai mẹ sáu năm mới sanh ra.

Ông là con của Phật Thích-Ca. Khi bà Da-Du Đà-La sanh ông ra, thì nhằm lúc vua A-tu-la, tên là La-Hầu-La lấy tay che khuất mặt trăng, vì vậy nên đặt tên ông là La-Hầu-La.

Kinh Phật-bản-hạnh-tập nói rằng : « Hồi đời quá-khứ, khi ông làm Quốc-vương, có một vị tiên-nhơn bị phạm giới, muốn tới vua mà cầu xin sám-hối. Khi vị tiên-nhơn đến vương-cung, thì vua đương mê chơi trong thú ngủ-dục, trót sáu ngày mà không chịu lâm triều. Vì duyên cớ ấy, nên sau bị sáu năm ở trong thai mẹ ».

Trong kinh Phật-bản-hạnh-tập lại nói rằng : « Khi Phật đã thành đạo về Hoàng-cung mà yết kiến phụ-vương, thì con là La-Hầu-La đã đặng sáu tuổi. Bà Da-Du Đà-La bảo con cầm một cái hoàn hoan-hỉ vào trong hàng Đại-chúng tìm cho được cha mà dâng. La-Hầu-La xăm xuôi đi thẳng tới chỗ Phật mà đưa tận tay ; ai nấy thấy vậy cũng ngạc-nhiên. »

Trong kinh Nhơn-Duyên nói rằng : « Trong mười người đệ-tử lớn của Phật thì ông La-Hầu-La là mặt-hạnh bực nhứt. Đến khi trong Hội Pháp-hoa, thì Phật thọ-ký cho ông sau sẽ thành Phật, hiệu là Đạo-Thất-Bảo-Hoa Như Lai. »

(16). - Kiều-Phạm Ba-Đề (Gavampati), Tàu dịch rằng Nguru-thi, — nghĩa là miệng thường nhai như trâu. Vì kiếp trước, ông thường khinh dể các vị sa-môn, nên mắc quả-báo đọa làm thân trâu đến năm trăm đời mới rảnh khỏi ; nhưng sau đã làm đặng thân người mà cái dư-báo ấy chưa hết. Đến khi gặp Phật Thích-Ca, thì ông tu học cũng đặng chứng đạo.

(17). - Tân-Đầu-Lô-Phả-La-Đọa (Pindolabharaduaia), Tàu dịch là Bất-Động. — Ông họ là Ly-Càn, thường ứng hiện trong đời mật-pháp này mà chứng các trai-đàn.

(18). - Ca-Lưu-Đà-Di (Kalayin), Tàu dịch rằng Hắc-Quang, — nghĩa là màu da của ông đen mà có ánh sáng.

(19). - Ma-Ha Kiếp-Tân-Na (Maha Kapphina), Tàu dịch rằng Phòng-Tú, — nghĩa là ban sơ, cha mẹ ông cầu khẩn ngôi sao Phòng mà ứng sanh ra. Ông là người nhằm thiên-văn bực nhứt.

(20). - Bạc-Câu-La (Vakhula), Tàu dịch rằng Thiện-Dung, — nghĩa là hình dung tốt đẹp. Kiếp trước, ông thường giữ giới bất-sát, nên trong hàng đệ-tử Phật, thì ông thọ-mạng bực nhứt.

(21). - A-Nâu-Lâu-Đà (Aniruddha), Tàu dịch rằng Như-Ý, — nghĩa là kiếp trước, ông có cúng-dường một vị Phật Bích-Chi, nên đời đời cảm động cái quả-báo phú-túc, những chỗ sở cầu đều vừa lòng mãn nguyện.

Khi mới nhập đạo, thì tánh ông hay mê ngủ. Thường bị Phật quở, nên ông rón thức luôn bảy ngày đêm, đến đời hai con mắt sưng và mù không thấy. Nhờ Phật dạy tu pháp « Kim-cang tam-muội », nên sau ông đạt thiên-nhân bực nhưt.

(22). - Bồ-tát Ma-ha-tát (Bodhisattva Mahasattva), Tàu dịch rằng Giác-hữu-tình, — nghĩa là tu hành đã thông thấu các pháp, nên đem chỗ sở-đắc của mình ra thức tỉnh cho nòi giống mê-lưu đang phần giải-thoát.

(23). - Văn-Thù-Sư-Lý (Manjusri), Tàu dịch rằng Diệu-Đức, — nghĩa là đủ ba đức là : 1^o tín, 2^o hạnh và 3^o trí. Ông chứng đạt thật-trí, thông hết chỗ huyền-bí của các pháp, cho nên đứng đầu trong hàng môn-sanh của Phật.

(24). - A-Dật-Đa (Ajita), Tàu dịch rằng Vô-Năng-Thắng, — nghĩa là lòng từ-thiện không ai sánh bằng. Ông lại có một tên nữa gọi là Di-Lặc (Maitreya), Tàu dịch là Từ-thị, nghĩa cũng như trên đó. — Vị Bồ-tát này ngày sau sẽ ra đời nối Phật Thích-Ca mà thuyết pháp độ sanh.

(25). - Kiên-Đà-Ha-Đề (Gandhahastin), Tàu dịch rằng Bất-Hưu-Tức, — nghĩa là ông cần tu các hạnh, thường không thôi bỏ.

(26). - Thường-Tinh-Tấn, — nghĩa là tám lòng của ông hóa-độ chúng-sanh dầu trải bao nhiêu kiếp-số, thì cũng không khi nào biết sự mỏi mệt và đả-đọa.

(27). - Thích-Đề Hoãn-Nhơn (Sakra Devanamludra), Tàu dịch rằng Năng-Thiên-Chủ, — Nguyên kiếp trước, ông gặp đức Phật Ca-Diếp (Kasyapa) nhập diệt, mà phát tâm tạo tháp cúng-dường ; vì nhơn duyên ấy nên nay ông đạt làm chủ ở cõi Trời Đao-Lý (Trayastrmsa).

(28). - Thiên-nhơn, là người ở các cõi Trời. — Đại-chúng, là tất cả chúng-sanh trong sáu đường.

(29). - Ta-Bà (Saha), Tàu dịch rằng Kham-nhân, — nghĩa là kham chịu những sự cực khổ.

Trong cõi « Liên-Hoa-Tạng trang-nghiêm » có 20 tầng Thế-giới, mỗi Thế-giới là một cõi Phật. — Cõi Ta-bà mà chúng ta ở đây, thuộc về tầng thứ 13, gồm có nhiều Thế-giới nhỏ.

Trong mỗi cõi Thế-giới nhỏ có ba cõi Trời : (1^o Cõi trời Lục-dục ; 2^o Cõi trời Sắc-giới, và 3^o Cõi trời vô-sắc). có bốn Châu : (1^o Đông-Thắng-thần-châu ; 2^o Tây-Ngưu-hoá-châu ; 3^o Nam-Thiệm-bộ-châu, tức là cõi Địa-cầu ngày nay, và 4^o Bắc-Cu-lô-châu), có một hòn núi Tu-di, và có hai vùng nhưt nguyệt.

Gồm 1.000 cõi Thế-giới nhỏ như vậy lại thành ra một cõi Tiểu-Thiên, gồm 1.000 cõi Tiểu-thiên lại thành ra một cõi Trung-thiên, rồi gồm 1.000 cõi Trung-thiên lại thành ra một cõi Đại-thiên. Vì gồm 3 lần số ngàn như vậy, nên gọi là cõi Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới, tức là một cõi Phật.

† Vậy thì cõi Ta-bà mà chúng ta ở đây, tính có 1.000.000.000 Thế-giới nhỏ, là cõi của Phật Thích-Ca giáo-hoá chúng-sanh.

(30). - Cực-lạc, là một cõi rất vui mà Phật A-Di-Đà nhiếp hoá. Theo như số 20 tầng thế-giới trong cõi Liên-Hoa-Tạng trang-nghiêm đã nói trên đó, thì cõi Cực-Lạc đứng về tầng thứ 13, ở trên phía tây cõi Ta-bà.

Cõi này không có các sự khổ, toàn là đất vàng, ao báu, điện ngọc và cung quỳnh. Chúng-sanh ở trong cõi ấy, thân hình xinh tốt khỏi sự ốm đau, y thực tự nhiên đủ đều khoái lạc. Và lại có đức Phật A-Di-Đà thường thường thuyết pháp, đến những nước chảy cây rung khua vãn bác-nhã, hoa rơi nhạc tấu rạng vẻ trang-nghiêm; vậy nên gọi là Cực-lạc.

(31). - A-Di-Đà (Amida), Tàu dịch là Vô-Lượng-Thọ và Vô-Lượng-Quang, nghĩa là thọ-mạng khôn lường, chẳng biết kiếp nào mãn số; trí-quang sáng suốt, không có chỗ nào chẳng soi. Vậy nên gọi là A-Di-Đà.

Chỗ nhơn-địa tu hành của Phật A-Di-Đà ở nơi kiếp trước rất nhiều, không thể kể xiết; nay xin lược nói vài kiếp như sau đây:

Trong kinh Diệu-pháp-hoa nói rằng: ngài là con của Đại-Thông Trí-Thắng Như-Lai; vì hay giảng kinh Pháp-hoa cho chúng-sanh nghe, nên sau thành Phật, hiệu là A-Di-Đà ở cõi Cực-lạc.

Trong kinh Quán-Phật-tam-muội-hải nói rằng: hồi đời quá-khứ-kiếp về trước, ngài đương làm Tì-khưu, chăm lòng kính lễ và quán-tưởng tướng lông mày trắng của Phật Không-Vương, nên đặng thọ-ký làm Phật, hiệu là A-Di-Đà.

Trong kinh Bi-Hoa nói rằng: Hồi đời quá-khứ hăng-sa kiếp trước, thì ngài làm vua Chuyển luân-vương, tên là Vô-Tránh-Niệm, còn đức Thích-Ca thì làm đại-thần tên là Bảo-Hải. Có một bữa, vua nghe đức Phật Bảo-Tạng đến thuyết pháp tại vườn Diêm-phù ở gần bên thành, thì vua đến nghe giảng đạo, rồi phát tâm xin thỉnh Phật và cả đại-chúng vào Vương-cung cúng-dường trọn luôn ba tháng, đặng lấy công-đức ấy mà cầu sự phước báo về tương-lai.

Lúc ấy Đại-thần Bảo-Hải đêm nằm chiêm bao thấy vua làm sự bố-thí thì lớn, mà chỗ cầu phước-báo thì nhỏ, thì biết sự ao ước của vua còn thuộc về phước hữu-lậu trong cõi Nhơn-thiên, nên nghĩ muốn làm sao cho vua phát tâm cầu đạo bồ-đề, nguyện thành chánh-giác, đặng ngày sau phổ độ quần-sanh thì mới vui lòng.

Đại-thần Bảo-Hải nghĩ rồi, sáng ra tới chỗ Phật Bảo-Tạng tỏ diêm chiêm-bao và tâu với vua Vô-Tránh-Niệm mà xin phát bồ-đề tâm cầu đạo vô-thượng. Vua nghe qua mấy lời khuyên tâu, tức thì đoán nạp mà phát tâm ở trước chỗ Phật Bảo-Tạng liền.

Khi đó Phật Bảo-Tạng bèn phóng hào-quang sáng suốt hiện cả thế-giới của chư Phật trong mười phương cho chúng-hội đồng thấy. Bảo-Hải đại-thần bèn tâu với vua Vô-Tránh-Niệm rằng: « Nay Bệ-hạ nhờ oai-thần của Phật mà được thấy các thế-giới; vậy Bệ-hạ muốn cầu lấy thế-giới nào? » Vua bèn suy nghĩ rồi chấp tay quì trước Phật Bảo-Tạng mà phát lời đại-nguyện và cầu sau khi thành Phật, quốc-độ và nhơn dân đều được trang-nghiêm thanh tịnh. Vì nhơn duyên ấy, nên sau ngài thành Phật, hiệu là A-Di-Đà ở cõi Tây-phương Cực-lạc.

Còn trong kinh Đại-Di-Đà lại nói rằng: Hồi kiếp hăng-sa vô-lượng trước, có Phật Thế-Tự-Tại-Vương ra đời, trụ thế bốn mươi hai kiếp mà giáo-hóa chúng-sanh.

Thuở ấy, có một vị quốc-vương nước lớn, tên là Kiều-Thi-Ca, tới hầu Phật Thế-Tự-Tại-Vương mà nghe thuyết pháp, rồi tỏ ngộ vui mừng, liền bỏ ngôi vua mà xuất gia làm sa-môn, hiệu là Pháp-Tạng Tì-khưu. Có một bữa, đánh lễ Phật rồi, quì xuống chấp tay cầu Phật chứng minh mà phát bốn mươi tám lời nguyện. Vì cái nguyện-lực to lớn ấy, nên sau ngài thành Phật, hiệu là A-Di-Đà.

(32). - Thất-bảo, — nghĩa là bảy thứ báu; 1° vàng; 2° bạc; 3° ngọc lưu-ly; 4° ngọc pha-lê; 5° ngọc xa-cừ; 6° Châu đỏ; 7° ngọc mã-nã.

(33). - Nước đủ tám món công-dức, — là: 1° đứng lặng và sạch sẽ; 2° trong trẻo và mát mẽ; 3° mùi ngon ngọt đẹp tốt; 4° nhẹ nhàn, có cái năng-lực đặc biệt, tự nhiên chảy lên xuống trên bông sen, những người vào tắm hễ muốn nước lên đầu thì chảy lên đầu, muốn lên lưng thì chảy lên lưng, còn muốn chảy xuống cũng vậy; 5° đượm nhuần; 6° êm dềm hoà hoãn, chảy vừa chừng, không mạnh quá; 7° uống vào hết sự đói khát; 8° trưởng-dưỡng các căn, uống vào thì bổ dưỡng thân thể và khoẻ mạnh tinh thần.

(34). - Thiên-nhạc, — Ở các cõi Trời dâng đủ thứ nhạc cúng-dường và khen ngợi công đức của Phật A-Di-Đà cùng các vị Bồ-tát. Lại trên hư-không thường có tiếng nhạc tự-nhiên kêu reo, êm dềm hoà nhã.

(35). - Ngày đêm sáu thời, — Cõi toàn cầu này thì lấy khi mặt trời mọc làm ban ngày, khi mặt trời lặn làm ban đêm. Còn trên cõi Phật A-Di-Đà thì có hào quang sáng chói luôn, không cần dùng ánh sáng của mặt trời, chỉ lấy khi hoa nở chim kêu làm ban ngày, khi chim nghỉ hoa ngậm làm ban đêm mà thôi.

Trong kinh thường nói ngày đêm sáu thời, ấy là nói lược, chớ như nói đủ thì ngày sáu thời và đêm sáu thời mới đúng.

(36). - Y-Cắt, — là cái đồ đựng hoa, làm bằng vải lụa, như hình chữ « *nhứt* ».

Trong kinh A-Di-Đà Nghĩa-ký nói rằng: cái y-cắt hình như cái hộp, mà có một cái chơn, để cầm mà dung cúng.

(37). - Năm Căn, — là: 1° Tín-căn (cội tin), nghĩa là tin theo lý thật; 2° Tấn căn (cội tinh tấn), nghĩa là tin theo lý thật mà chăm cầu chẳng thôi; 3° Niệm-căn (cội nhớ), nghĩa là ghi nhớ lý thật, chẳng khi nào quên; 4° Định-căn (cội chánh-định), nghĩa là chăm chú một cảnh, không xao lãng; 5° Huệ-căn (cội sáng suốt), nghĩa là tâm chú ở nơi đạo, rồi soi thấy được chỗ thật-tướng của các pháp.

(38). - Năm Lực, — là: 1° Tín-lực (sức tin), nghĩa là nói cái sức tin được lý thật và phá được đạo tà; 2° Tấn lực (sức tinh tấn) nghĩa là nói cái lực trừ được sự biếng-nhác mà cầu thành đạo-nghiệp; 3° Niệm-lực (sức ghi nhớ), nghĩa là nói cái sức phá lòng tà-niệm mà quyết cho thành chánh-niệm; 5° Huệ-lực (sức sáng suốt), nghĩa là nói cái sức bỏ các phép quyền và trừ các món tà-tiêu.

(39). - Bảy món Bồ-đề, — là: 1° Trạch-pháp (chọn pháp), nghĩa là lựa chọn pháp tu, tỏ biết các điều chơn nguy; 2° Tinh-tấn (tinh cần tăng tiến), nghĩa là cần tu đạo pháp, chớ không mê lầm các sự khổ hạnh vô ích; 3° Hỷ (mừng), nghĩa là mừng đặng pháp mẫu, chẳng khởi lòng điên đảo. 4° Trừ (dẹp trừ), nghĩa là trừ món phiền-não và dẹp bỏ mọi điều giả dối; 5° Xả (bỏ), nghĩa là bỏ sự tham muốn, chớ nên ghi nhớ; 6° Định (thiền-định), nghĩa là khi phát đặng chánh định, chớ nên sanh lòng ưa chấp, và 7° Niệm (ghi nhớ), nghĩa là tu hành thì phải ghi nhớ các món nói trên để.

(40). - Tám món thánh-đạo, — là: 1° Chánh-kiến, nghĩa là tỏ thấy sự thật, không sai lầm; 2° Chánh tư-đuy, nghĩa là sự suy nghĩ đúng lý; 3° Chánh-ngữ, nghĩa là lời nói chơn chánh; 4° Chánh-nghiệp, nghĩa là ba nghiệp đều thanh tịnh; 5° Chánh-mệnh, nghĩa là chẳng mưu cầu những sự lợi dưỡng mà bỏ trợ cho cái mạng vô-thường; 6° Chánh-tinh-tấn, nghĩa là lòng thường sốt sắng, mong cho đến đặng cảnh giới Niết-bàn; 7° Chánh-niệm, nghĩa là thường ghi nhớ đạo chánh, và 8° Chánh-định, nghĩa là đem cái trí vô-lâu mà ăn vào lý thật tướng.

(41). - Vô-lượng : nghĩa là không suy lường đặng.

Phật nói có mười số lớn là: 1° số A-Tăng-Kỳ, 2° số Vô-lượng, 3° số Vô-biên, 4° số Vô-đang, 5° số Bất-khả-số, 6° số Bất-khả-xưng, 7° số Bất-khả-tur, 8° số Bất-khả-lượng, 9° số Bất-khả-thuyết, và 10° số Bất-khả-thuyết Bất-khả-thuyết. Trong 10 số lớn ấy, thì số Vô-lượng đứng về vị số thứ hai.

Phàm những số gì nhiều quá, không dùng toán số mà kể cho xiết, thì nói là số vô-lượng.

(42). - Vô-biên : nghĩa là không có ngăn mé gì hết. Trong mười số lớn nói trên đó, thì số vô-biên đứng về vị số thứ ba.

Phàm những vật gì rất nhiều, không dùng toán số mà kể cho xiết, thì nói là số vô-biên.

(43). - A-Tăng-Kỳ (Asamkhyā), Tàu dịch là vô-số, nghĩa là một món số rất nhiều, không tính đặng đếm đặng. — Trong 10 số lớn nói trên đó, thì số A-Tăng-Kỳ đứng về số thứ nhất.

(44). - Kiếp : nghĩa là khoảng thời-kỳ rất lâu dài

Trong một kiếp nhỏ có 16.800.000 năm.

Một kiếp trung có 20 kiếp nhỏ: $16.800.000 \times 20 = 336.000.000$ năm.

Một kiếp lớn có 4 kiếp trung: $336.000.000 \times 4 = 1.344.000.000$ năm.

Tại cõi Ta-bà này, một kiếp thì bằng một ngày đêm bên cõi Cực-lạc. Huống chi ở cõi ta đây, sống lâu độ chừng năm sáu chục tuổi, hoặc bảy tám chục tuổi, hay là một trăm tuổi, rồi cũng phải chết, thoát còn thoát mất như bóng phù-du, dường có dường không tợ mây vãn cầu, thì đâu bằng thọ-mạng của chúng-sanh ở cõi Cực-lạc kia vô cùng vô tận. Vậy nên chúng ta cần phải niệm Phật mà cầu về cõi ấy.

Kể thế-gian thường hay nói một đời của người gọi là một kiếp; ấy là nói lầm.

(45). - Thịnh-văn đệ-tử : nghĩa là nói những hàng đệ-tử nghe tiếng thuyết pháp của Phật mà chứng quả.

Thịnh-văn có hai thứ giải dưới này :

A. — Những người ở cõi Ta-bà tu hành đã lâu, chứng đặng các quả Thịnh-văn, mà phát tâm cầu pháp Đại-thừa, nguyện sanh về cõi Cực-lạc.

B. — Chúng-sanh ở các thế-giới niệm Phật cầu sanh về cõi ấy, khi nghe Phật A-Di-Đà thuyết pháp thì liền chứng quả Thịnh-văn.

(46). - A-La-Hán : Đã có giải nghĩa về số 5 ở trước rồi.

(47). - Bồ-Tát (Bodhisattva) có ba bậc giải dưới này :

A. — Những người mới phát tâm tu hành, cầu pháp Đại-thừa, tu hạnh Bồ-Tát, thì gọi là bậc Bồ-Tát mới phát tâm.

B. — Những người học đạo Đại-thừa đã lâu đời, làm hạnh Bồ-Tát đã nhiều kiếp, hoặc chứng đặng bậc thập-trụ, bậc thập-hạnh, hay là bậc thập-hồi hướng, cho đến bậc thập-địa, thì gọi là bậc Bồ-Tát tu đã lâu.

C. — Những người tu tập nhiều kiếp, đã chứng bậc Thập-địa hay là đã chứng đặng bậc Đẳng-giác (kê Phật), thì gọi là bồ-xử Bồ-Tát.

(48). - Không thối-chuyển : nghĩa là nói những người đã sanh về nước Cực-Lạc, thì các công đức và các căn lành đều càng ngày càng tăng tiến, chớ không khi nào trở lui cả.

« **Bất-thối** » có nhiều nghĩa giải dưới đây :

1° Kinh Di-Đà Sớ-Sao nói rằng : những người sanh về cõi Cực-Lạc, thì chẳng những bậc Thánh-hiền mới đặng « bất-thối » mà thôi, dầu người nào mới sanh về đó thì cũng đặng bất-thối như vậy.

2° Kinh A-Di-Đà Đại-Bồ-nói rằng : những chúng-sanh về cõi Cực-Lạc, thì thân tâm đã đặng thanh tịnh, hết sự mê hoặc, nên cách ăn ở rất là nhân từ, việc hành động hiệp với đạo pháp, không chút gì là tà dâm hờn giận, và chẳng còn chút gì là ngu độn si mê. — Ai nấy cũng đủ 32 tướng tốt và các căn lành lợi, từ khi mới sanh về cõi Cực-Lạc cho đến ngày ra đời làm Phật. không khi nào thối chuyển cả.

3° Kinh Di-Lạc-Văn nói rằng : « **Bất-thối** » có ba nghĩa giải dưới đây :

A. — « **Đại-thừa bất-thối** », nghĩa là nói những người sanh về cõi Cực-Lạc, thì đã quyết chí học pháp Đại-thừa, chớ chẳng khi nào trở lui lại mà học tập pháp Tiểu-thừa.

B. — « **Di-dắc bất-thối** », nghĩa là các pháp mà đã học đặng rồi, thì hằng ngày tập luyện cho tấn tới hoai, chớ không khi nào thối thất.

C. — « **Vị-dắc bất-thối** », nghĩa là pháp gì chưa làm đặng, thì lại càng chăm lòng tinh-tần mà tu học cho đặng, chớ không khi nào sụt lui.

4° Sách « **Thập-nghi-Luận** » nói rằng : nhờ có năm nhơn-duyên như dưới đây, nên chẳng thối chuyển :

A. — Nhờ sức bi-nguyện của Phật A-Di-Đà giữ gìn, nên chẳng thối chuyển ;

B. — Nhờ hào-quang của Phật A-Di-Đà soi đến làm cho đạo lực tăng lên, nên chẳng thối chuyển ; C. — Nghe những tiếng gió, chim, cây, lưới, diễn-thuyết các pháp, rồi khỏi lòng niệm đạo, nên chẳng thối chuyển ; D. — Nhờ kết bạn với các vị Bồ-Tát và người Thượng-thiện, xung quanh không có những kẻ gian tà, siểm-mị làm ô-nhiễm tâm mình, nên khỏi sự tru-phiền mà chẳng thối chuyển ; Đ. — Sống lâu luôn luôn, không già không chết, nên chẳng thối chuyển.

(49). - **Thượng-thiện**, nghĩa là nói các bậc hiền-thánh rất cao thượng, như đức Quan-Thế-Âm, đức Đại-Thế-Chí, đức Văn-Thù, và đức Phổ-Hiền, vân vân...

(50). - **Căn lành** : Chúng-sanh chưa phát tâm tu hành, thì gọi là không có căn lành ; còn các người tu theo pháp Tiểu-thừa thì gọi là ít căn lành.

Kinh « **Thập-lục-quán** » và kinh « **Đại-bồ** » đều nói rằng : « **Bồ-đề-tâm** mới gọi là thật có căn lành. »

Sao gọi là Bồ-đề-tâm ? — « **Bồ-đề** » nghĩa là giác, « **tâm** » nghĩa là lòng, gọi là quyết lòng cầu đạo Chánh-giác.

Theo trong sách « **Phật-học Đại-Từ-Điền** », quyển thứ 12, trương 2.111, giải « **Bồ-đề** » có nhiều nghĩa. Nhưng tóm lại, thì có hai nghĩa : 1° Trên thì cầu thành Phật-đạo ; 2° Dưới thì hóa độ chúng-sanh. — Căn lành ấy thật lớn hơn tất cả các căn lành khác. Chẳng những nhờ căn lành ấy về cõi Cực-Lạc mà thôi, thật cũng do đó mà thành đạo Chánh-giác nữa.

(51). - **Phước đức** : Kinh « **Thập-Lục-Quán** » nói rằng : Phước đức có ba thứ giải dưới đây :

1° Hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ bậc sư-trưởng, có lòng từ-bi, chẳng hại chúng-sanh và tu các nghiệp lành ;

2° Qui-y Phật, Pháp, Tăng, giữ các điều cấm giới, phẩm hạnh hoàn toàn, oai nghi vẹn đủ ;

3° Phát tâm Bồ-đề, tin sự nhơn quả, học tụng kinh Đại-thừa, khuyên bảo người hành đạo.

Ba thứ phước đức nói trên đó hơn các công đức khác, vì chẳng những nhờ phước đức ấy đặng vãng sanh mà thôi, lại cũng vì phước đức đó mà đặng thành Phật.

- (52). - Nhơn-duyên. — «Nhơn» là hột giống phát sanh, còn «duyên» là các món hỗ trợ.

Bồ-đề căn lành là nhơn tốt, nhờ có các món phước đức kia làm duyên hỗ trợ, thì cây Bồ-đề chắc sẽ trổ hoa kiết quả sau.

- (53). - Thiện-nam: Nghĩa là người đàn-ông có căn lành, tín-ngưỡng đạo Phật, thọ năm điều giải cấm mà tu tại-gia.

- (54). - Thiện-nữ: Nghĩa là người đàn-bà có căn lành, tin mộ đạo Phật, thọ năm điều giải cấm mà ở nhà tu hành.

- (55). - Y-báo: là nói quốc-độ, nhà cửa và tất cả những đồ khí-dụng của chúng-sanh y trụ. Cho nên ngày nay mà đặng cái báo-cảnh tốt đẹp, là do chỗ tu hành ở nơi kiếp trước chiêu cảm mà thành ra.

- (56). - Chánh-báo: là nói căn thân của chúng-sanh. Cho nên ngày nay mà đặng thân hình viên mãn, và trí huệ sáng suốt, là do cái phước-lực tu trì của đời quá khứ mà cảm thành.

- (57). - Phật A-Xúc-Bê (Aksobhya), Tàu dịch rằng Bất-Động, nghĩa là pháp thân chẳng sanh chẳng diệt, không tới không lui; như gọi là «không» thì chẳng thuộc về ngoan không, còn như nói là «có» thì chẳng phải sắc tướng; ở nơi chánh-giác thì cũng chẳng tăng thêm, còn ở chỗ vô-minh thì cũng chẳng kém thiếu, vắng lặng thường còn, chẳng hề động chuyển. Vậy nên gọi là «Bất-động.»

- (58). - Phật Tu-Di-Tướng (Sumeru Saksana), Tàu dịch rằng Diệu-cao, là tên hòn núi. Nghĩa là hòn núi ấy vốn là bốn chất báu tạo thành, rất tốt đẹp và cao hơn các núi trong Thế-gian. Vì đức Phật này thân tướng tốt đẹp, trăm phước trang nghiêm, không khác gì núi ấy, nên gọi là «Tu-Di-Tướng.»

- (59). - Phật Đại-Tu-Di (Maha Sumeru), Nghĩa chữ «Tu-Di» đã giải trên rồi. Vì đức Phật này đạo đức cao lớn cũng như núi Tu-Di vậy.

- (60). - Phật Tu-Di-Quang (Sumeru), Nghĩa là núi Tu-Di toàn bằng chất báu, nên thường có ánh sáng rực rỡ. — Đức Phật này hào quang sáng suốt khắp cả cũng như núi ấy vậy.

- (61). - Phật Diệu-Âm, là nói tiếng thuyết pháp của đức Phật này tỏ rõ diệu hòa, êm dịu màu nhiệm, ai nghe cũng khởi lòng kính ái và đặng phần giải thoát cả.

- (62). - Số cát sông Hằng (Gange). Sông Hằng phát nguyên từ ao Vô-nhiệt-nặc ở núi Hương-sơn, bên nước Ấn-độ (Inde). Sông ấy chảy ra biển Ấn-độ-dương (Océan Indien), hai bên mé sông có cát thật nhỏ và nhiều lắm, không thể lường tính đặng.

Vậy nên khi Phật nói pháp gặp số gì rất nhiều mà không tính đặng, thì lấy số cát ấy mà thí dụ.

- (63). - Dùng tướng lưới rộng dài: Nghĩa là nói các Phật tu hành đã nhiều kiếp, khẩu nghiệp đã thanh tịnh và đủ cả các món công đức, nên cảm đặng tướng lưới rộng dài như vậy.

Kinh nói rằng: « Phàm phu thiết quá tử tiêm, biểu tam thể bất vọng ngữ. » Nghĩa là: cái lưỡi của người phàm liếm lên đến chót mũi là biểu hiện cái tướng chẳng nói dối trong ba đời.

Tướng lưỡi của Phật hoặc có lớn có nhỏ, tùy theo cơ-duyên mà hiện ra, như nói pháp Tiểu-thừa, chứng về sự nhỏ, thì hiện tướng lưỡi chỉ trùm đến nơi mắt và đến nơi mé tóc mà thôi. Còn như nói pháp Đại-thừa, chứng về sự lớn, thì hiện tướng lưỡi trùm khắp cõi Đại-Thiên.

Xem tướng lưỡi của Phật như vậy, thì biết rằng không vọng ngữ. Các Phật dùng lưỡi rộng dài mà khen ngợi Phật A-Di-Đà, thì biết kinh này thuộc về Viên-dốn Đại-thừa, chứ không phải là pháp quyền tiểu. Cho nên những người mà hủy báng pháp Tịnh-độ, thì thật là hủy báng các đức Phật và cũng là hủy báng cái tánh linh của mình nữa.

Nhưng phải biết rằng tướng lưỡi rộng dài ấy thuộc về pháp-thân (Dharmakaya), chứ chẳng phải thuộc về sắc-thân. Vì thể lượng của pháp-thân rộng lớn, trùm khắp cả mười phương, nên tướng lưỡi cũng rộng dài trùm cõi Đại-thiên Thế-giới.

- (64). - Cõi Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-giới: Mỗi một Thế-giới nhỏ lấy núi Tu-Di (Sumeru) làm trung tâm; ngay giữa lưng núi ấy có mặt Nhật, mặt Nguyệt xoay xung quanh; dưới chung núi ấy có bảy lớp núi, tám lớp biển bao bọc, và có bốn châu ở bốn phía. Ngoài bốn châu có núi Thiết-vi (Cakravada) bao giáp vòng như bờ lũy vậy.

Từ giữa núi Tu-Di (Sumeru) sắp lên, thì có cõi Trời Lục-Dục. Từ đánh cõi Trời Lục-Dục sắp lên, thì có cõi Trời Phạm-Thiên. Từ đánh cõi Trời Phạm-Thiên sắp lên, thì có cõi trời Vô-Sắc.

Gồm đủ cả các món đã kể trên đó, thì gọi là một cõi Thế-giới nhỏ.

Một ngàn Thế-giới nhỏ như vậy hiệp lại thành ra một cõi Tiểu-Thiên. Một ngàn cõi Tiểu-Thiên hiệp lại thành ra một cõi Trung-Thiên. Một ngàn cõi Trung-Thiên hiệp lại thành ra một cõi Đại-Thiên, tức là một cõi của đức Phật giác hóa chúng-sanh.

- (65). - Xưng-tán bất-khả tư-nghị công-đức nhứt-thiết chư Phật sở-hộ-niệm; — 15 chữ này, nguyên là tên hiệu của kinh.

Kinh này có công-đức rộng lớn khó nghĩ bàn đặng, nên cả thấy các đức Phật trong mười phương ba đời đều khen ngợi và hộ-niệm cả.

Song chẳng những các đức Phật khen ngợi công-đức của Phật A-Di-Đà và hộ-niệm kinh này mà thôi, cho đến người nào niệm hiệu của ngài, thì các đức Phật cũng đều hộ-niệm và giữ gìn người hành-giả cho đặng tinh tấn, cho khỏi lạc lăm, như bốn nguyện của Phật A-Di-Đà hộ các người niệm Phật vậy.

- (66). - Phật Nhật-Nguyệt-Đăng: Nghĩa là ánh sáng của mặt trời soi trong ban ngày, ánh sáng của mặt trăng soi trong ban đêm; còn ánh sáng của đèn thì soi trong lúc không có ánh sáng của nhật-nguyệt; ba ánh sáng ấy nối nhau thì sáng luôn. Còn đức Phật này có trí huệ sáng suốt vô cùng, cũng như ba thứ sáng đó, vậy nên gọi là « Nhật-Nguyệt-Đăng ».

- (67). - Phật Danh-Văn-Quang: Đức Phật này có đạo đức rộng lớn, tiếng đồn vang khắp mười phương Thế-giới, thí như ánh sáng soi suốt cả thấy các cõi, nên gọi là « Danh-Văn-Quang. »

- (68). - Phật Đại-Diễm-Kiên: Nghĩa là nói « quyền-trí » và « thật-trí » của đức

Phật này đều sáng-suốt, sự lý tỏ rõ, thí như hai vai đều có ánh sáng. — Và lại hai trí đó có năng lực gánh vác cả thấy Phật-Pháp, làm cho mười phương Thế-giới đều đặn về vang.

- (69). - Phật Tu-Di-Đăng : Trên đó đã nói núi Tu-Di bằng chất báu, có ánh sáng như đèn soi cả các châu. Còn đức Phật này dùng trí trung-đạo mà soi biết các cơ của chúng-sanh, nghĩa cũng như vậy, nên gọi là « Tu-Di-Đăng. »
- (70). - Phật Vô-Lượng Tinh-Tấn : Đức Phật này tu hành rất chuyên cần, và sự độ-sanh rất sốt sắng, gồm đủ trí hạnh vô cùng vô tận, lại càng tinh-tấn hơn cả thấy các đức Phật khác.
- (71). - Phật Vô-Lượng-Thọ : Nghĩa là nói thọ-mạng của Phật này vô cùng vô tận, không thể lấy kiếp số mà tính được.
- (72). - Phật Vô-Lượng-Tướng : Đức Phật này có nhiều tướng tốt không kể xiết.
- (73). - Phật Vô-Lượng-Tràng : Đức Phật này có công-đức rất cao, oai-lực rất lớn, thí như cây tràng phan dựng mà biểu hiệu cái nghĩa cao tột vậy.
- (74). - Phật Đại-Quang : Đức Phật này hào-quang sáng-suốt khắp cả, hơn các thứ sáng của mặt trời, mặt trăng và hào-quang của Chư-thiên, Thinh-văn và Bồ-Tát.
- (75). - Phật Đại-Minh : Đức Phật này có trí-huệ rất sáng-suốt, phá hết chướng-hoặc tối tăm, mà chói lòa cả Thế-giới.
- (76). - Phật Bảo-Tướng : Đức Phật này có nhiều tướng tốt trang-nghiêm, cũng như các thứ châu báu.
- (77). - Phật Tịnh-Quang : Đức Phật này có đức hạnh thanh tịnh và có vẻ sáng chói.
- (78). - Phật Diệm-Kiên : Đức Phật này có quyền-trí soi hết cả thấy sự vật, và thật-trí soi thấu tất cả lý tánh, hai món trí đó sáng-suốt rực rỡ, cũng như hai cái vai có ánh sáng.
- (79). - Phật Tối-Thắng-Âm : Đức Phật này có tám thứ tiếng tốt hơn cả thấy những tiếng của Thiên-nhơn, Thinh-văn và Bồ-Tát.
Tám thứ tiếng ấy là : 1° Tiếng rất tốt, — 2° Tiếng dịu dàng, — 3° Tiếng hòa vui, — 4° Tiếng rõ ràng, — 5° Tiếng rỗng lớn, — 6° Tiếng chẳng lằm, — 7° Tiếng sâu xa, — 8° Tiếng chẳng ngớt.
- (80). - Phật Nan-Trở : Đức Phật này đã chứng đặng pháp thân như chất kim-cang rất bền chắc, chẳng còn chút phiền-não chướng-hoặc gì mà phá hoại cái thể ấy đặng.
- (81). - Phật Nhứt-Sanh : Đức Phật này có hào-quang sáng-suốt, thí như ánh sáng mặt trời mới mọc.
- (82). - Phật Vông-Minh : Đức Phật này có trí-huệ sáng-suốt soi khắp các nơi, cũng như lưới ngọc của Trời Phạm-Thiên có ngàn hột châu, ánh sáng xen lộn lẫn nhau, chói lòa tất cả.
- (83). - Thế-giới ở về Hạ-phương : Mỗi Thế-giới ở dưới lớp Thổ-luân (đất), thì nhờ có Kim-luân (chất kim-cang) chống đỡ ; dưới lớp Kim-luân thì nhờ

có Thủy-luân (nước) chống đỡ; dưới lớp Thủy-luân thì nhờ có Phong-luân (gió) chống đỡ, mà Phong-luân ấy thì nương nơi hư-không, rồi ở dưới tầng hư-không đó có Thế-giới khác nữa; nên gọi là «Thế-giới ở Hạ-phương».

- (84). - Phật Sư-tử: Đức Phật này là đứng Vô-Thượng Pháp-Vương, cao hơn các bậc Hiền-Thánh, thường diễn thuyết các pháp mầu-nhiệm, làm cho chúng thiên-ma và ngoại-đạo đều khiếp sợ cả. Cũng như con sư-tử là chúa các loài thú, kêu ra một tiếng, thì các thú đều thất kinh vậy.
- (85). - Phật Danh-Văn: Đức Phật này có đạo đức rất rộng lớn, tất cả mười phương Thế-giới, đâu cũng đều nghe biết.
- (86). - Phật Danh-Quang: Đức Phật này có danh tiếng vang khắp mười phương Thế-giới, cũng như ánh sáng của mặt Trời soi khắp các chỗ vậy.
- (87). - Phật Đạt-Ma (Dharma), Tàu dịch là «Pháp». Nghĩa là nói vị Phật này tu tập các pháp, tạo thành đạo đức, chứng được Pháp-thân, rồi ra giáo hóa chúng-sanh cũng đều đặn như vậy.
- (88). - Phật Pháp-Tràng: Đức Phật này có đạo pháp rất cao, Nhơn-Thiên xem thấy thì tín-ngưỡng tôn trọng, ngoại-đạo xem thấy thì kinh hãi khâm phục. Cũng thí như cây tràng phan bằng Thất-bảo của vị Đế-Thích, khi nào có đánh cùng A-Tu-La, mà chúng Thiên-binh có hãi sợ, thì tướng niệm và trông xem bảo tràng ấy rồi tự nhiên hết sợ.
- (89). - Phật Trì-Pháp: Đức Phật này hay giữ pháp Trung-đạo, chẳng đọa lạc về bên «Có» và bên «Không»
- (90). - Thế-giới ở về Thượng-phương: Ở trên mỗi Thế-giới có lớp Không-khí, rồi trên lớp Không-khí ấy thì có lớp Phong-luân, rồi ở trên lớp Phong-luân ấy thì có lớp Thủy-luân, rồi ở trên lớp Thủy-luân ấy thì có lớp Kim-luân, là chất Kim-cang rất bền chắc, chống đỡ đất liền và sông núi, vân vân.... Ấy gọi là «Thế-giới Thượng-phương». Nếu xưng lý mà nói, thì cái thế cao tốt của tự tánh mình, tuyệt đường xem ngó; đó là nghĩa «Thượng-phương» vậy.
- (91). - Phật Phạm-Âm: Đức Phật này tiếng thuyết pháp rất trong trẻo, hòa nhã, sâu xa và mầu nhiệm.
- (92). - Phật Tú-Vương: Đức Phật này có trí-huệ sáng suốt hơn cả, cũng như vì sao lớn sáng tỏ hơn các ngôi sao khác vậy.
- (93). - Phật Hương-Thượng: Đức Phật này đã chứng được năm món hương pháp-thân: (1^o giải-hương, 2^o định-hương, 3^o huệ-hương, 4^o giải-thoát-hương, và 5^o giải-thoát tri-kiến-hương), thơm khắp mười phương Thế-giới; tất cả các món hương của hàng Nhơn-Thiên và bậc Nhị-thừa cũng không sánh kịp. Cũng thí như vị hương chiên-đàn giá rất quý mà mùi rất thơm, hễ đốt lên thì hơi hương tỏa khắp ngoài bốn mươi dặm, ai cũng nghe biết.
- (94). - Phật Hương-Quang: Đức Phật này dùng đức giải-thoát mà trừ các chướng ô-nhiễm, và đem sức trí-huệ mà phá những sự tối tăm; cũng như mùi hương đã trừ hết các chất hôi tanh, và có ánh-sáng mà soi chỗ u-ẩn nữa.
- (95). - Phật Đại-Diệm-Kiên: Đã có giải nghĩa vị Phật này nơi hiệu thứ 68 rồi.
- (96). - Phật Tạng-Sắc Bảo-Hoa-Nghiêm-Thân: Vị Phật này gồm đủ muôn hạnh, cảm thành thân-tướng trang nghiêm; cũng như thứ bông bằng chất báu có nhiều vẻ tốt đẹp vậy.

(97). - Phật Ta-La-Thọ-Vương: Đức Phật này đủ đạo đức, chứng ngộ Pháp-Thân, rất bậc tôn-nghiêm và không khi nào tiêu hoại.

(98). - Phật Bảo-Hoa-Đức: Đức Phật này đủ muôn đức trang-nghiêm, cũng như thứ bông bằng chất báu rất xinh đẹp vậy.

(99). - Phật Kiến-Nhứt-Thiết-Nghĩa: Là nói cả thảy pháp Thế-gian có nhiều nghĩa lý, hoặc có nghĩa sâu nghĩa cạn, nghĩa gần nghĩa xa, và có những nghĩa chung hay là nghĩa riêng, nghĩa trọn hay là nghĩa thiếu, mà vị Phật này đều rõ biết tất cả.

(100). - Phật Như-Tu-Di-San: Đức Phật này đủ đức hạnh, cao hơn cả thảy các bậc hiền thánh, cũng như núi Tu-Di cao hơn các núi vậy.

(101). - Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác; nghĩa là nói thể tánh của bồ-đề rất thanh tịnh, như gương trong chưa nhiễm bụi, như trăng tỏ chưa khuất mây, rộng lớn tột hư-không, sáng suốt hơn nhứt-nguyệt, rất màu nhiệm, rất linh thông, rất chơn chánh, rất bình đẳng, lớn đến nỗi bao hàm cả mười phương Thế-giới, nhỏ đến nỗi kém thua hột bụi lân-hư (bụi nhỏ lắm, kính hiển-vi soi cũng không thấy). Nhưng mà cái thể tánh ấy ở về bậc chí-thánh cũng chẳng tăng dư, ở về kẻ hạ-phàm cũng không giảm thiếu; khi đã ngộ cũng không phải đợi cái gì mới mà gọi rằng chứng, khi còn mê cũng không phải mất cái thể ấy đi mà gọi rằng mê, lửa « Kiếp » cũng chẳng đốt cháy, gió « Tì » cũng không xao động, ngàn xưa không chuyển biến, lịch kiếp vẫn chơn thường, ứng hiện trong muôn tượng, linh thông hơn mọi loài.

Tất cả các pháp Thế-gian và pháp Xuất-Thế-gian, không có một pháp nào cao hơn đạo Bồ-đề, nên gọi là « Vô-Thượng. »

Dùng trí chơn-chánh mà quán-sát cảnh Chơn-đế chẳng thuộc về tà trí, nên gọi là « Chánh. »

Dùng trí chơn-chánh mà quán-sát cảnh Tục-đế, chẳng thuộc về thiên-chấp, nên gọi là « Đẳng. »

Chữ « Giác » có ba nghĩa giải sau đây :

1^o *Tự-giác* ;— nghĩa là trí-huệ sáng-suốt, khác hơn kẻ phàm-phu mê muội ;
2^o *Giác-tha* ;— nghĩa là dùng trí độ người, khác hơn phần tự-lợi của hàng Nhị-thừa ;

3^o *Giác-mãn* ;— nghĩa là hai món « Giác » nói trên đó đã đầy đủ, khác hơn các bậc Bồ-Tát, giác-hạnh chưa viên mãn kia.

Đủ ba thứ « Giác » đã nói trên đó, nên gọi là « Chánh-giác. »

Nói tóm lại, vì gồm đủ các nghĩa đã giải đó, nên gọi là « Vô-Thượng Chánh-Đẳng Chánh-Giác. »

(102). - Vãng-sanh : là nói nếu chúng-sanh trong các thế-giới được một lòng tinh-tấn, niệm danh hiệu của Phật A-Di-Đà, thì đến lúc lâm-chung có Phật A-Di-Đà và Đức Quan-Âm, Đức Thế-Chí, cùng các vị Bồ-Tát khác, hiện ở trước mặt phóng quang mà rước về cõi Tịnh-Độ.

Xưa nay những người niệm Phật đặng vãng-sanh rất nhiều, xin lược kể một sự-tích như dưới đây :

Thuở đời nhà Tấn, có ngài Huệ-Viễn ở tại Nhạn-môn-quan, khi 20 tuổi đã xuất-gia vào ở chùa Đông-Lâm mà thọ cụ-túc-giới với ngài Đạo-An. Vì đời loạn ly, nên ngài mới qua Kinh-châu mà ẩn nơi núi La-phù-sơn.

Ngài bèn hiệp với 123 người đạo-lữ mà lập một chỗ tu hành, gọi là Bạch-

Liên-Xã. Các vị ấy đều tu theo pháp-môn Tịnh-Độ, mỗi ngày 2 thời khóa-tụng rất tinh thành, đến lúc lâm-chung đều đặng vãng-sanh tất cả.

- (103). - Kiếp-trước: Chữ « Kiếp » nghĩa là thời-kỳ rất dài, đã giải nghĩa nơi hiệu thứ 44 rồi. Còn chữ « trước », nghĩa là nhớ đực. Vì gồm cả hai nghĩa ấy, nên thành ra « Kiếp trước. »

« Kiếp » nguyên chẳng phải trong sạch và chẳng phải nhớ nhớt gì cả; chỉ vì có nhiều món phiền-não ác-chướng và những sự tai nạn của các loài chúng-sanh xen ở lộn trong một khoản thời-gian ấy, nên mới gọi là « Kiếp trước. »

- (104). - Kiến-trước, — nghĩa là sự xem thấy nhớ đực. Bởi chúng-sanh chấp sự phi-pháp cho là phải, chỉ sự chánh-lý cho là sai, và chuyện phải nói quấy, chuyện quấy nói phải, đem chỗ kiến-thức chẳng chánh đáng mà khởi sự phân biệt mê lầm, phá hư chánh-pháp, nên các đêu tà-kiến càng ngày càng lừng lẫy lên mà làm cho quấy đực cái nguồn chánh-kiến. Vậy nên gọi là « Kiến trước. »

- (105). - Phiền-não-trước, — nghĩa là các thứ nhớ đực ở trong tâm, thường lưu bố ra nhiều sự ưu phiền khổ não.

Các thứ phiền-não thường hay làm cho mọi loài chúng-sanh phải mê loạn đạo-nghiệp, rồi chiêu cảm các sự tai nạn, nên gọi là « phiền-não-trước. »

- (106). - Chúng-sanh-trước, — nghĩa là chúng-sanh phần nhiều hay vong ơn bội nghĩa, và láo dối kiêu căn, ở với cha mẹ thì không lòng hiếu dưỡng, đối với sư-trưởng thì không dạ kính nhường, làm đều tà-ác, chẳng giữ lương-tâm, chỉ tham luyến trong trường dục-lạc nhiễm-ô, không tu tập theo đạo Bồ-đề diệu-tịnh, khiến nên đời-đời kiếp-kiếp, bị lưu chuyển luôn trong ba cõi sáu đường. Vậy nên gọi là « Chúng-sanh-trước. »

- (107). - Mệnh-trước, — nghĩa là cái thân với cái tâm thường liên-lạc nhau; hơi thở khí nóng và thần-thức thường nương theo nhau mà sanh hoạt. Nếu hư một món, thì căn mạng phải chết.

Đương thời-kỳ giảm kiếp này, thọ-mạng của con người càng ngắn ngủi, thoi đưa ngày tháng, thân trải nắng mưa, phần thì ma phiền-não vẫn vương, phần thì quỷ vô-thường rình rập, huyền-thân mau diệt như bọt nước giữa dòng, tánh mạng mau đời tợ ngọn đèn trước gió. Vậy nên gọi là « Mệnh-trước. »

- (108). - Trong Thế-gian khó tin: Câu ấy có mười ý lược giải như dưới đây:

1° Chúng-sanh ở cõi uế-độ, con mắt thường thấy những cảnh xấu xa nhớ bản quen rồi, nên nghe nói cõi Cực-lạc rất tốt đẹp thì chẳng tin;

2° Những cõi Phật trong mười phương Thế-giới rất nhiều; tùy ý mà vãng-sanh, hà tất phải cầu sanh về Tịnh-độ; vì vậy nên không tin;

3° Cõi Tà-bà cách với Cực-Lạc hơn mười muôn ức cảnh Phật, mà khi lâm-chung làm sao đi đến cho đặng; vì vậy nên không tin;

4° Ta là bực phạm-phu, tội-chướng sâu dày, và tâm-thần ám muội, thì có lẽ nào mà mau đặng vãng-sanh; vì vậy nên không tin;

5° Tu pháp mẫu-nhiệm và góp nhiều công-đức mới đặng vãng-sanh, chớ đâu có lẽ chỉ niệm Phật mà đặng; vì vậy nên không tin;

6° Dầu có niệm hiệu Phật, thì cũng phải nhiều năm; chớ có lẽ nào chỉ trong một, hai, ba, bốn ngày mà đặng vãng-sanh; vì vậy nên không tin;

7° Tất cả nhơn-loại ở Thế-gian này, đều do ở trong bụng mẹ sanh ra; nên nghe nói những người côi Cực-lạc chỉ ở trong bông sen mà hóa-sanh, thì không tin;

8° Kẽ mới học đạo nơi côi này hằng bị các sự chướng-ngại làm cho thối chí, nên nghe nói chúng-sanh trên côi Cực-lạc đều đặng bậc bất-thối và đều thành Phật cả, thì không tin;

9° Có nhiều người nói rằng pháp Tịnh-độ chỉ điu dắt những kẻ hạ-căn mà thôi, chớ bậc thượng-trí không cần gì phải cầu sanh về Tịnh-độ; vì vậy nên không tin;

10° Lại có nhiều người nói rằng: trong các kinh, bộ này nói có Phật, bộ kia nói không có Phật, bộ nọ nói có Tịnh-đồ, bộ khác lại nói không có Tịnh-đồ, thì biết xu-hướng theo kinh nào; vì vậy nên không tin.

Pháp Tịnh-độ rất khó tin như vậy, mà Phật diễn nói ra trong thời-kỳ ác-trước này, thì có khác nào như vào trong xứ Lỗa-thề (ở trần trường) mà bày sự lễ nghi, đối với kẻ manh-đồ mà chỉ màu đen trắng, và lại cũng như trông bông giữa hư-không, mò trắng trong dòng sóng vậy.

(109). - A-Tu-La (Asura), Tàu dịch Phi-thiên, nghĩa là sự y-báo (cung điện cảnh vật), tốt đẹp trang-nghiêm như cảnh Thiên-đường, mà phần chánh-báo (căn-thân) thì chẳng xinh lịch như người côi Trời, nên gọi là « Phi-thiên. »

« A-Tu-La » có nhiều giống kể dưới đây:

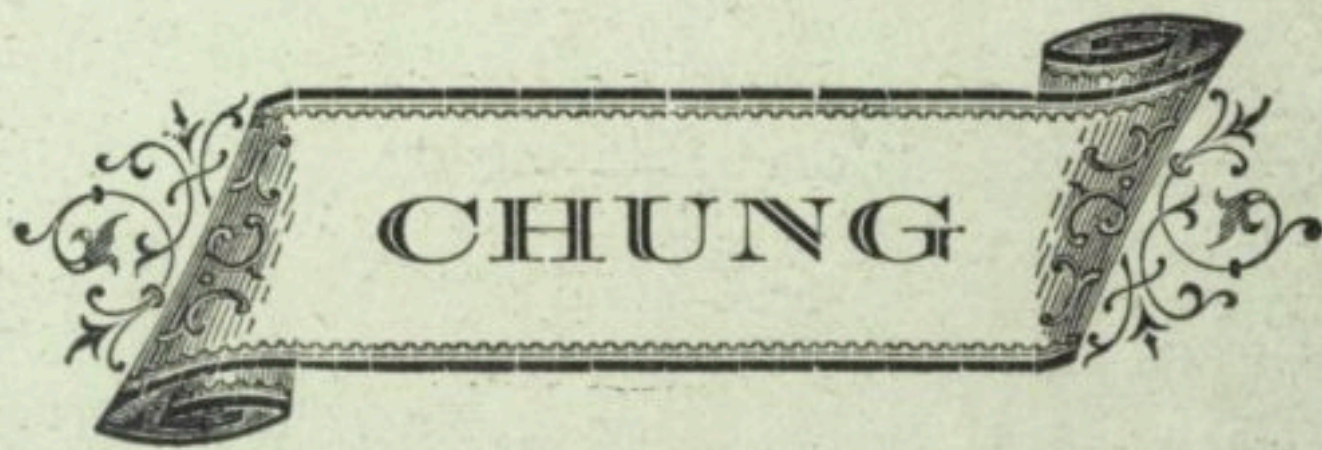
1° Giống thuộc về Thiên-đạo, thì ở giữa khoản đất trống nơi thành Bảo-thanh (thành của vị Thiên-vương ở núi Tu-di);

2° Giống thuộc về Quỷ-đạo, thì ở theo bờ biển, hoặc ở trong các hang đá;

3° Giống thuộc về Súc-đạo, thì ở dưới đáy biển, có thứ gió che giữ nước, không chảy vào trong cung điện được.

Những người mà kiếp trước tu hành nhiều đều phước đức, nhưng vì tánh hay nóng giận, kiêu ngạo và nghi báng, thì cam sanh về đường A-Tu-La.

Những người ở côi đó, đàn-ông thì bộ dạng xấu-xa; còn đàn-bà lại cực kỳ xinh đẹp.



HỘI NAM-KỲ NGHIÊN-CỨU PHẬT-HỌC
(ĐIỀU-LỆ CÓ QUAN THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ PHÊ NGÀY 26 AOUT 1931)
HỘI-QUÁN TẠI CHÙA LINH-SƠN
SAIGON -:- 149, Đường Douaumont -:- SAIGON

(鴻) (名) (寶) (懺) (儀) (式)
NGHI-THỨC
LẠY HỒNG-DANH SÁM-HỎI

(Có chữ Hán, chữ Quốc-ngữ và diễn âm)



Chư-Tổ rút trong kinh Quán-Dược-Vương
Dược-Thượng Nhị-Bồ-Tát và trong
kinh Bảo-Tích mà đem ra bằng chữ Tàu.

Các vị trong Tòa-soạn Phật-học Tạp-chí «TỪ-BI-ÂM»
dịch ra quốc-văn.



PHÁP-BẢO-PHƯƠNG (mặt tiền) ở tại chùa Linh-Sơn.
Hội-quán của Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học
(Kho để phụng trữ Đại-tạng-kinh và Tục-tạng-kinh)

鴻名寶懺儀式

大慈大悲憫衆生

大喜大捨濟含識

相好光明以自嚴

衆等至心歸命禮

南無皈依金剛上師

皈依佛

皈依法

皈依僧

我今發心。不爲自求人天福報。聲聞緣覺。乃至權乘諸位菩薩。唯依最上乘。發菩提心。願與法界衆生。一時同得阿耨多羅三藐三菩提。

南無皈依十方盡虛空界一切諸佛

南無皈依十方盡虛空界一切尊法

南無皈依十方盡虛空界一切賢聖僧

南無如來。應供。正徧知。明行足。善逝。世間解。無上士。調御丈夫。天人師。

佛。世尊。

南無普光佛

南無普明佛

南無普淨佛

南無多摩羅跋旃檀香佛

南無旃檀光佛
南無歡喜藏摩尼寶積佛
南無摩尼幢燈光佛
南無海德光明佛
南無大強精進勇猛佛
南無慈力王佛
南無旃檀窟莊嚴勝佛
南無善意佛
南無金華光佛
南無虛空寶華光佛
南無普現色身光佛
南無降伏衆魔王佛
南無智慧勝佛
南無善寂月音妙尊智王佛
南無龍種上尊王佛
南無日月珠光佛

南無摩尼幢佛
南無一切世間樂見上大精進佛
南無慧炬照佛
南無金剛牢強普散金光佛
南無大悲光佛
南無慈藏佛
南無賢善首佛
南無廣莊嚴王佛
南無寶蓋照空自在力王佛
南無琉璃莊嚴王佛
南無不動智光佛
南無才光明佛
南無彌勒仙光佛
南無世淨光佛
南無日月光佛
南無慧幢勝王佛

南無獅子吼自在力王佛
南無常光幢佛
南無慧威燈王佛
南無須彌光佛
南無優曇鉢羅華殊勝王佛
南無阿閼毘歡喜光佛
南無才光佛
南無山海慧自在通王佛
南無一切法幢滿王佛
南無金剛不壞佛
南無龍尊王佛
南無精進喜佛
南無寶月光佛
南無寶月佛
南無離垢佛
南無清淨佛

南無妙音勝佛
南無觀世燈佛
南無法勝王佛
南無須摩那華光佛
南無大慧力王佛
南無無量音聲王佛
南無金海光佛
南無大通光佛
南無釋迦牟尼佛
南無寶光佛
南無精進軍佛
南無寶火佛
南無現無愚佛
南無無垢佛
南無勇施佛
南無清淨施佛

南無娑留那佛

南無堅德佛

南無無量掬光佛

南無無憂德佛

南無功德華佛

南無財功德佛

南無善名稱功德佛

南無善遊步功德佛

南無善遊步佛

南無寶華遊步佛

南無法界藏身阿彌陀佛

如是等一切世界諸佛世尊。常住在世。是諸世尊。當慈念我。若我此生。若我前生。從無始生死以來。所作衆罪。若自作。若教他作。見作隨喜。若塔。若僧。若四方僧物。若自取。若教他取。見取隨喜。五無間罪。若自作。若教他作。見作隨喜。十不善道。若自作。若教他作。見作隨喜。所作罪障。或有覆藏。或不覆藏。應墮地獄餓鬼畜生。諸餘惡趣。邊地下賤。

南無水天佛

南無旃檀功德佛

南無光德佛

南無那羅延佛

南無蓮華光遊戲神通佛

南無德念佛

南無紅燄帝幢王佛

南無鬪戰勝佛

南無周匝莊嚴功德佛

南無寶蓮華善住娑羅樹王佛

及蔑戾車。如是等處。所作罪障。今皆懺悔。今諸佛世尊。當證知我。當憶念我。我復於諸佛世尊前。作如是言。若我此生。若我餘生。曾行布施。或取淨戒。乃至施與畜生一搏之食。或修淨行。所有善根。成就衆生。所有善根。修行菩提。所有善根。及無上智。所有善根。一切合集校計籌量。皆悉回向阿耨多羅三藐三菩提。如過去未來現在諸佛所作回向。我亦如是回向。衆罪皆懺悔。諸福盡隨喜。及請佛功德。願成無上智。去來現在佛。於衆生最勝無量功德海。我今皈命禮。

所有十方世界中
一切徧禮盡無餘
一身復現刹塵身
各處菩薩衆會中
各以一切音聲海
讚佛甚深功德海
如是最勝莊嚴具
末香燒香與燈燭
我以廣大勝解心

三世一切人獅子
普賢行願威神力
一一徧禮刹塵佛
無盡法界塵亦然
普出無盡妙言詞
以諸最勝妙華鬘
我以供養諸如來
一一皆如妙高聚
深信一切三世佛

我以清淨身語意
普現一切如來前
於一塵中塵數佛
深信諸佛皆充滿
盡於未來一切劫
技樂塗香及傘蓋
最勝衣服最勝香
我悉供養諸如來
悉以普賢行願力

普徧供養諸如來
從身語意之所生
二乘有學及無學
十方所有世間燈
轉於無上妙法輪
惟願久住刹塵劫
請佛住世轉法輪
願將以此勝功德
二諦通三昧印
所有衆生身口意
悉皆消滅盡無餘
乃至虛空世界盡
願今同向亦如是
南無大行普賢菩薩

〔三稱〕

我昔所造諸惡業
一切我今皆懺悔
一切如來與菩薩
最初成就菩提者
諸佛若欲示涅槃
利樂一切諸衆生
隨喜懺悔諸善根
回向無上眞法界
如是無量功德海
見惑彈謗我法等
念念智周於法界
衆生及業煩惱盡

皆由無始貪瞋癡
十方一切諸衆生
所有功德皆隨喜
我今一切皆勸請
我悉至誠而勸請
所有禮讚供養福
回向衆生及佛道
性相佛法及僧伽
我今皆悉盡回向
如是一切諸業障
廣度衆生皆不退
如是四法廣無邊

鴻名寶懺儀式終

HÔNG-DANH BẢO-SÁM

NGHI-THỨC

Đại từ đại bi mẫn chúng sanh,
Đại hỉ đại xả tế hàm thức;
Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm,
Chúng đẳng chí tâm qui mạng lễ.

Nam-mô qui-ý Kim-Cang thượng-sư.
Qui-ý Phật, qui-ý Pháp, qui-ý Tăng.

Ngã kim phát tâm, bất vị tự cầu nhưn thiện
phước báo, Thịnh-văn Duyên-giác, nãi chí quyền-
thừa chư vị Bồ-Tát, duy ỷ tối-thượng-thừa, phát
Bồ-đề tâm, nguyện dũ pháp giới chúng-sanh,
nhứt thời đồng đắc A-nậu đa-la tam-miệu tam-
bồ-đề.

Nam-mô qui-ý thập phương taten hư-không
giới nhứt thiết Chư Phật.

Nam-mô qui-ý thập phương taten hư-không
giới nhứt thiết Tôn Pháp.

Nam-mô qui-ý thập phương taten hư-không
giới nhứt thiết Hiền Thánh Tăng.

Nam-mô Như-Lai, Ứng-Cúng, Chánh-Biến-Tri,
Minh-Hạnh-Túc, Thiện-Thệ, Thế-Gian-Giải Vô
Thượng Sĩ, Điều-Ngự-Thượng-Phu, Thiên-
Nhơn-Sư, Phật, Thế-Tôn.

Nam-mô Phổ-Quang Phật;

Nam-mô Phổ-Minh Phật;

Nam-mô Phổ-Tịnh Phật;

Nam-mô Đa-Ma-La-Bạt-Chiên-Đàn-Hương
Phật;

Nam-mô Chiên-Đàn-Quang Phật;

Nam-mô Ma-Ni-Tràng Phật;

Nam-mô Hoan-Hỉ-Tạng-Ma-Ni-Bảo-Tích Phật;

Nam-mô Nhứt-Thiết - Thế - Gian - Nhạo - Kiến -
Thượng-Đại-Tinh-Tần Phật;

Nam-mô Ma-Ni-Tràng-Đẳng-Quang Phật;

Nam-mô Huệ-Cự-Chiêu Phật;

Nam-mô Hải-Đức-Quang-Minh Phật;

Nam-mô Kim-Cang - Lao - Cường - Phổ - Táng -
Kim-Quang Phật;

Nam-mô Đại - Cường - Tinh - Tấn - Đông - Mạnh
Phật;

Nam-mô Đại-Bi-Quang Phật;

Nam-mô Từ-Lực-Vương Phật;

Nam-mô Từ-Tạng Phật;

Nam-mô Chiên - Đàn - Khốt - Trang - Nghiêm -
Thắng Phật;

Nam-mô Hiền-Thiện-Thủ Phật;

Nam-mô Thiện-Ý Phật;

Nam-mô Quảng-Trang-Nghiêm-Vương Phật;

Nam-mô Kim-Hoa-Quang Phật;

Nam-mô Bảo-Cái-Chiêu-Không-Tự-Tại-Lực-
Vương Phật;

Nam-mô Hư-Không-Bảo-Hoa-Quang Phật;

Nam-mô Lưu-Lý-Trang-Nghiêm-Vương Phật;

Nam-mô Phổ-Hiện-Sắc-Thân-Quang Phật;

Nam-mô Bất-Động-Trí-Quang Phật;

Nam-mô Hàng-Phục-Chúng-Ma-Vương Phật;

Nam-mô Tài-Quang-Minh Phật ;
 Nam-mô Trí-Huệ-Thắng Phật ;
 Nam-mô Di-Lặc-Tiên-Quang Phật ;
 Nam-mô Thiện-Tịch-Nguyệt-Âm-Diệu-Tôn-
 Trí-Vương Phật ;
 Nam-mô Thế-Tĩnh-Quang Phật ;
 Nam-mô Long-Chường-Thượng-Tôn-Vương
 Phật ;
 Nam-mô Nhứt-Nguyệt-Quang Phật ;
 Nam-mô Nhứt-Nguyệt-Châu-Quang Phật ;
 Nam-mô Huệ-Tràng-Thắng-Vương Phật ;
 Nam-mô Sư-Tử-Hầu Tự-Tại-Lực-Vương
 Phật ;
 Nam-mô Diệu-Âm-Thắng Phật ;
 Nam-mô Thường-Quang-Tràng Phật ;
 Nam-mô Quang-Thế-Đăng Phật ;
 Nam-mô Huệ-Oai-Đăng-Vương Phật ;
 Nam-mô Pháp-Thắng-Vương Phật ;
 Nam-mô Tu-Di-Quang Phật ;
 Nam-mô Tu-Ma-Na-Hoa-Quang Phật ;
 Nam-mô Ưu-Đàm-Bát-La-Hoa-Thù-Thắng-
 Vương Phật ;
 Nam-mô Đại-Huệ-Lực-Vương Phật ;
 Nam-mô A-Súc-Tì-Hoan-Hĩ-Quang Phật ;
 Nam-mô Vô-Lượng-Âm-Thịnh-Vương Phật ;
 Nam-mô Tài-Quang Phật ;
 Nam-mô Kim-Hải-Quang Phật ;
 Nam-mô Sơn-Hải-Huệ-Tự-Tại-Thông-Vương
 Phật ;
 Nam-mô Đại-Thông-Quang Phật ;
 Nam-mô Nhứt-Thiết-Pháp-Tràng-Mãn-
 Vương Phật ;
 Nam-mô Thích-Ca-Mâu-Ni Phật ;
 Nam-mô Kim-Cang-Bát-Hoại Phật ;

Nam-mô Bảo-Quang Phật ;
 Nam-mô Long-Tôn-Vương Phật ;
 Nam-mô Tinh-Tần-Quân Phật ;
 Nam-mô Tinh-Tần-Hi Phật ;
 Nam-mô Bảo-Hỏa Phật ;
 Nam-mô Bảo-Nguyệt-Quang Phật ;
 Nam-mô Hiện-Vô-Ngu Phật ;
 Nam-mô Bảo-Nguyệt Phật ;
 Nam-mô Vô-Cầu Phật ;
 Nam-mô Lý-Cầu Phật ;
 Nam-mô Đông-Thí Phật ;
 Nam-mô Thanh-Tịnh Phật ;
 Nam-mô Thanh-Tịnh-Thí Phật ;
 Nam-mô Ta-Lưu-Na Phật ;
 Nam-mô Thủy-Thiên Phật ;
 Nam-mô Kiên-Đức Phật ;
 Nam-mô Chiên-Đàn-Công-Đức Phật ;
 Nam-mô Vô-Lượng-Cúc-Quang Phật ;
 Nam-mô Quang-Đức Phật ;
 Nam-mô Vô-Uu-Đức Phật ;
 Nam-mô Na-La-Diên Phật ;
 Nam-mô Công-Đức-Hoa Phật ;
 Nam-mô Liên-Hoa-Quang-Du-Hí-Thần-
 Thông Phật ;
 Nam-mô Tài-Công-Đức Phật ;
 Nam-mô Đức-Niệm Phật ;
 Nam-mô Thiện-Danh-Xưng-Công-Đức Phật ;
 Nam-mô Hồng-Diệm-Đế-Tràng-Vương Phật ;
 Nam-mô Thiện-Du-Bộ-Công-Đức Phật ;
 Nam-mô Đâu-Chiến-Thắng Phật ;
 Nam-mô Thiện-Du-Bộ Phật ;
 Nam-mô Châu - Tráp - Trang - Nghiêm - Công -
 Đức Phật ;

Nam-mô Bảo-Hoa-Du-Bộ Phật;

Nam-mô Bảo-Liên - Hoa - Thiện - Trụ - Ta - La -
Thọ-Vương Phật;

Nam-mô Pháp-Giới-Tàng-Thân A-Di-Đà Phật.

Như thị đẳng nhứt thiết thể giới, chư Phật
thể tôn, thường trụ tại thế, thị chư thể tôn,
đương từ niệm ngã.

Nhược ngã thử sanh, nhược ngã tiền sanh,
tùng vô-thỉ sanh tử dĩ lai, sở tác chúng tội, nhược
tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỷ, nhược
tháp, nhược tăng, nhược tứ phương tăng vật,
nhược tự thủ, nhược giáo tha thủ, kiến thủ tùy hỷ.

Ngũ vô-gián tội, nhược tự tác, nhược giáo tha
tác, kiến tác tùy hỷ.

Thập bất thiện đạo, nhược tự tác, nhược giáo
tha tác, kiến tác tùy hỷ.

Sở tác tội chướng, hoặc hữu phú tàng, hoặc
bất phú tàng, ưng dọa địa-ngục, ngã-quỉ súc sanh,
chư dư ác-thú, biên-địa hạ-tiện, cập miệt-lệ-xa,
như thị đẳng xứ, sở tác tội chướng, kim giai
sám hối.

Kim Chư Phật Thế-Tôn, đương chứng tri ngã.
đương ức niệm ngã, ngã phục ư Chư Phật Thế-
Tôn tiền, tác như thị ngôn: nhược ngã thử sanh,
nhược ngã dư sanh tăng hành bố thí, hoặc thủ
tịnh giới, nãi chí thí dữ súc-sanh nhứt đoàn chi
tự, hoặc tu tịnh hạnh, sở hữu thiện căn, thành
tự chúng-sanh, sở hữu thiện căn, tu hạnh bồ-
đề, sở hữu thiện căn, cập vô thượng trí, sở hữu
thiện căn, nhứt thiết hiệp tập giáo kế trừ lượng,
giai tất hồi hướng A-Nậu-Đa-La-Tam-Miệu-
Tam-Bồ-Đề, như quá-khứ vị-lai hiện-tại Chư
Phật sở tác hồi hướng, ngã diệt như thị hồi

hướng, chúng tội giai sám hối, chư phước tận tùy hỉ, cập thỉnh Phật công đức, nguyện thành vô thượng trí. Khứ lai hiện tại Phật, ư chúng sanh tối thắng, vô lượng công đức hải, ngả kim qui mạng lễ.

Sở hữu thập phương thể giải trung, tam thể nhứt thiết nhưn-Sur-tử; ngả dĩ thanh tịnh thân ngữ ý, nhứt thiết biến lễ tận vô dư; Phổ-Hiền hạnh nguyện oai thần lực, phổ hiện nhứt thiết Như-Lai tiền; nhứt thân phục hiện sát-trần thân, nhứt nhứt biến lễ sát-trần Phật;

Ư nhứt trần trung trần số Phật, các xứ Bồ-Tát chúng hội trung, vô tận pháp giải trần diệt nhiên, thâm tín Chư Phật giai sung mãn, các dĩ nhứt thiết âm thanh hải, phổ xuất vô tận diệu ngôn từ, tận ư vị lai nhứt thiết kiếp, táng Phật thậm thâm công đức hải.

Dĩ chư tối thắng diệu hoa mang, kỷ nhạc đồ hương cập táng cái, như thị tối thắng trang nghiêm cụ, ngả dĩ cúng dường Chư Như-Lai, tối thắng ỹ phúc tối thắng hương, mật hương thiêu hương dữ đấng chúc, nhứt nhứt giai như diệu cao tụng, ngả tất cúng dường Chư Như-Lai; ngả dĩ quảng đại thắng giải tâm, thâm tín nhứt thiết tam thể Phật; tất dĩ Phổ-Hiền hạnh nguyện lực, phổ biến cúng dường Chư Như-Lai.

Ngả tích sở tạo chư ác-nghiệp, giai do vô-thỉ tham sân si, từng thân ngữ ý chi sở sanh, nhứt thiết ngả kim giai sám hối.

Thập phương nhứt thiết chư chúng sanh, nhị-thừa hữu-học cập vô-học; nhứt thiết Như-Lai tử Bồ-Tát, sở hữu công đức giai tùy hỉ. Thập phương sở hữu thể-gian đấng, tối sơ thành tựu bồ-đề giả; ngả kim nhứt thiết giai khuyến thỉnh,

chuyển ư vô-thượng diệu-pháp-luân. Chư Phật
nhuộc dục thị niết-bàn, ngả tất chí thành nhi
khuyến thỉnh ; duy nguyện cứu trụ sát-trần-
kiếp, lợi lạc nhứt thiết chư chúng-sanh.

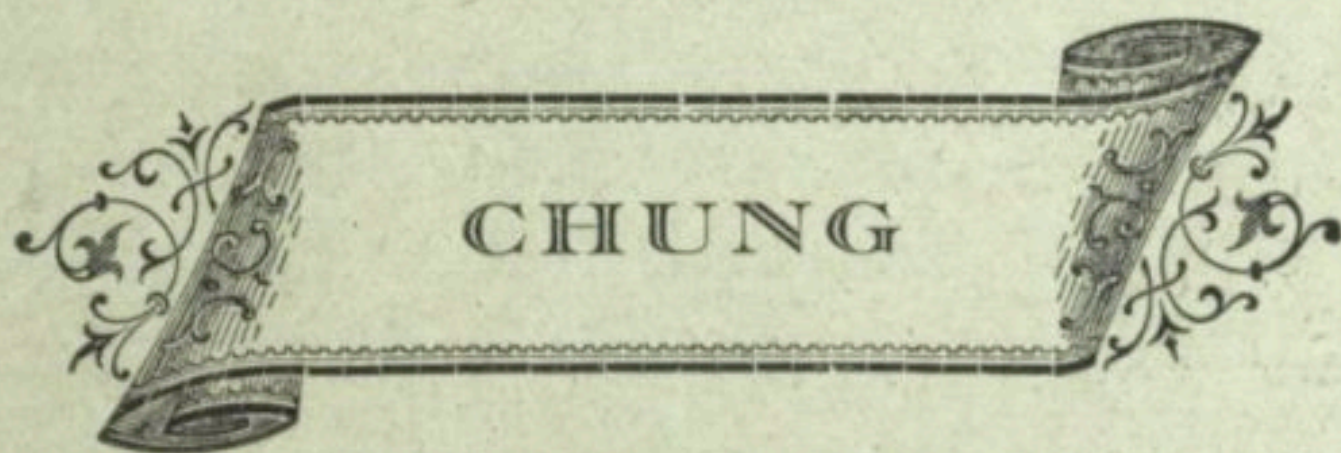
Sở hữu lễ táng cúng dường phước, thỉnh Phật
trụ thể chuyển pháp luân, tùy hỉ sám hối chư
thiện-căn, hồi hướng chúng-sanh cập Phật-đạo.

Nguyện tương dĩ thử thắng công đức, hồi
hướng vô thượng chơn pháp-giải, tánh tướng
Phật Pháp cập Tăng-già, nhị đế dung thông tam-
muội ấn, như thị vô-lượng công đức hải, ngả
kim giai tất tận hồi hướng.

Sở hữu chúng-sanh thân khẩu ý, kiến hoặc
đàng báng ngả pháp đảng, như thị nhứt thiết
chư nghiệp chướng, tất giai tiêu diệt tận vô dư,
niệm niệm trí châu ư pháp-giải, quảng độ chúng-
sanh giai bất thối. — Nãi chí hư không thể-giải
tận, chúng-sanh cập nghiệp phiền-não tận, như
thị tứ pháp quảng vô biên, nguyện kim hồi
hướng diệt như thị.

NAM-MÔ ĐẠI-HẠNH PHỔ-HIỀN BỒ-TÁT.

(Câu chót này, đọc 3 lần).



NGHI=THỨC LAY HỒNG-DANH SÁM-HÔI

DIỄN NGHĨA

Lò hương ngát khói, bình liêu rơi sương, cúi đầu lễ lay trước đài vàng, sám-hồi nghiệp ương, các tội thấy tiêu tan, tự tánh hồi quang, phước huệ chứng chơn-thường.

Nam-mô cầu sám-hồi Bồ-tát Ma-ha-tát.

Cả đức từ-bi cứu chúng-sanh,
Rộng lòng hĩ-xã thương hàm-thức,
Quang-minh tướng tốt lắm trang-nghiêm,
Chúng tôi chí tâm xin lễ kính.

Nam-mô qui-ý Kim-Cang thượng-sư.

Qui-ý Phật, — Qui-ý Pháp, — Qui-ý Tăng.

Nay tôi phát tâm, chẳng phải cầu những phước báo ở cõi Nhơn, Thiên, và Thinh-văn, Duyên-giác, cho đến các vị quyền-thừa Bồ-tát, chỉ cầu ý theo bậc Tối-thượng-thừa, phát lòng bồ-đề, nguyện cùng tất cả pháp-giải chúng-sanh, đồng đăng bậc Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác trong một thời.

Nam-mô qui-ý tất cả các đức Phật ở khắp cõi Hư-không trong mười phương;

Nam-mô qui-ý tất cả các Tôn-pháp ở khắp cõi Hư-không trong mười phương;

Nam-mô qui-ý tất cả các vị Hiền Thánh Tăng khắp ở cõi Hư-không trong mười phương.

Nhứt tâm lễ kính: Như-lai, Ưng-cúng, Chánh-biến-tri, Minh-hạnh-túc, Thiện-thệ thế-gian-giải, Vô-thượng-sĩ, Điều-ngự trượng-phu, Thiên-nhơn-sư, Phật, Thế-tôn.

Nam-mô Phổ-Quang Phật ;

Nam-mô Phổ-Minh Phật ;

Nam-mô Phổ-Tịnh Phật ;

Nam-mô Đa-Ma-La-Bạt-Chiên-Đàn-Hương
Phật ;

Nam-mô Chiên-Đàn-Quang Phật ;

Nam-mô Ma-Ni-Tràng Phật ;

Nam-mô Hoan-Hỉ-Tạng-Ma-Ni-Bảo-Tích Phật ;

Nam-mô Nhứt-Thiết-Thế-Gian-Nhạo-Kiến-
Thượng-Đại-Tinh-Tấn Phật ;

Nam-mô Ma-Ni-Tràng-Đẳng-Quang Phật ;

Nam-mô Huệ-Cự-Chiếu Phật ;

Nam-mô Hải-Đức-Quang-Minh Phật ;

Nam-mô Kim-Cang-Lao-Cường-Phổ-Táng-
Kim-Quang Phật ;

Nam-mô Đại-Cường-Tinh-Tấn-Dông-Mạnh
Phật ;

Nam-mô Đại-Bi-Quang Phật ;

Nam-mô Từ-Lực-Vương Phật ;

Nam-mô Từ-Tạng Phật ;

Nam-mô Chiên-Đàn-Khốt-Trang-Nghiêm-
Thắng Phật ;

Nam-mô Hiền-Thiện-Thủ Phật ;

Nam-mô Thiện-Ý Phật ;

Nam-mô Quảng-Trang-Nghiêm-Vương Phật ;

Nam-mô Kim-Hoa-Quang Phật ;

Nam-mô Bảo-Cái-Chiếu-Không-Tự-Tại-Lực-
 Vương Phật ;
 Nam-mô Hư-Không-Bảo-Hoa-Quang Phật ;
 Nam-mô Lưu-Lý-Trang-Nghiêm-Vương Phật ;
 Nam-mô Phổ-Hiện-Sắc-Thân-Quang Phật ;
 Nam-mô Bất-Động-Trí-Quang Phật ;
 Nam-mô Hàng-Phục-Chúng-Ma-Vương Phật ;
 Nam-mô Tài-Quang-Minh Phật ;
 Nam-mô Trí-Huệ-Thắng Phật ;
 Nam-mô Di-Lặc-Tiên-Quang Phật ;
 Nam-mô Thiện-Tịch-Nguyệt-Âm-Diệu-Tôn-
 Trí-Vương Phật ;
 Nam-mô Thế-Tĩnh-Quang Phật ;
 Nam-mô Long-Chường-Thượng-Tôn-Vương
 Phật ;
 Nam-mô Nhứt-Nguyệt-Quang Phật ;
 Nam-mô Nhứt-Nguyệt-Châu-Quang Phật ;
 Nam-mô Huệ-Tràng-Thắng-Vương Phật ;
 Nam-mô Sư-Tử-Hầu-Tự-Tại-Lực-Vương
 Phật ;
 Nam-mô Diệu-Âm-Thắng Phật ;
 Nam-mô Thường-Quang-Tràng Phật ;
 Nam-mô Quang-Thế-Đẳng Phật ;
 Nam-mô Huệ-Oai-Đẳng-Vương Phật ;
 Nam-mô Pháp-Thắng-Vương Phật ;
 Nam-mô Tu-Di-Quang Phật ;
 Nam-mô Tu-Ma-Na-Hoa-Quang Phật ;
 Nam-mô Ưu-Đàm-Bất-La-Hoa-Thù-Thắng-
 Vương Phật ;
 Nam-mô Đại-Huệ-Lực-Vương Phật ;
 Nam-mô A-Súc-Tì-Hoan-Hĩ-Quang Phật ;
 Nam-mô Vô-Lượng-Âm-Thịnh-Vương Phật ;
 Nam-mô Tài-Quang Phật ;

Nam-mô Kim-Hải-Quang Phật ;
Nam-mô San-Hải-Huệ-Tự-Tại-Thông-Vương
Phật ;
Nam-mô Đại-Thông-Quang Phật ;
Nam-mô Nhứt-Thiết-Pháp-Tràng-Mãn-
Vương Phật ;
Nam-mô Thích-Ca-Mâu-Ni Phật ;
Nam-mô Kim-Cang-Bất-Hoại Phật ;
Nam-mô Bảo-Quang Phật ;
Nam-mô Long-Tôn-Vương Phật ;
Nam-mô Tinh-Tần-Quân Phật ;
Nam-mô Tinh-Tần-Hi Phật ;
Nam-mô Bảo-Hỏa Phật ;
Nam-mô Bảo-Nguyệt-Quang Phật ;
Nam-mô Hiện-Vô-Ngu Phật ;
Nam-mô Bảo-Nguyệt Phật ;
Nam-mô Vô-Cầu Phật ;
Nam-mô Lý-Cầu Phật ;
Nam-mô Đông-Thí Phật ;
Nam-mô Thanh-Tịnh Phật ;
Nam-mô Thanh-Tịnh-Thí Phật ;
Nam-mô Ta-Lưu-Na Phật ;
Nam-mô Thủy-Thiên Phật ;
Nam-mô Kiên-Đức Phật ;
Nam-mô Chiên-Đàn-Công-Đức Phật ;
Nam-mô Vô-Lượng-Cú-Quang Phật ;
Nam-mô Quang-Đức Phật ;
Nam-mô Vô-Uu-Đức Phật ;
Nam-mô Na-La-Diên Phật ;
Nam-mô Công-Đức-Hoa Phật ;
Nam-mô Liên-Hoa-Quang-Du-Hí-Thần-
Thông Phật ;
Nam-mô Tài-Công-Đức Phật ;

Nam-mô Đức-Niệm Phật ;
Nam-mô Thiện-Danh-Xưng-Công-Đức Phật ;
Nam-mô Hồng-Diệm-Đế-Tràng-Vương Phật ;
Nam-mô Thiện-Du-Bộ-Công-Đức Phật ;
Nam-mô Đâu-Chiến-Thắng Phật ;
Nam-mô Thiện-Du-Bộ Phật ;
Nam-mô Châu-Tráp-Trang-Nghiêm-Công-
Đức Phật ;
Nam-mô Bảo-Hoa-Du-Bộ Phật ;
Nam-mô Bảo-Liên-Hoa-Thiện-Trụ-Ta-La-
Thọ-Vương Phật ;
Nam-mô Pháp-Giải-Tàng-Thân A-Di-Đà
Phật.

Xin các Phật Thế-Tôn thường trụ ở đời trong
cả Thế-giới, thương nghĩ đến tôi, nếu trong đời
này, hay là đời trước, từ kiếp vô-thỉ nhân lại
đây, tôi có bao nhiêu tội-nghiệp, hoặc tôi làm,
hoặc bảo người làm, hoặc thấy kẻ khác làm mà
tôi sanh lòng hoan-hỉ, — nếu của chùa, của sãi
và của sãi trong bốn phương, hoặc tôi lấy, hoặc
bảo người lấy, hoặc thấy kẻ khác lấy mà tôi
sanh lòng hoan-hỉ, — nếu năm thứ tội nặng
phạm về Địa-ngục vô-gián : một là xuất thân-
huyết Phật, hai là sát cha, ba là sát mẹ, bốn là
sát vị Hòa-thượng và năm là sát vị A-xà-lê,
trong năm tội ấy, hoặc tôi làm, hoặc bảo người
làm, hoặc thấy kẻ khác làm mà tôi sanh lòng
hoan-hỉ, — nếu mười thứ tội bất-thiện : một là
sát-sanh, hai là trộm-cướp, ba là dâm-dục, bốn
là nói láo-xược, năm là nói thêu-dệt, sáu là nói
đâm-thọc, bảy là nói hung-dữ, tám là tâm tham-
lam, chín là tâm nóng-giận, và mười là tâm si-
mê tà-kiến, trong mười tội ấy, hoặc tôi làm,
hoặc bảo người làm, hoặc thấy kẻ khác làm mà

tôi sanh lòng hoan-hỉ, — tất cả những tội-chướng đã kể trên đó, hoặc là che giấu, hoặc chẳng che giấu, đáng dọa vào Địa-ngục, Ngạ-quỉ, Súc-sanh, các đường ác-thú, hay là đáng sanh về chỗ biên-địa, thân hạ-tiện và nơi ác-kiến, trong mấy chỗ khổ cực như vậy, thì bao nhiêu tội-chướng ấy, nay tôi đều xin sám-hối.

Vậy cúi xin các Phật Thế-Tôn chứng-tri cho tôi, thương nghĩ đến tôi, nay tôi đối trước các Phật Thế-Tôn mà tỏ bày mấy lời như vậy :

Nếu tôi trong đời này hay là mấy đời trước, từng làm sự bố-thí, hoặc giữ giới thanh-tịnh, nhần đến thí cho loài súc-sanh chừng một vắt cơm, hoặc tu nết trong-sạch được bao nhiêu căn lành, hoặc thành-tựu cho các loài chúng-sanh được bao nhiêu căn lành, hoặc tu hạnh bồ-đề được bao nhiêu căn lành, và học trí vô-thượng được bao nhiêu căn lành, xin góp lại tất cả căn lành ấy, so tính trừ lượng rồi đem hết thấy mà hồi-hướng về đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Như các Phật đời quá-khứ, đời vị-lai và đời hiện-tại, hồi-hướng cách nào, thì tôi cũng hồi-hướng như vậy.

Các tội tôi đều sám-hối, các phước tôi đều tùy hỉ, và xin đem công-đức thỉnh Phật mà nguyện thành bậc trí vô-thượng.

Các Phật đời quá-khứ, đời vị-lai và đời hiện-tại, đối với chúng-sanh, là cái biển công-đức vô-lượng tối-thắng, nên ngày nay tôi cung kính qui-mạng.

Tất cả Thế-giải trong mười phương,
Tất cả các Phật trong ba đời,
Tôi đem thân, miệng, lòng trong sạch,
Khắp lạy hết thấy, không còn thiếu.

Như lực hạnh nguyện đức Phổ-Hiền,
Hiện thân khắp cả trước các Phật,
Một thân lại hiện sát-trần thân,
Nhứt nhứt lễ đū sát-trần Phật.
Trong một hội buổi số Phật nhiều,
Các xứ Bồ-tát hội vào đó,
Cả buổi pháp-giải cũng nhiều vậy,
Tin có các Phật ở đây khắp,
Đều lấy cả thấy biến âm-thinh,
Diễn ra biết mấy lời huyền diệu,
Cùng hết tất cả kiếp vị-lai,
Khen biến công-đức sâu của Phật.
Dùng những xâu bông rất mầu đẹp,
Đòn, sáo, hương thoa, với tàng lọng,
Đủ đồ như vậy rất trang nghiêm,
Tôi xin dựng cúng các đức Phật.
Y phục rất mầu, hương rất tốt,
Hương nghiền, hương thắp, và đèn đuốc,
Các món chứa như núi Tu-Di,
Tôi đều dựng cúng các đức Phật.
Tôi dùng cái tâm rõ biết rộng,
Rất tin tất cả Phật ba đời,
Thấy đem nguyện-lực đức Phổ-Hiền,
Cúng dựng khắp cả các đức Phật.
Tôi xưa tạo những đều ác-nghiệp,
Bởi kiếp vô-thỉ tham, sân, si,
Theo nơi thân, miệng, lòng, sanh ra,
Nay tôi đều xin sám-hối cả.
Tất cả chúng-sanh trong mười phương,
Nhị-thừa hữu-học và vô-học,
Tất cả Như-lai và Bồ-tát,
Bao nhiêu công-đức đều tùy hĩ.

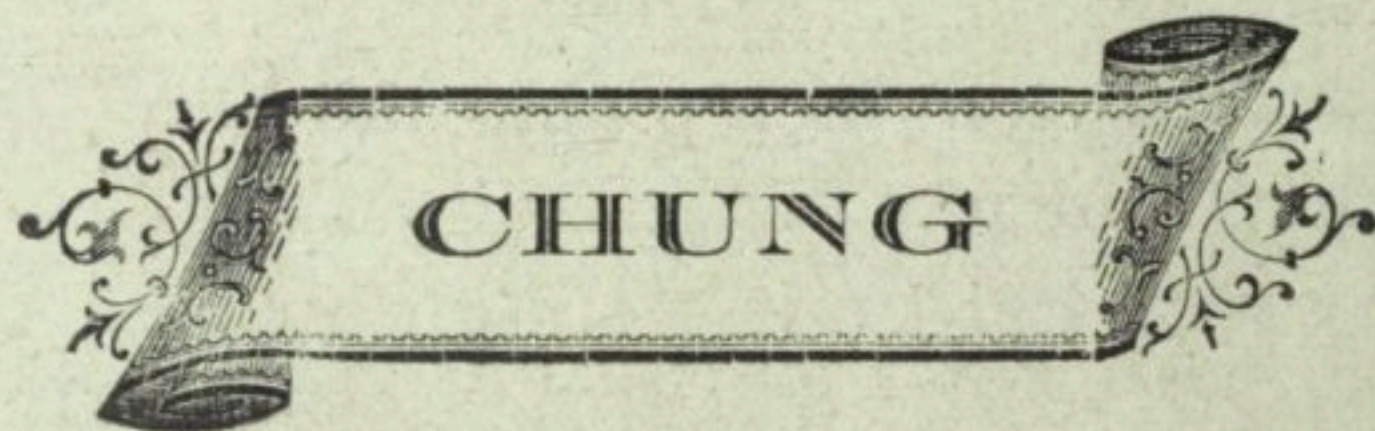
Mười phương có những đèn Thế-gian,
Thành đạo Bồ-đề khi trước hết,
Tôi nay cả thấy đều khuyên thỉnh,
Xin chuyển pháp-luân rất nhiệm-mầu.
Các Phật nếu muốn nhập Niết-Bàn,
Tôi đều hết lòng khuyên thỉnh lại,
Nguyện Phật đời đời thường trụ thế,
Lợi lạc cả thấy chúng-sanh này.
Bao nhiêu lễ tán cúng dường Phật,
Xin Phật ở đời chuyển pháp-luân,
Theo mừng sám-hối các căn lành,
Hồi-hướng chúng-sanh và đạo Phật.
Nguyện đem công-đức to lớn ấy,
Hồi-hướng về cõi pháp-giải chơn,
Tánh tướng Phật pháp và Tăng-già,
Hai để dung-thông ấn tam-muội,
Biên công-đức lớn không lường ấy,
Tôi nay thấy đều hồi-hướng cả.
Những thân, miệng, lòng của chúng-sanh,
Thấy lầm chệch lạc các pháp Phật,
Tất cả những đều nghiệp-chướng ấy,
Thấy đều tiêu diệt hết không còn.
Niệm niệm trí khắp cả pháp-giải,
Độ chúng đều lên bậc bất-thối,
Cho đến hư-không thế-giải hết,
Chúng-sanh và nghiệp phiền-não hết,
Bốn pháp như vậy rộng không cùng,
Nay nguyện hồi-hướng cũng như vậy.

NAM-MÔ ĐẠI-HẠNH PHỔ-HIỂN BỒ-TÁT

(Câu chót này, đọc 3 lần).

❧ BÀI HỒI-HƯƠNG ❧

Hạnh sám-hồi công-đức hơn hết,
Phước lớn vô cùng thấy hồi-hương,
Nguyện cả chúng-sanh trong pháp-giái,
Mau về cõi Phật A-Di-Đà.
Hồi-hương lương-duyên Phật Tam-thế,
Văn-Thù, Phổ-Hiền và Quan-Âm,
Các ngài Bồ-Tát rất lớn hơn,
Có trí-huệ lớn đèn bửu-ngạn.



HỘI NAM-KỲ NGHIÊN-CỨU PHẬT-HỌC
(ĐIỀU-LỆ CÓ QUAN THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ PHÊ NGÀY 26 AOUT 1931)
HỘI-QUÁN TẠI CHÙA LINH-SƠN
SAIGON -:- 149, Đường Douaumont -:- SAIGON

(孟) (蘭) (盆) (經)

KINH VU-LANG-BỒN

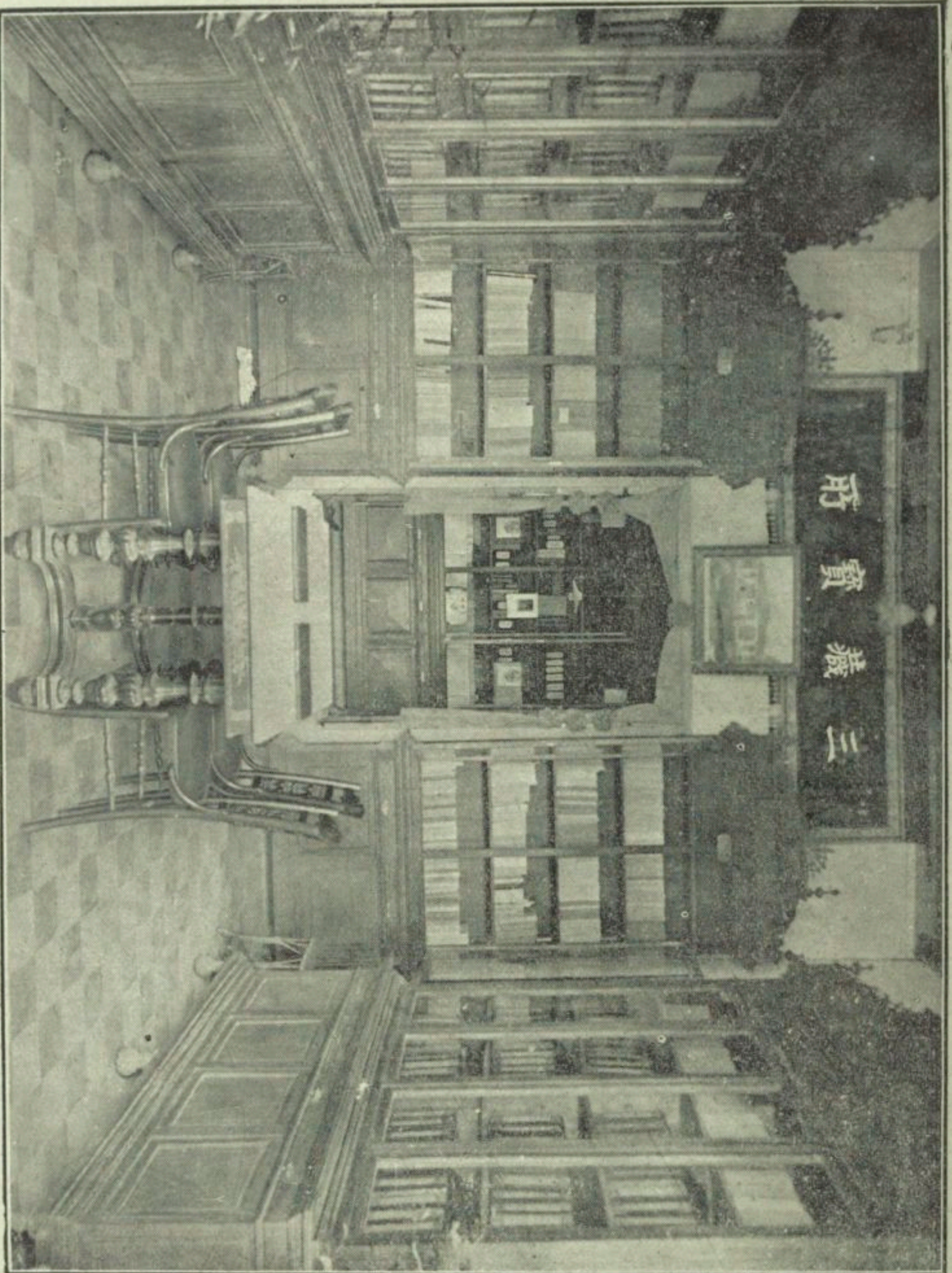
(Có chữ Hán, chữ Quốc-ngữ,
có diễn âm, diễn nghĩa lý và sự tích)



三藏法師竺法護譯

Thầy TAM-TẠNG Pháp-sư,
tên là TRÚC-PHÁP-HỘ dịch ra chữ Tàu

Các vị trong Tòa-soạn Phật-học Tạp-chi «TỪ-BI-ÂM»
dịch ra quốc-văn.



PHÁP-BẢO-PHƯƠNG (Phía trong, để phụng trữ Đại-tạng-kinh và Tục-tạng-kinh).

佛說盂蘭盆經

西晉三藏法師竺法護譯

聞如是。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。大目犍連始得六通。欲度父母。報乳哺之恩。卽以道眼觀視世間。見其亡母。生餓鬼中。不見飲食。皮骨連立。目連悲哀。卽以鉢盛飯。往餉其母。母得鉢飯。便以左手障鉢。右手揣食。食未入口。化成火炭。遂不得食。目連大叫。悲號涕泣。馳還白佛。具陳如此。佛言。汝母罪根深結。非汝一人力所奈何。汝雖孝順。聲動天地。天神地祇。邪魔外道。道士四天王神。亦不能奈何。當須十方衆僧威神之力。乃得解脫。吾今當說救濟之法。令一切難。皆離憂苦。佛告目連。十方衆僧。七月十五日。僧自恣時。當爲七世父母。及現在父母。厄難中者。具飯百味。五果。汲灌盆器。香油錠燭。牀敷臥具。盡世甘美。以著盆中。供養十方大德衆僧。當此之日。一切聖衆。或在山間禪定。或得四道果。或在樹下經行。或六通自在教化。聲聞緣覺。或十地菩薩大人。權現比丘。在大衆中。皆同一心。受鉢和羅飯。具清淨戒。聖衆之道。其德汪洋。其有供養此等自恣僧者。現世父母。六親眷屬。得出三塗之苦。應時解脫。

衣食自然。若父母現在者。福樂百年。若七世父母生天。自在化生。入天華光。時佛勅十方衆僧。皆先爲施主家咒願。願七世父母。行禪定意。然後受食。初受食時。先安在佛前。塔寺中佛前。衆僧咒願竟。便自受食。時目連比丘及大菩薩衆。皆大歡喜。目連悲啼泣聲。釋然除滅。時目連母。卽於是日。得脫一切餓鬼之苦。目連復白佛言。弟子所生母。得蒙三寶功德之力。衆僧威神之力。故若未來世一切佛弟子。亦奉孟蘭盆。救度現在父母。乃至七世父母。可爲爾否。佛言。大善快問。我正欲說。汝今復問善男子。若比丘比丘尼國王太子大臣宰相三公百官萬民庶人。行慈孝者。皆應先爲所生現在父母。過去七世父母。於七月十五日。佛歡喜日。僧自恣日。以百味飯食。安孟蘭盆中。施十方自恣僧。願使現在父母。壽命百年。無病。無一切苦惱之患。乃至七世父母。離餓鬼苦。生人天中。福樂無極。是佛弟子。修孝順者。應念念中。常憶父母。乃至七世父母。年年七月十五日。常以孝慈。憶所生父母。爲作孟蘭盆。施佛及僧。以報父母長養慈愛之恩。若一切佛弟子。應當奉持是法。時目連比丘四輩弟子。歡喜奉行。

孟蘭盆經終

KINH VU-LANG-BỒN

PHẬT THUYẾT VU-LANG-BỒN KINH

(Tây-Tấn Tam-Tạng Pháp-sư Trúc-Pháp-Hộ dịch)

Văn như thị, nhứt thời, Phật tại Xá-Vệ quốc, kỳ thọ, Cấp-cô-dộc viên.

Đại Mục-Kiền-Liên, thí đắc lục thông, dục độ phụ mẫu, báo nhũ bộ chi ân, tức dĩ đạo nhân, quan thị thế-gian, kiến kỳ vong mẫu, sanh Ngạ-quỉ trung, bất kiến âm thực, bì cốt liên lập.

Mục-Liên bi ai, tức dĩ bát thành phạn, vãng hướng kỳ mẫu. Mẫu đắc bát phạn, tiện dĩ tả thủ chướng bát, hữu thủ sự thực, thực vị nhập khẩu, hóa thành hỏa thán, toại bất đắc thực.

Mục-Liên đại kiêu, bi hào thế khắp, trì hoàn bạch Phật, cụ trần như thử.

Phật ngôn: nhữ mẫu tội căn thâm kiết, phi nhữ nhứt nhơn lực sở nại hà, nhữ tuy hiếu thuận, thỉnh động thiên địa, thiên-thần, địa-kỳ, tà-ma, ngoại-đạo, đạo-sĩ, tứ-thiên-vương thần, diệt bất năng nại hà, đương tu thập phương chúng tăng oai thần chi lực, nãi đắc giải thoát. Ngộ kim đương thuyết cứu tế chi pháp, link nhứt thiết nạn, giai lự ưu khổ.

Phật cáo Mục-Liên, thập phương chúng tăng, thất ngoạt thập ngũ nhứt, tăng tự-tứ thời, đương vị thất thế phụ mẫu, cập hiện-tại phụ mẫu, ách nạn trung giả, cụ phạn bách vị, ngũ quả, cấp

quán bốn khí, hương du đỉnh chúc, sàng-phu
ngọa-cụ, tận thể cam mỹ, dĩ trước bốn trung,
cúng dựng thập phương đại đức chúng tăng.

Đương thử chi nhứt, nhứt thiết Thánh chúng,
hoặc tại sơn gian thiên định, hoặc đắc tứ đạo-
quả, hoặc tại thọ hạ Kinh hành, hoặc lục-thông
tự tại giáo hóa, Thịnh-văn Duyên-giác, hoặc
thập địa Bồ-Tát đại nhơn, quyền hiện tì-khuru,
tại đại chúng trung, giai đồng nhứt tâm, thọ bát-
hòa-la phạn. Cự thanh-tịnh giải, Thánh chúng
chi đạo, kỳ đức uông dương.

Kỳ hữu cúng dựng thử đẳng tự-tứ-tăng giả,
hiện-thể phụ mẫu, lục thân quyền thuộc, đắc
xuất tam đồ chi khổ, ứng thời giải thoát, ự thực
tự nhiên.

Nhược phụ mẫu hiện tại giả, phước lạc bách
niên, nhược thất thể phụ mẫu sanh thiên, tự tại
hóa sanh, nhập thiên hoa quang.

Thời Phật sắc thập phương chúng tăng, giai
tiên vị thí chủ gia chú nguyện, nguyện thất thể
phụ mẫu, hành thiên-định ý, nhiên hậu thọ thực.

Sơ thọ thực thời, tiên an tại Phật tiền, tháp tự
trung Phật tiền, chúng tăng chú nguyện cảnh,
tiện tự thọ thực.

Thời Mục-Liên tì-khuru cập đại Bồ-Tát chúng,
giai đại hoan-hỉ, Mục-Liên bi đề khắp thỉnh, thích
nhiên trừ diệt.

Thời Mục-Liên mẫu tức ư thị nhứt, đắc thoát
nhứt kiếp Nga-quỉ chi khổ.

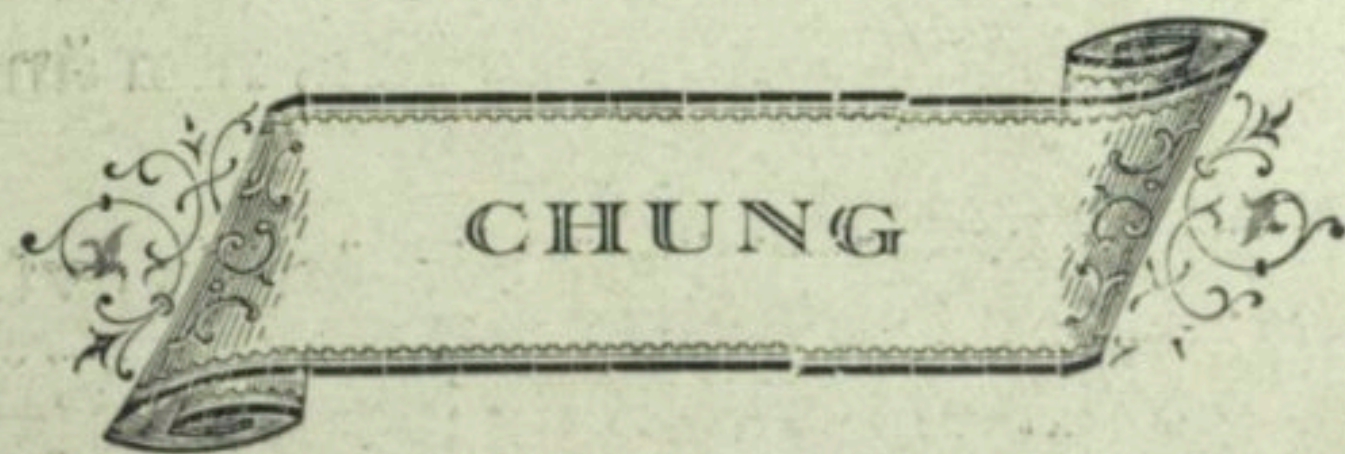
Mục-Liên phục bạch Phật ngôn: đệ-tử sở sanh
mẫu, đắc mong Tam-bảo công đức chi lực, chúng
tăng oai thần chi lực cố, nhược vị-lai thể, nhứt

thiết Phật đệ-tử, diệt phụng Vu-Lang-Bồn, cứu độ hiện-tại phụ mẫu, nãi chí thất thế phụ mẫu, khả vi nhĩ phủ ?

Phật ngôn : đại thiện khoái vãn ! ngã chánh dục thuyết, nhữ kim phục vãn. Thiện nam tử ! nhược tì-khuru, tì-khuru-ni, quốc-vương, thái-tử, đại-thần, tể-tướng, tam-công, bách-quan, vạn-dân, thứ-nhơn, hành từ hiếu giả, giai ứng tiên vị sở sanh hiện-tại phụ mẫu, quá-khứ thất thế phụ mẫu, ư thất ngoạt thập ngũ nhứt, Phật hoan-hỉ nhứt, tăng tự-tứ nhứt, dĩ bách vị phạn thực, an Vu-Lang-Bồn trung, thí thập phương tự-tứ tăng, nguyện sử hiện-tại phụ mẫu, thọ mạng bách niên, vô bệnh, vô nhứt thiết khổ não chi hoạn, nãi chí thất thế phụ mẫu, lý Nga-qui khổ, sanh nhơn thiên trung, phước lạc vô cực.

Thị Phật đệ-tử, tu hiếu thuận giả, ứng niệm niệm trung, thường ức phụ mẫu, nãi chí thất thế phụ mẫu, niên niên thất ngoạt thập ngũ nhứt, thường dĩ hiếu từ, ức sở sanh phụ mẫu, vị tác Vu-Lang-Bồn, thí Phật cập tăng, dĩ báo phụ mẫu trưởng dưỡng từ ái chi ân, nhược nhứt thiết Phật đệ-tử, ứng đương phụng trì thị pháp.

Thời Mục-Liên tì-khuru, tứ bối đệ-tử, hoan-hỉ phụng hành.



KINH VU-LANG-BỒN DIỄN NGHĨA

PHẬT THÍCH-CA NÓI KINH VU-LANG-BỒN

(Khi Phật Thích-Ca nhập-diệt rồi, thì ông A-Nan đối giữa Đại-chúng, kiết-tập những lời thuyết-pháp của ngài mà nói như dưới đây).

Ta nghe như vậy: Một thuở kia, Phật ở nhà Tinh-xá, nơi đám cây của ông Kỳ-Đà Thái-tử, trong vườn ông Cấp-Cô-Độc trưởng-giả, tại nước Xá-Vệ.

Đệ-tử lớn của Phật là Mục-Kiền-Liên⁽¹⁾, mới chứng đặng sáu pháp thần-thông⁽²⁾, muốn cứu độ cha mẹ mà đến ơn nhủ-bộ⁽³⁾, bèn dùng đạo-nhãn⁽⁴⁾ xem cả Thế-gian, thấy vong-mẫu sanh trong đường Nga-qui⁽⁵⁾, chẳng ăn uống gì đặng, nên thân-thể gầy ốm, chỉ còn da bọc lấy xương.

Mục-Liên rất nổi thương xót, tức thời lấy bát đựng cơm đem dâng cho mẹ. — Bà vừa thấy bát cơm liền lấy tay trái che cái bát, còn tay mặt thì bóc cơm mà ăn. — Không ngờ đồ ăn chưa để vào miệng mà đã hóa thành than lửa, nên ăn không đặng.

Mục-Liên thấy vậy liền khóc-òà lên, vừa than vừa chảy nước mắt nước mũi, rồi chạy về bạch lại với Phật, thuật đủ công chuyện của ông đã thấy đó.

Phật nói rằng: « Mẹ người gốc tội đã kết sâu, chẳng phải thần-lực của một mình người mà cứu đặng, dầu người có lòng hiếu-thuận, tiếng đồn vang cả Trời Đất, cảm động đến các vị Thiên-thần⁽⁶⁾, Địa-kỳ⁽⁷⁾, Tà-ma⁽⁸⁾, Ngoại-đạo⁽⁹⁾, Đạo-sĩ⁽¹⁰⁾ và bốn vị Thần-thiên-vương⁽¹¹⁾ đi nữa, thì cũng không thể gì cứu nổi. — Vậy người muốn cứu mẹ, thì phải nhờ sức oai-thần của Chúng-tăng trong mười phương mới độ thoát đặng. — Nay Ta nói phương-pháp cứu-tế⁽¹²⁾ này, khiến cho mọi người bị sự ách-nạn, đều được thoát khỏi cảnh ưu-khổ. »

Phật bèn bảo Mục-Liên rằng: « Ngày rằm tháng bảy là thời tự-tứ⁽¹³⁾ của Chúng-tăng; vậy nên vì cha mẹ bảy đời⁽¹⁴⁾ và cha mẹ hiện-tại mắc sự khốn khổ trong đường ách-nạn, mà sắm đủ những cơm và trăm món đồ ăn⁽¹⁵⁾, năm thứ trái cây, cùng là hương, dầu, đèn, nến, đồ đựng nước để tắm, giường chiếu để nằm, mà phải dùng thứ ngon và vật tốt ở trên đời, rồi đem tất cả sắp vào trong tiệc Vu-Lang-Bồn⁽¹⁶⁾ mà dựng cúng cho các vị Đại-đức-tăng ở mười phương.

Đương ngày ấy, tất cả các vị Thánh-tăng: hoặc kẻ tu Thiên-định ở trong núi⁽¹⁷⁾, đã chứng bốn bậc đạo-quả⁽¹⁸⁾; hoặc người đi kinh-hành ở d rới gốc cây⁽¹⁹⁾, đã đặng sáu pháp thần-thông tự-tại⁽²⁰⁾, giảng dạy những pháp Thịnh-văn⁽²¹⁾, Duyên-giác⁽²²⁾; hoặc bậc Thập-địa Bồ-tát Đại-nhơn⁽²³⁾, quyền hiện làm thầy Tì-khưu ở trong hàng Đại-chúng, đều đồng một lòng hòa-hiệp mà thọ cơm « bát-hòa-la⁽²⁴⁾ ». — Các vị Thánh-chúng ấy đủ cả giải-hạnh thanh tịnh và đạo-đức rộng sâu.

Vậy nên có người nào dựng cúng cho các vị Tự-tứ-tăng ấy, thì cha mẹ và hàng lục-thân quyến-thuộc ⁽²⁵⁾ đời hiện-tại đã từ trần, tức thời thoát khỏi khổ-báo trong ba đường ác-đạo, ⁽²⁶⁾ mà lạiặng phần vui sướng và những đồ ăn mặc tự-nhiên sẵn đủ.

Còn như cha mẹ đương hiện sống, thì đặng thọ lên trăm tuổi và phước lạc đủ đều; cho đến cha mẹ bảy đời cũng đặng sanh về cõi Trời, tự-tại hóa-sanh ⁽²⁷⁾, thân-thể đẹp xinh, quang-minh rực rỡ.»

Lúc ấy, Phật dạy Chúng-tăng trong mười phương, trước hết đều phải chú-nguyện mà cầu cho cha mẹ bảy đời của nhà thí-chủ ⁽²⁸⁾, rồi sau làm theo ý thiên-định mà thọ thực ⁽²⁹⁾.— Nhưng khi chưa thọ thực, thì phải dựng các món đồ ăn ở trước mặt Phật, hoặc Phật-tượng, hoặc Phật-cốt ⁽³⁰⁾, đương thờ trong chùa trong tháp mà cúng.— Chúng-tăng chú-nguyện xong rồi, mới lãnh thọ các món đồ ăn ấy.

Khi Phật nói pháp cứu-tế rồi, thì Mục-Liên Tì-khưu và các vị Bồ-tát lớn đều rất vui mừng, và những sự buồn rầu than khóc của Mục-Liên tức thời tiêu hết.

Mục-Liên vâng phép Phật làm theo, thì liền trong ngày thiết-cúng, vong-mẫu đặng thoát khỏi kiếp khổ nơi đường Ngạ-quỉ.

Mục-Liên lại bạch với Phật rằng: « Sanh-mẫu tôi nhờ sức công-đức của Tam-bảo ⁽³¹⁾ và sức oai-thần của Chúng-tăng mà đặng rảnh khổ. Nếu đời vị-lai, tất cả những hàng đệ-tử của Phật cũng vâng theo phép Vu-Lang-Bồn mà cứu độ cha mẹ đời hiện-tại và cha mẹ bảy đời, vậy có đặng hay không? »

Phật nói rằng: «Ta vừa muốn nói mà người lại hỏi, thật là thích hợp với lòng Ta. — Nay Thiên-nam-tử ơ, hoặc có vị Tì-khuru, vãi Tì-khuru, hàng Quốc-vương, Thái-tử, Đại-thần, Tể-tướng, Tam-công, bách-quan và vạn-dân thứ-nhơn nào muốn làm hạnh hiếu-từ⁽³²⁾, thì trước hết phải vì cha mẹ sở-sanh đời này và cha mẹ bảy đời đã qua rồi, đến bữa rằm tháng bảy là ngày hoan-hỉ của Phật và thời tự-tứ của Chúng-tăng, dùng cơm và trăm món đồ ăn sắp vào tiệc Vu-Lang-Bồn mà dâng cúng cho các Thầy Tự-tứ-tăng trong mười phương, dâng cầu nguyện cho cha mẹ đời hiện-tại sống lâu trăm tuổi, khỏi sự đau ốm và khỏi tất cả mọi điều khổ-não, nhân đến cha mẹ bảy đời trước cũng rảnh nỗi khổ-não nơi đường Nga-quỉ, mà sanh về cõi Nhơn-thiên, hưởng đều phước lạc vô hạn.

Những hàng đệ-tử của Phật biết tu hạnh hiếu-thuận⁽³³⁾, thì trong lòng phải niệm-niệm, thường nhớ cha mẹ đời này và cha mẹ bảy đời, mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy, hằng đem lòng hiếu-từ nhớ tới cha mẹ sở-sanh của mình, mà làm lễ Vu-Lang-Bồn cúng Phật và Chúng-tăng, dâng báo đáp công ơn từ-ái trưởng-dưỡng⁽³⁴⁾. — Cho nên tất cả đệ-tử của Phật phải vâng làm theo pháp ấy.

Khi Phật nói kinh Vu-Lang-Bồn rồi, thì Mục-Liên Tì-khuru và trong tứ-chúng đệ-tử đều vui lòng mà phụng hành theo cả.

CHUNG

KINH VU-LANG-BỒN

GIẢI RÕ NGHĨA LÝ VÀ SỰ TÍCH

- (1). - **Mục-Kiền-Liên** (Muc Dgalyayana) : Tàu dịch là Đại-Thái-Thức. — Ông là con nhà Tướng-quốc ở thành Vương-Xá (Rajagrha).

Lúc ông còn nhỏ, thì kết bạn với ông Xá-Li-Phất (Sariputra), tu hành phép ngoại-đạo đã lâu mà không đăng công hiệu gì cả.

Sau nghe ông Xá-Li-Phất thuật lại bài kệ Nhơn-duyên của Phật, thì tâm trí của ông mở thông, chứng đăng sơ-quả, bèn qui đầu về Phật, rồi nghe pháp có bảy ngày mà rõ thấu chơn lý, chứng quả A-La-Hán, và đăng sáu phép thần-thông, để phổ-tế chúng hữu-tình tại Thế-gian này.

- (2). - **Sáu phép thần-thông** : Sáu phép ấy ai ai cũng đều có ; nhưng vì mê-muội mà thành không thọ dụng được.

Nguyên ông Mục-Kiền-Liên đã dẹp trừ mọi sự ác-chướng, bỏ hết các điều mê-hoặc, nên mới phát hiện sáu phép thần thông ấy, xin kể ra dưới đây :

1° — *Phép Thiên-nhãn-thông* : nghĩa là xem thấy thấu suốt tất cả các chỗ, không vật gì ngăn che ngại ;

2° — *Phép Thiên-nhi-thông* : nghĩa là nghe biết cả các tiếng của chúng-sanh ;

3° — *Phép Tha-tâm-thông* : nghĩa là rõ biết các thứ tâm-niệm của chúng-sanh ;

4° — *Phép Túc-mạng-thông* : nghĩa là nhớ biết tất cả những sự trong đời quá-khứ ;

5° — *Phép Thần-túc-thông* : nghĩa là biến-hóa tất cả phép lạ lòng ;

6° — *Phép Lộ-tận-thông* : nghĩa là nhiệm-lậu dứt hết, trí-huệ rõ bày, hiểu biết các pháp, không sự gì khuất che nữa.

- (3). - **Ơn nhũ-bộ** : nghĩa là cái ơn cho bú và bú cơm.

Phàm người, ai cũng nhờ cha mẹ sanh dưỡng nên mới thành thân-hình ; vậy nên Phật nói : Giả như làm con mà vai bên trái công cha, vai bên mặt công mẹ, trái đến đời kia kiếp nọ, chịu những sự đại-tiêu-tiện của cha mẹ, nhờ nhớt ở trên vai, mà không chút gì nhờm góp, lại sanh lòng hoan hỷ thừa thuận nữa. — Nếu được như vậy, cũng chưa đủ đền cái công ơn trong một phân một hào.

- (4). - **Đạo-nhân** : nghĩa là chơn vọng hiển hiện, lựa chọn phân minh, chính con mắt ấy do nơi chứng đạo mà được.

- (5). - **Đường Nga-quỉ** : nghĩa là loài quỉ đói. Nguyên đời trước tạo nghiệp tham lam mà sau khi chết rồi bị dọa vào đường ấy.

Đường Nga-quỉ ở dưới châu Nam-Diêm Phù-Đề (Jambudvīpa) có nhiều hạng kể ra dưới đây :

1° — *Hạng quỉ không của* : Hạng này có ba thứ kể dưới đây :

A. — Thứ quỉ mà trong miệng thường hóa lửa, nguyên đời trước đốt phá

xóm làng, thiêu hại người lương thiện, nên sau khi chết rồi bị đọa vào loài quỷ đó ;

B. — Thứ quỷ mà bụng lớn như cái trống và cuống họng nhỏ như cây kim. Nguyên đời trước, trộm cắp đồ vật của chúng, và ăn chay mà không giữ trọn, nên sau khi chết rồi bị đọa vào loài quỷ đó ;

C. — Thứ quỷ mà miệng thường hôi thúi rất ghê gớm. Nguyên đời trước, hay tham danh lợi, chê người hiền lành, khen kẻ bạo ác, và khoe mình dễ chúng, nên sau khi chết rồi bị đọa vào loài quỷ đó ;

2° — *Hạng quỷ ít của* : Hạng này cũng có ba thứ kể dưới đây :

A. — Thứ quỷ mà lông cứng và nhọn như cây kim, khi đi thì lông đâm vào mình rất đau đớn. Nguyên do đời trước, tham cầu sự lợi-dưỡng, chàm chích người và đâm hại vật, nên sau khi chết rồi bị đọa vào loài quỷ đó.

B. — Thứ quỷ mà lông thúi và nhọn, khi rụng thì đau nhức vô cùng. Nguyên đời trước, giết hại heo, dê, gà, vịt, hoặc trúng nước sôi, hoặc nhờ lông, vân vân, ... nên sau khi chết rồi bị đọa vào loài quỷ đó ;

C. — Thứ quỷ mà nơi cổ có cục bướu rất lớn, thường chảy máu mủ ra, rồi lấy lưỡi liếm. Nguyên đời trước, lòng hay giận hờn và ganh ghét mọi người, nên sau khi chết rồi bị đọa vào loài quỷ đó.

3° — *Hạng quỷ nhiều của* : Hạng này cũng có ba thứ kể dưới đây :

A. — Thứ quỷ dùng những lễ vật của người cúng rồi bỏ. Nguyên đời trước, lòng hay bồn-sên, ít muốn bỏ-thí, vật gì không muốn cần dùng nữa mới thí cho người, tội nhiều phước ít, nên sau khi chết rồi bị đọa vào loài quỷ đó ;

B. — Thứ quỷ dùng những đồ ăn của người bỏ sót. Nguyên đời trước, lòng hay tham lẫn, phạm muốn thí cho người vật gì, thì tưởng như món đồ đã mất rồi, nghĩ vậy mới đem của ra cho, nên sau khi chết rồi bị đọa vào loài quỷ đó ;

C. — Thứ quỷ có thể lực uhor Dạ-xa và La-sát, cũng hưởng sự khoái-lạc như trên cõi Nhơn-Thiên vậy. Nguyên đời trước, làm phước mà chưa thành phước, tạo tội mà không toàn tội, nên sau khi chết rồi bị đọa vào trong đường quỷ ấy, hoặc ở nơi rừng rú, hoặc ở trong hang đá, hoặc ở chỗ đình miếu, hoặc ở trên hư-không, thường biến hóa nhiều phép lạ.

Sự khổ-ách trong đường Ngạ-quỷ thật không kể xiết, mà nhứt là thường đói khát và trong miệng hay hóa lửa cháy rất khó chịu hơn hết.

(6). - Thiên-thần : là các vị Thần ở cõi Thượng-giới như thần Khẩn-Na-La, Càng-Thác-Bà, vân vân...

(7). - Địa-Kỳ : là các vị Thần ở cõi Hạ-giới, như thần Kiên-lao, Sơn-thần, Địa-thần, vân vân...

(8). - Tà-ma : nghĩa là những thứ ma quỷ tà ác, bọn thầy yêu-nghiệt và những người làm cái hạnh ngoại Phật-pháp.

(9). - Ngoại-đạo : nghĩa là có nhiều hạng người lập các đạo khác, chẳng giống phép Tam-thừa của Phật.

(10). - Đạo-sĩ : nghĩa là những người tu theo đạo Tiên.

(11). - Bốn vị Thần-thiên-vương là : 1° — Đa-La-Tra (Ditaratra) ở phương Đông ; 2° — Trì-Lưu-Ly (Virudhaka) ở phương Nam ; 3° — Trì-Lưu-Bác-Xa (Virupaksa) ở phương Tây ; 4° — Trì-Sa-Môn (Vaisramana) ở phương Bắc.

Bốn vị Thần-thiên-vương ấy đều có phép thần-thông tự-tại cả.

(12). - Phương-phép cứu-tế : Vu-Lang-Bồn (Ullambana) là một phép cấp cứu những sự khốn-khổ của cha mẹ trong đường Nga-quỉ. Phải sắm đủ các món ngon đẹp, dùng cúng chúng-tăng trong mười phương, cầu cầu các ngài chú-nguyện cứu cho, thì cha mẹ mới có phần rảnh khổ mà hưởng đặng sự khoái-lạc.

(13). - Thời tự-tứ : Sau khi kiết-hạ rồi, nhằm ngày rằm tháng bảy, Đại-chúng nhóm lại mà tỏ sự tội lỗi cùng nhau, gọi là tự-tứ.

Trong phép tự-tứ có lời bạch như vậy : « Thừa các vị Đại-Đức, một lòng tưởng niệm ngày nay chúng-tăng làm phép tự-tứ thì tôi cũng vâng theo. Các vị hoặc thấy tôi, nghe tôi, hay là nghi cho tôi có phạm những tội gì, xin thương xót nói giùm cho tôi biết đặng mà sám-hối. »

Phạm mình có sự lầm lỗi nhỏ mọn mà không tự biết đặng, thì nhờ có các người khác mách chỉ cho mà chừa bỏ, thì tội chướng mới được tiêu trừ mà thân-tâm mới được thanh tịnh.

(14). - Cha mẹ bảy đời : Từ đời vô-lượng-kiến đến nay, vì luân-hồi mà ta thọ sanh trong sáu đường, trải biết bao nhiêu xát thịt, kẻ biết bao nhiêu cha mẹ, chỉ vì mỗi ngày mỗi xa, càng lâu càng cách, không thể ghi nhớ cho xiết.

Vậy nên đây chỉ nói về cha mẹ trong bảy đời nhân lại đây và cha mẹ đương đời hiện tại này, thì ơn dưỡng-dục càng sâu, đức sanh-thành rất lớn, mà mắc sự ách-nạn trong đường luân-hồi, chi xiết nỗi thảm thương!

Nên ta phải hết lòng tu-phước, cứu song-thân trong lúc đảo-huyền, thật dạ đầu-thành, cầu Chúng-thánh ra ơn độ thoát, đặng tỏ niềm hiếu thuận mà báo đáp đức cù-lao trong muôn một.

(15). - Trăm món đồ ăn : Đó là dạy sắm nhiều món đồ ăn, chớ không phải nhứt định đủ một trăm món đâu.

(16). - Tiệc Vu-Lang-Bồn : « Bồn », là vật để đựng đồ cúng. Còn Vu-Lang là tiếng Phạm, Tàu dịch là giải-đảo-huyền, nghĩa là nói cha mẹ bị sự thống-khổ trong đường Nga-quỉ, mà cứu độ cho khỏi, cũng như người bị treo ngược mà mở dây thả xuống vậy.

(17). - Tu thiện-dinh ở trong núi : Thiện-dinh là một phép đối-trị về bệnh tán-loạn hôn-trầm. Các người hành-giả tu tập pháp ấy thường nương ở những chỗ thanh vắng, hoặc núi cao hang thẳm, hoặc cõi tịnh cảnh nhàn, trốn khách thị-phi, tránh trường huyền-náo, dẹp bỏ các duyên hành-động, chăm chú một cảnh thiền-na, sớm khuya tạc dạ, ngày tháng rèn lòng, gió vọng chẳng xao, nguồn chơn đã tịnh, thời tâm đặng vắng lặng, trí đặng sáng-suốt, mà con ma trần-lao cũng không có thể lực gì làm cho đạo-nhơn phải nhiễm động say mê trong trường tí-mộng đặng.

(18) Bốn bậc đạo-quả : Xin lược giải bốn bậc ấy ra sau đây :

A — Tu-Đà-Hoàn (Sratapanna phala). — Tàu dịch là nhập-lưu, nghĩa là dẹp trừ kiến-hoặc phiền-não trong ba cõi (1^o dục, 2^o sắc, 3^o vô-sắc), thoát bỏ thân phàm, dự vào bậc Thánh;

B — Tu-Đà-Hàm (Sakrdagami). — Tàu dịch là nhứt-lai, nghĩa là sau khi dẹp trừ tư-hoặc phiền-não mà sanh về cõi Trời rồi, thì còn phải trở lại sanh xuống cõi Nhơn-gian một lần nữa, mà tu tập mới dứt bỏ hết mọi sự phiền-não

C. — A-Na-Hàm (Angami). — Tàu dịch là bắt-lai, nghĩa là dứt hết các phàm tư-hoặc phiền-não, nên chẳng trở lại cõi Dục-giới thọ-sanh nữa.

D. — A-La-Hàn (Arhat). — Tàu dịch là vô-học, nghĩa là đã trừ hết mọi sự tư-hoặc phiền-não trong ba cõi, hạnh tốt đã lập, công tu đã thành, chứng

quả Niết-bàn, bậc đường sanh-tử, vượt ngoài Tam-giới, tột bậc Nhị-thừa, nên gọi là vô-học.

(19). - Kinh hành ở dưới gốc cây : Các người hành-giả dốc lòng ly-tục, quyết chí xuất-gia, nhằm chán sự đời, tập rèn hạnh khổ, chẳng tham đắm lầu cao nhà rộng, bận đẹp ăn sang, chỉ nương ở hang thẳm rừng xanh, gốc cây gò mả, một niềm suy xét tra tiềm đạo chơn chánh, chẳng còn chút dây duyên mối nghiệp gì bó buộc nữa. Vậy nên hằng ngày vô sự, vẻ thiên-nhiên thường phát hiện ra luôn, một đôi dép cỏ, bốn phía gốc cây, nét bước thanh cao, thân tâm nhàn hạ. Thật là tiêu điều giải thoát vô cùng.

(20). - Sáu phép thần-thông tự-tại : Sáu phép ấy đã giải nghĩa nơi số 2 trong trương trước rồi. Nay nói rút lại rằng hề chứngặng sáu phép ấy, thì thân tâm tự-tại, đi đứng nhậm lẹ, không có chi làm cho ngăn ngạiặng cả.

(21). - Thịnh-văn : nghĩa là nghe tiếng kinh mà tỏ đạo : Những người căn-tánh thấp-thỏi, trí huệ hẹp hòi, vừa nghe thịnh-giáo của Phật hiệp với khí-lượng của mình, mà phát tâm tin mến, tu theo bốn phép Diệu-Đế, dẹp trừ các món hoặc-nghiệp, chứngặng quả Hữu-dur Niết-bàn. Đó là thuộc về bậc tiền-thừa

(22). - Duyên-giác : Có hai bậc lược kể dưới đây :

A. — Độc-giác : Nghĩa là sanh ra nhằm đời chưa có Phật xuất thế mà biết căn nguyên của các pháp duyên-khởi, rồi chứngặng đạo ;

B. — Duyên-giác : Nghĩa là sanh ra nhằm đời có Phật xuất thế, tu theo mười hai phép nhơn-duyen của Phật dạy mà đắc đạo.

(23). - Thập-địa Bồ-tát đại-nhơn : Nghĩa là hàng Bồ-tát có mười bậc kể dưới đây :

1° — Hoan-hỉ : Nghĩa là trí-huệ đã tròn, chứngặng pháp-hĩ, sanh lòng vui-mừng, lên bậc Sơ-địa ;

2° — Ly-cầu : Nghĩa là do bậc Sơ-địa mà tu lần tới, hiểu thấu các pháp, rõ cảnh-giới Phật, chứng lên bậc Nhị-địa ;

3° — Phất-quang : Nghĩa là do bậc Nhị-địa mà tu lần tới, tâm trần cấu đã sạch, tánh bản-giác hiện bày, chứng lên bậc Tam-địa ;

4° — Diệm-Huệ : Nghĩa là do bậc Tam-địa mà tu lần tới, giác-trí đã viên, huệ-tánh rất sáng, chứng lên bậc Tứ-địa ;

5° — Nan-thắng : Nghĩa là do bậc Tứ-địa mà tu lần tới, trí huệ sáng suốt, tình kiến tiêu vong, vào cảnh giới Phật, chứng lên bậc Ngũ-địa ;

6° — Hiện-liên : Nghĩa là do bậc Ngũ-địa mà tu lần tới, tánh chơn-như rất thanh tịnh, nay đã sáng suốt hiện bày, chứng lên bậc Lục-địa ;

7° — Viễn-hành : Nghĩa là do bậc Lục-địa, mà tu lần tới, chơn-như rất rộng lớn không ngăn mé kia, nay đã trải khắp, chứng lên bậc Thất-địa ;

8° — Bất-động : Nghĩa là do bậc Thất-địa mà tu lần tới, thấu lý chơn-như, cặng thể chơn-thường, chứng lên bậc Bát-địa ;

9° — Thiện-huệ : Nghĩa là do bậc Bát-địa mà tu lần tới, chứng thể chơn-như, khởi sự diệu-dụng, thấu hết các cảnh-giới, chứng lên bậc Cửu-địa ;

10° — Pháp-văn : nghĩa là do bậc Cửu-địa mà tu lần tới, hạnh tự-tu đã viên mãn, sự lợi-tha lại rộng lớn, chứng lên bậc Thập-địa.

Mười bậc Bồ-tát kể trên đó, đều là bậc thánh-nhơn gần ngôi Diệu-giác, vượt ngoài Tam-giới, hơn cả Nhị-thừa, nên gọi là Đại-nhơn.

(24). - Bát-Hòa-La : Tàu dịch có hai nghĩa : 1° Ứng-lượng-khí ; 2° Tự-tứ-thực.

Nếu gồm lại cả hai nghĩa mà nói, thì chính là cái bát đựng đồ ăn để đựng cúng cho các vị Tỳ-khưu trong ngày tự-tứ.

(25). - Lục-thân quyến-thuộc: Nghĩa là cha mẹ, anh em, chồng vợ; sáu hạng người đó là phần rất thân-thiết của nhơn-loại, vì hay gần-gũi nhau, triu mến nhau, và nhứt là thương yêu nhau hơn cả, nên gọi là Lục-thân.

Còn bao nhiêu những hạng bà con bên nội và bên ngoại, đều có phần liên-lạc cùng nhau, nên gọi là quyến-thuộc.

(26). - Ba đường ác-đạo: Ba đường ấy xin lược kể dưới đây:

1^o — Địa-ngục: bởi chúng-sanh do lòng sâu độc, mắt tánh từ-bi, ác nghiệp gây nhiều, phước duyên chẳng có; nên đọa vào đường ấy, mà chịu mọi sự khổ, như là lò hừng lửa đốt, vạc nóng dầu chan, và rừng kiếm non đao, nhiều đều thảm nảo, không xiết kể;

2^o — Ngạ-quỉ: bởi chúng-sanh gây nghiệp xang-tham, không lòng bố thí, ruộng phước không cấy, núi nghiệp đắp cao; nên đọa vào đường ấy mà chịu các sự khổ, như là thấy cơm thành lửa, thấy nước thành huyết, ăn uống khôngặng, đói khác gây mòn; thật là khốn nạn;

3^o — Súc-sanh: bởi chúng-sanh mê tánh bồn-giác, theo nghiệp vô-minh, chẳng tạo duyên lành, hằng gây tội dữ; nên đọa vào đường ấy mà chịu đủ mọi sự khổ, chuyên chở nạn nề, thường bị đánh đập, và nhứt là người ta hay giết hại mà ăn thịt; thật là thảm thay!

(27). - Tự-tại hóa-sanh: Nghĩa là các người sanh về cõi Trời, chẳng đầu thai ở trong bụng mẹ như cõi Nhơn-gian.

Hễ người con trai thì do đầu gối bên hữu của thiên-phụ, và con gái thì do đầu gối bên tả của thiên-mẫu mà sanh ra. Khi mới sanh thì thân hình đã cao lớn bằng trẻ nít chín mười tuổi, đi đứng năm ngời đều đặn phần tự-tại; lúc chết thì thân-thể tan mất như ngọn đèn tắt, chẳng còn hình hài gì cả.

(28). - Nhà thí-chủ: Nghĩa là nhà thiện-tín thường cúng dường Tam-bảo và bố thí chúng-sanh.

(29). - Làm theo ý thiên-định mà thọ thực: Nghĩa là các thầy Tì-khuru, trước khi ăn phải định tâm thần về sự quán-tưởng, dứt hết mọi điều duyên-lự và không nên vừa ăn vừa nói chuyện, phải đủ năm phép quán-tưởng như sau đây:

1^o — So tính của vật đem đến cúng cho mình ăn đó, coi công lao của người cúng nhiều hay ít;

2^o — Xem xét đức hạnh của mình toàn vẹn hay không, mà thọ lãnh của ấy;

3^o — Phải ngăn ngừa cái lòng tham ăn làm cốt yếu;

4^o — Tưởng đồ ăn ấy như món thuốc để chữa bệnh ốm gầy, nên phải ăn;

5^o — Vì muốn thành đạo-nghiệp, nên bắt buộc phải dùng đồ ăn ấy.

Quán-tưởng như vậy rồi mới ăn, nên gọi là « làm theo ý thiên-định mà thọ thực. »

(30). - Phật tượng Phật cốt: Thuở Phật Thích-Ca còn tại-thế, khi ngài lên cõi Trời Đạo-Lị thuyết pháp ba tháng, tại xứ Diêm-phù vắng mặt Phật.

Vua Ưu-Điền rất nỗi nhớ trông, bèn khiến thợ dùng cây chiêng-đàn mà làm hình tượng Phật để phụng thờ.

Khi Phật từ cõi Trời Đạo-Lị, trở về cõi Diêm-phù, thì Phật-tượng ra rước. Ngài bèn phú-chúc với vị Phật-tượng rằng: « Ngài phải ở luôn-luôn trong cõi này. »

Vì vậy nên từ đó về sau, trong Thế-gian nhiều người tạo hình tượng của Phật mà thờ, hoặc trong chùa, hoặc trong tháp, hương đèn hoa quả cúng kiến, thì dạng nhiều phước lợi.

(31). - Tam-bảo : Nghĩa là : 1° Phật-bảo, 2° Pháp-bảo, và 3° Tăng-bảo.

Vì ba ngôi ấy rất có năng-lực làm phồ-lợi cho Thế gian, tuyệt không có cái gì báu hơn, nên gọi là Tam-bảo.

Tam-bảo có ba thứ kể như dưới này :

1° - Đồng-thể Tam-bảo, — là nói tự-tánh tỏ biết cái lý chơn-như, nên gọi là Phật-bảo; tự-tánh chơn chánh, rất có khuôn phép, nên gọi là Pháp-bảo và tự-tánh thanh tịnh, không chút gì trái-tráp và cái-lầy, nên gọi là Tăng-bảo;

2° - Xuất-thể Tam-bảo, — là nói Pháp-thân, Báo-thân và Hóa-thân của Phật tùy loài mà ứng hiện, nên gọi là Phật-bảo. — Những pháp Tam-thừa của Phật giảng nói, nên gọi là Pháp-bảo. — Còn các bậc Thập-thánh Tam-hiền nhờ Phật mà đắc đạo chứng quả, nên gọi là Tăng-bảo;

3° - Thế-gian Trụ-trì Tam-bảo, — là nói những tượng Phật bằng đồng, bằng gỗ, bằng đất, bằng đá, hay là vẽ bằng giấy mà thờ phượng ở trong các chùa, nên gọi là Phật-bảo. — Nhưng kinh sách, bià vàng cuốn đồ nói về giáo-lý của Phật mà thường đọc tụng trong các chùa, nên gọi là Pháp-bảo. — Còn các vị đầu tròn áo vuôn đã bầm-thọ giới-pháp của Phật, nên gọi là Tăng-bảo.

Ba thứ Tam-bảo đã nói trên đó, hàm đủ tánh tướng sự lý, công đức không ngần; nếu người mà biết kính tin qui-y. thì được tiêu hết tội-chướng, chiêm-ngưỡng lễ-bái, thì được thêm đủ phước duyên.

Cho nên kinh nói rằng : « Qui-y theo Phật thì khỏi đọa Địa-ngục ; qui-y theo Pháp thì khỏi đọa Ngạ-qui, và qui-y theo Tăng thì khỏi đọa Súc-sanh. » Vì Phật là ông thầy vô-thượng y-vương ; Pháp là vị thuốc hay trừ bệnh ; còn Tăng là người tri-thức, đề đem đường chỉ ngõ. Ba ngôi ấy đều là phước-diên của chúng-sanh, nên rất quý trọng.

(32). - Hạnh hiếu-từ : Hạnh ấy có bốn điều lược giải sau đây :

1° Hết lòng kính nuôi, quạt nồng ấp lạnh, ngày đêm hầu hạ, sớm tối viếng thăm, khi cha mẹ ăn thì đứng đủ đồ ngon ngọt, lúc cha mẹ bận thì đứng đủ thứ the hàng, cho đến cha mẹ muốn dùng thứ gì, thì sắm thứ nấy, mà phải trọn đời giữ cho hết lòng thành kính ;

2° — Khuyên dỗ cha mẹ thọ phép qui-y, giữ năm điều răn cấm, cầu ra biển khổ, sanh về cõi Phật ;

3° — Cha mẹ có làm sự bạo ác, trái luật phạm pháp và chẳng tin sự sanh-tử luân-hồi, thiện ác báo ứng, thì con phải hết lòng khuyên giải, cầu xin song-thân bỏ dữ làm lành ;

4° — Khuyên cha mẹ phát tâm tu hành, tìm đường giải-thoát, dứt trừ nghiệp nhơn sanh-tử, mong chứng đạo-quả Niết-bàn, đặng cùng nhau chung hưởng cuộc khoái-lạc.

Như giữ đặng toàn bốn điều trên đó, thì mới gọi là người hiếu-từ.

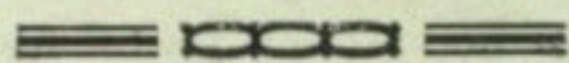
(33). - Hạnh hiếu-thuận : Nghĩa « hiếu-thuận » cũng như nghĩa « hiếu-từ » đã nói trên đó ; nhưng « từ » là lòng thương cha mẹ ; còn « thuận » là không dám trái ý cha mẹ.

(34). - Từ ái trưởng dưỡng : Nghĩa là cha mẹ ở với con rất nổi hiên lành thật lòng thương xót. — Khi con còn nhỏ, hoặc bông hoặc ẵm, cho bú cho ăn, chịu k ồ cả ngày cả đêm.

Vì chút yêu-dầu mà không dám đi đâu cho xa và ở đâu đặng lâu, cứ quanh-quẩn trong gia-đình, chăm nom săn sóc ; hễ con ăn chơi thì vui mừng, con có đau ốm thì đã lo sợ, vân vân... Vậy nên gọi là « từ ái trưởng dưỡng. »

CHUNG

BÀI SÁM THẬP-PHƯƠNG



Mười phương Phật ba đời,
Phật Di-Đà bức nhứt,
Chín phẩm độ chúng-sanh,
Oai-đức không cùng cực,
Tôi nay nguyện qui-y,
Sám-hồi ba nghiệp tội,
Có bao nhiêu phước lành,
Hết lòng hồi-hướng cả,
Nguyện đồng người niệm Phật,
Cảm ứng hiện theo liền,
Khi chết cảnh Tây-phương,
Rõ ràng ở trước mặt,
Thấy nghe đều tinh-tần,
Đồng sanh nước Cực-lạc,
Thấy Phật thoát sanh tử,
Như Phật độ tất cả.



BÀI NGUYỆN NHỨT-TÂM

Nay tôi một lòng qui-ý theo Phật A-Di-Đà, ở nước Cực-lạc, xin lấy bóng hào-quang mà soi chiếu tôi, và nhớ lời từ-thệ mà tiếp dẫn tôi.

Nay tôi chánh niệm, xưng danh hiệu Phật, vì đạo Bồ-đề mà cầu sanh về Tịnh-độ.

Xưa Phật thề rằng: «Nếu có chúng-sanh nào, muốn sanh về nước ta, hết lòng tín hướng, mười tiếng niệm ta, mà chẳng sanh về đặng, thì ta thề chẳng làm Phật.»

Vì vậy nên tôi lấy nhơn-duyên niệm Phật, dặng vào trong biển đại-thệ của Như-lai, nhờ sức từ-lực, mà tôi được tiêu-diệt các tội, thêm lớn căn lành, đến lúc lâm-chung, biết ngày giờ trước, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý không điên đảo, như vào thiên-định.

Xin Phật và các Thánh-chúng, tay bưng dài vàng tới tiếp dẫn tôi, trong một giây lát, dặng sanh về cõi Cực-lạc, hoa sen nở ra, tức thì thấy Phật, liền nghe Phật-thừa, liền mở Phật-huệ, độ cả chúng-sanh, mãn bồ-đề nguyện; độ cả chúng-sanh, mãn bồ-đề nguyện.



BÀI NGUYỆN KHÊ-THỦ

Xây mặt phương Tây cúi lạy Thầy,
Lạy Thầy tiếp dẫn chúng-sanh này,
Tôi nay phát nguyện xin về đó,
Xin hời thương cùng dắt dúi đây.

Nay tôi là đệ-tử, vì bốn ơn ba cõi và cả pháp-giới chúng-sanh mà cầu đạo bồ-đề nhứt thừa vô thượng. Vậy nên tôi một lòng chuyên niệm Phật A-Di-Đà, nguyện sanh về cõi Tịnh-độ.

Nghĩ phận tôi, phước mỏng nghiệp dày, chướng nhiều huệ ít, lòng nhờn dễ đắm, đức sạch khó nên, ngày nay chí thành lễ trước Phật-đài mà phát lộ cầu xin sám-hối.

Tôi và cả chúng-sanh, trải kiếp đến nay, mê lòng bản-tịnh, tham và sân-si, nhuộm dơ ba nghiệp, không biết làm bao nhiêu những tội-cầu, không biết buộc bao nhiêu những oan-trái, nguyện đều tiêu-diệt.

Từ nay tôi thệ nguyện, xa lìa ác-pháp, thề chẳng làm nữa, cần tu đạo Phật, thề chẳng trở lui, thề thành Chánh-giác, thề độ chúng-sanh.

Ngửa nhờ đức Phật A-Di-Đà, lấy nguyện-lực từ-bi mà chứng tri cho tôi, thương tưởng tôi và giúp đỡ tôi, nguyện trong khi thiên-quán, hay là lúc chiêm-bao, dặng thấy thân vàng của Phật A-Di-Đà, dặng chơi cõi báu của Phật A-Di-Đà, dặng nhờ Phật A-Di-Đà lấy nước cam-lộ rưới đánh tôi, lấy ánh quang-minh chiếu thân tôi, lấy tay sờ đầu tôi, lấy y đắp mình tôi, khiến cho tôi chướng củ dứt trừ, căn lành thêm lớn, mau tiêu phiền-não, liền phá vô-minh, tỏ lòng viên-giác, không chút ngăn che, hiện cảnh tịch-quang, hằng ngày rõ rệt.

Đến khi gần chết, biết trước thời giờ, thân không những sự bệnh khổ tai ương, tâm không những đều tham mê lầm lỗi, sáu căn vui vẻ, chánh-niệm rõ ràng, lúc bỏ báo-thân, yên như thiên-dịnh.

Xin Phật A-Di-Đà, cùng là Quan-Âm, Thế-Chí, các chúng Thánh-hiền, phóng quang chiếu soi, thả tay dìu-dắt, tràng phang lầu các, hương lạ nhạc trời, cảnh Phật Tây-phương, hiện bày trước mắt, khiến cho chúng-sanh, kẻ thấy người nghe, vui mừng khen ngợi, phát tâm bồ-đề.

Khi ấy, tôi cõi đài Kim-cang, theo hầu sau Phật, chừng như trong lúc khảy móng tay, thì đã sanh về trong bông sen thượng-phẩm, ở nơi ao Thất-bảo bên cõi Tịnh-độ, rồi bông liền nở ra, thấy cả Phật và các Bồ-tát, nghe tiếng diệu-pháp, chứng bực vô-sanh, trong giây lát dặng hầu các Phật, và dặng nhờ các Phật thọ-ký cho. Khi thọ-ký rồi, thì ba thân bốn trí, năm nhãn sáu thông, trăm ngàn vô-lượng môn đà-la-ni, bao nhiêu công-đức, thấy đều thành-tựu.

Sau lại, lòng nương An-dưỡng, gót trở Ta-bà, phân thân vô số, khắp cõi mười phương, lấy thần-lực tự-tại chẳng khá nghĩ bàn, lập ra đủ cách phương-tiện mà độ-thoát cho tất cả chúng-sanh, khiến lìa lòng nhiễm, huờn dặng tánh chơn, đồng sanh về Tây-phương, vào nơi bất-thối.

Đại-nguyện như vậy, nếu thế-giải vô cùng, chúng-sanh vô cùng, nghiệp và phiền-não nhưt thiết vô cùng, thì nguyện của tôi cũng in như vậy.

Nay thi lễ Phật phát nguyện, tu trì công-đức, mà thí lại cho những loài hữu-tình, bốn ơn thấy đáp, ba cõi đều nhờ, pháp-giải chúng-sanh, đồng tròn chường-trí.

NGHI THỨC NIỆM PHẬT



Những người tu Pháp-môn Tịnh-độ, phải day mặt bàn thờ Phật về hướng Đông; còn người niệm Phật thì phải day mặt về hướng Tây, vì Phật A-Di-Đà chánh ở về cõi Tây-phương Cực-lạc mà tiếp dẫn chúng-sanh.

Khi niệm Phật, cần mỗi bữa, lúc gà mới gáy, phải thức dậy, rửa tay, rửa mặt, súc miệng, thay quần áo mới cho sạch sẽ, rồi vào trước Phật-đài mà lễ niệm.

Nhưng trong khi:

1° Rửa tay, thì phải niệm chú như vầy:

Ấn chủ ca ra da, tá ha. (3 lần)

2° Rửa mặt, thì phải niệm chú như vầy:

Ấn lâm tá ha. (3 lần)

3° Súc miệng, thì phải niệm chú như vầy:

Ấn hám án hản, tá ha. (3 lần)

Vì lễ rửa tay, rửa mặt, và súc miệng mà có niệm chú, thì sự rửa ấy mới dặng toàn sạch.

Lúc vào trước Phật-đài, thì thắp ba cây hương, hai tay cầm đề lên trên trán, rồi niệm bài kệ « Niệm-hương » như vầy:

**Hương giới hương định cùng hương huệ,
Hương giải-thoát giải-thoát tri-kiến,
Đài mây sáng suốt khắp pháp-giới,
Cúng dường Tam-bảo trong mười phương.**

(Niệm 4 câu trên đó 3 lần).

Nam-mô Hương-Cúng-Dường Bồ-Tát.

(Niệm câu này 3 lần).

Khi đem 3 cây hương cắm vào lư rồi, thì niệm chú « Phồ-lễ Tam-bảo » như vầy:

Ấn phạ nhựt ra vạt. (niệm 3 lần rồi lễ 3 lạy).

Khi lạy rồi, thì tay cầm dùi chuông, niệm (1 lần) bài « Nguyên-chuông » như vầy:

**Nguyên tiếng chuông này siêu pháp-giới,
Thiết-vi mấy núi thấy đều nghe;
Văn-trần đều tịnh chứng viên-thông,
Cả thấy chúng-sanh dặng thành Phật;
Nghe tiếng chuông, bớt phiền-não,**

Thêm trí huệ, sanh bồ-đề,
Xa địa-ngục, khỏi hăm lửa,
Nguyện thành Phật, độ chúng-sanh.

Niệm rồi, nhiếp ba tiếng chuông, kể niệm (3 lần) chú « phá Địa-ngục » như vậy :

« Ân già ra để da, ta bà ha »

(Niệm mỗi lần, đánh mỗi tiếng chuông).

Khi đánh chuông rồi, thì tùy ý, hoặc đứng niệm, hoặc quỳ hay là ngồi kiết-toàn-già, bán-già mà niệm cũng được.

Nhưng khi niệm, phải định tâm nhắm mắt, mà tưởng cái thân ta ngồi trong hoa sen mà lễ Phật, và tưởng Phật ở trên đài-sen mà tiếp ta.

Khi niệm, thì tiếng không đặng cao quá hay là thấp quá, mau quá hay là chậm quá, chỉ cho hòa hưởn và rõ ràng mà thôi.

Pháp « kiết-toàn-già » là lấy chun bên mặt để lên trên vẽ chun bên trái, rồi lại lấy chun bên trái để chồng lên trên vẽ chun bên mặt.

Còn pháp « bán-già » có hai cách như dưới này :

1° Chun bên mặt gát lên trên vẽ chun bên trái, đó gọi là « Hàn-ma-tọa » và « Kim-cang-tọa » ;

2° Chun bên trái gát lên trên vẽ bên mặt, đó gọi là « Cát-tường-tọa ».

Khi đứng niệm hay là quỳ niệm, thì hai tay hiệp-chưởng đề ngang ngực, rồi niệm mà trong tâm ký số, hay là tay trái đề ngang ngực mà tay mặt lần chuỗi ký số cũng được.

Còn như ngồi « kiết-toàn-già » hay là ngồi « bán-già », thì hai tay kiết-ấn « Tam-muội » đề ngang dưới rún, rồi niệm mà trong tâm ký số, hay là tay trái đề ngang ngực mà tay mặt lần chuỗi như cách nói trên đó, rồi niệm cũng được.

Pháp kiết-ấn « Tam-muội » là hai bàn tay dũi ngửa ra, rồi đem bàn tay mặt đề lên trên bàn tay trái, hai ngón tay cái thì giáp móng lại với nhau.

Phật xưa nhập-định thường kiết-ấn « Tam-muội » như vậy, vì ấn ấy có oai lực hay trừ đặng mọi sự cuồng loạn vọng niệm.

Đến lúc niệm Phật, thì trước hết phải :

1° Niệm (21 lần) chú « Tịnh-pháp-giải » như vậy : Ân lâm ;

2° Niệm (3 lần) chú « Tịnh-khâu-nghiệp » như vậy : Tu rị, tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị, ta bà ha ;

3° Niệm (3 lần) chú « Tịnh-thân-nghiệp » như vậy : Tu đa rị, tu đa rị, tu ma rị, ta bà ha ;

4° Niệm (3 lần) chú « Tịnh-tam-nghiệp » như vậy : Ân ta phạ, bà phạ, thực đà ta phạ, đạt mạ ta phạ, bà phạ thực độ hám.

Khi niệm bốn thứ chú nói trên đó vừa xong, thì niệm (3 lần):
« Nam-mô Bốn-sur Thích-Ca Mâu-Ni Phật », rồi lay 3 lay.

Kế y theo cách đứng ngòai về phép tướng đã dạy trên đó mà niệm (1 lần) bài kệ « Tán-Phật » như vầy:

A-Di-Đà Phật sắc vàng ngòai,
Tướng tốt quang minh hân tuyệt vời;
Lông trắng năm non xây chắt ngất,
Mắt xanh bốn biển rộng chơi vời;
Hào quang hóa Phật hơn muôn ức,
Bồ-tát phân thân biết mấy mươi;
Bốn tám lời nguyện nguyên độ chúng,
Bờ kia chín phẩm khiến đều chơi.

Khi niệm bài kệ trên đó rồi, kể niệm « Thánh-hiệu » như sau đây:

- 1° Nam-mô Tây-phương Cực-lạc thế-giới tam thập lục vạn ức nhứt thập nhứt vạn cứu thiên ngũ bách đồng danh đồng hiệu A-Di-Đà Phật (10 lần);
- 2° Nam-mô A-Di-Đà Phật (10 hơi; nghĩa là lấy một hơi thở làm một niệm, đủ mười niệm như vậy, gọi là 10 hơi, chớ không luận số niệm nhiều ít).
- 3° Nam-mô Quan-Thế-Âm Bồ-Tát (10 lần);
- 4° Nam-mô Đại-Thế-Chí Bồ-Tát (10 lần);
- 5° Nam-mô Nhứt-Thế Bồ-Tát Thịnh-Văn-Chư-Thượng-Thiện-Nhơn (10 lần).

Khi niệm « Thánh-hiệu » vừa xong, thì đứng dậy lễ 3 lay, rồi quì xuống chấp tay, hết lòng ai cầu mà đọc ba câu nguyện dưới đây (1 lần):

Một là nguyện Phật hộ trì, duyên nhiều phước đủ, hơn tám vạn ma-quần bắt đầu, cả bao nhiêu thánh trí mở lòng, hoa bác-nhả nở bông, gốc bồ-đề nảy nhánh, sống không tai bệnh, thác đặng khinh an, về Tây-phương ngòai tọa sen vàng, chơi bảo-địa dựa nơi lầu ngọc, sớm tiêu trần-tục, mau chứng chơn-thường, huờn độ mười phương, cũng như Phật vậy.

Hai là nguyện Phật hộ trì, âm-dương hai cảnh, người còn khỏe mạnh, kẻ thác siêu sanh, tám phương mở cuộc thái bình, muôn họ chơi miền Cực-lạc, lấp ba đường ác, về một nẻo chơn, ai nảy đều nương đặng chánh-nhơn, trước sau cũng chứng thành diệu-quả.

Ba là nguyện Phật hộ trì, dắc người mê mộng, tránh đường lợi-dụng, rửa bụi công-danh, mộ sự tu-hành, giữ

bề giải luật, niệm niệm A-Di-Đà Phật, ngày ngày dõng mãnh tinh thần, không tham không sân, biết tà biết chánh, đều thoát ngoài vòng mê-tín, thấy vào trong cửa không-môn, phước thừa lưu lại tử-tôn, cõi tịnh về theo Phật-Tổ, Nam-mô A-Di-Đà Phật.

Khi đọc ba câu nguyện trên đó rồi, thì đọc luôn ba bài nguyện đã đăng vào mấy trương trước (1° Bài nguyện « Thập-Phương », 2° Bài nguyện « Nhứt tâm » và 3° Bài nguyện « khể thủ »), rồi kể tụng (3 lần) chú « Vãng-sanh » như vậy :

Nam mô a di đa bà dạ chiết, tha dà đá, dạ chiết trại, dạ tha a di lý, đô bà tì, a di lý chiết, tất đam bà tì, a di lý chiết, tì ca lang đễ, a di lý chiết, tì ca lang chiết, dà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha.

Khi đọc chú « Vãng-sanh » rồi, kể đọc hai bài nguyện như dưới này :

1° Nguyện về Tịnh-độ cõi Di-Đà,
Chín phẩm sen vàng ấy mẹ cha;
Hoa nở tỏ lòng khi thấy Phật,
Bực người Bồ-tát bạn bè ta.

2° Nguyện đem công đức này,
Khắp đều cho tất cả;
Tôi đây với chúng-sanh,
Đồng chứng thành Phật quả.

Khi đọc hai bài nguyện trên đó rồi, thì đứng dậy lễ Phật 3 lạy, tiếp đọc luôn bài « Tam-qui » như dưới đây :

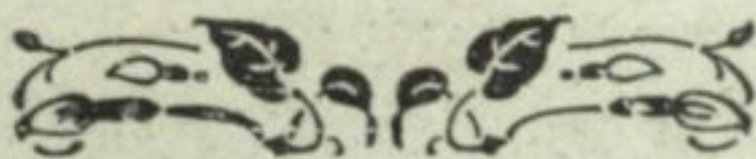
1° Tôi qui ỷ Phật, nguyện cho chúng-sanh, rõ biết đạo Phật, phát lòng vô-thượng (lễ 1 lạy);

2° Tôi qui ỷ Pháp, nguyện cho chúng-sanh, hiểu thấu lý kinh, trí huệ như biển (lễ 1 lạy);

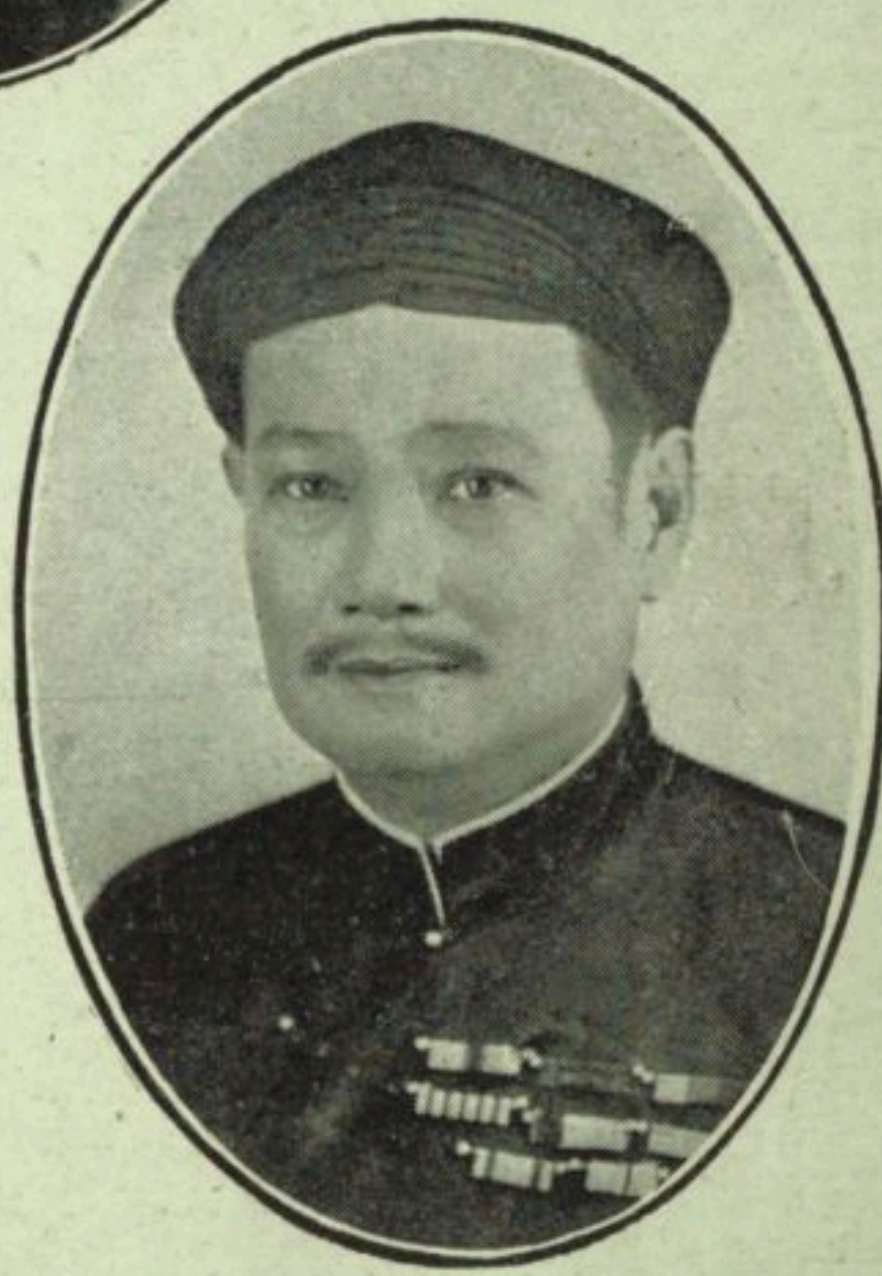
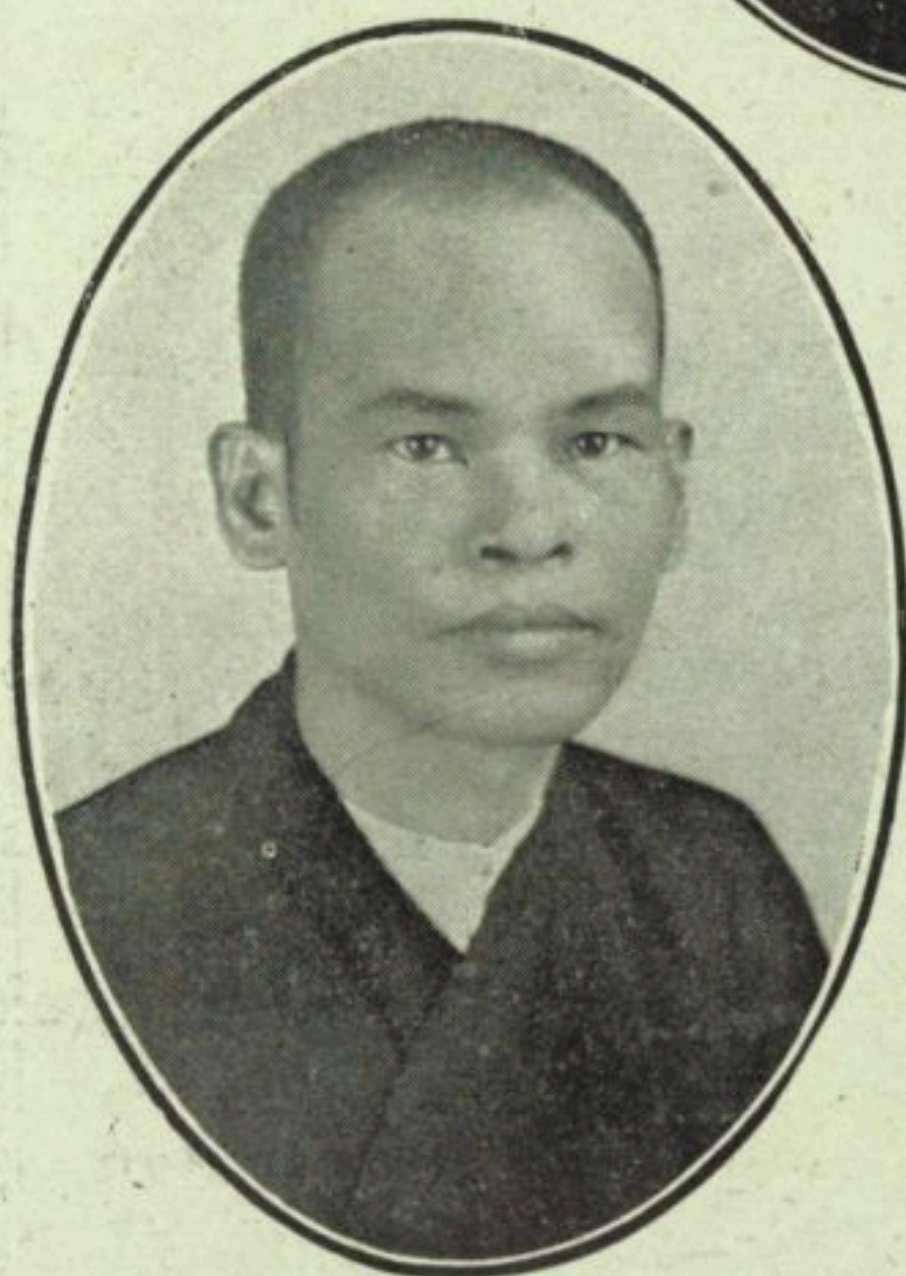
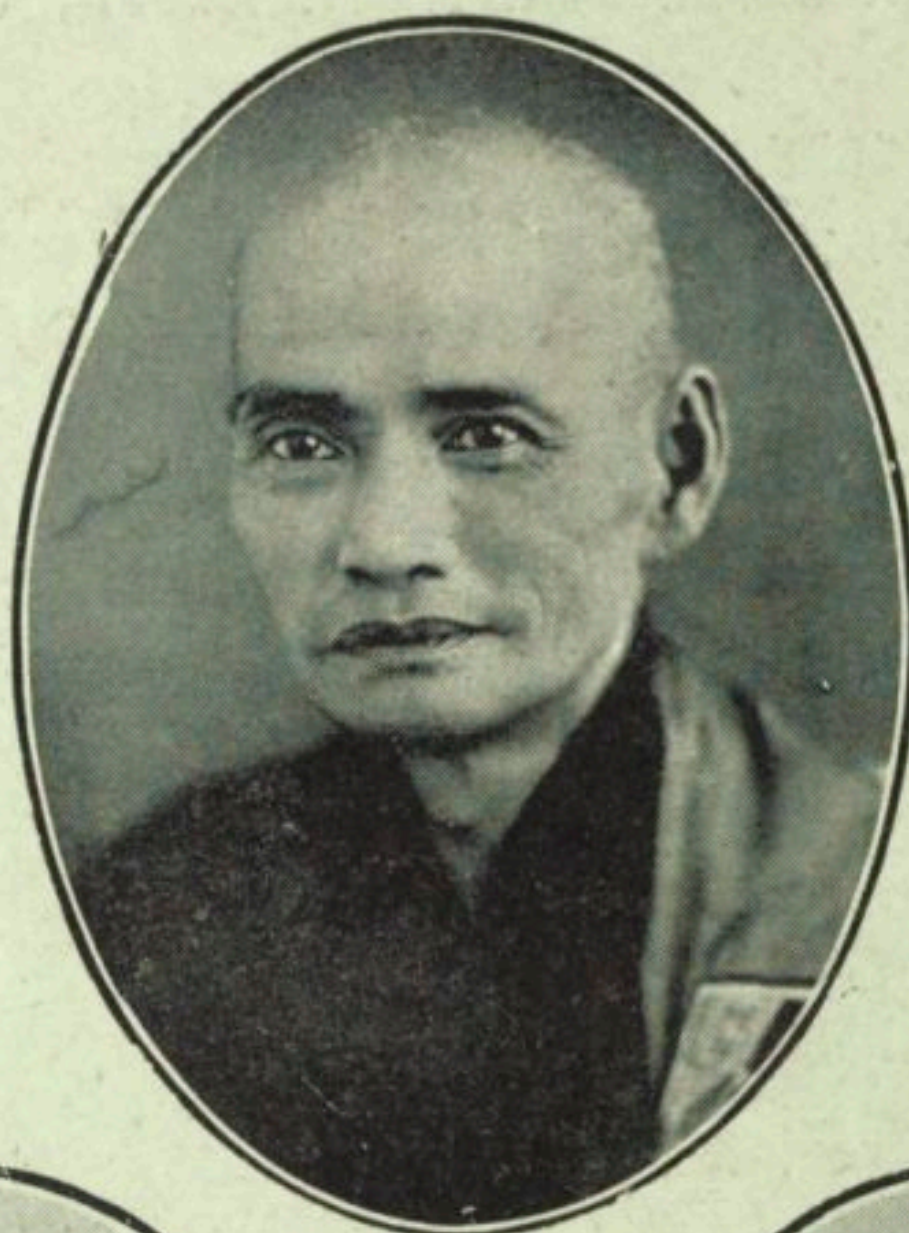
3° Tôi qui ỷ Tăng, nguyện cho chúng-sanh, thống lý cả chúng, đều đặng vô ngại (lễ 1 lạy).

Đọc bài « Tam-qui » trên đó rồi, thì đứng chấp tay đề ngang ngực, mà đọc câu này :

« Hòa-nam Thánh chúng » (1 lần), rồi lạy ba lạy, lui ra.



CÁC VỊ CÓ CÔNG
GIÚP THÀNH QUYỀN KINH NÀY :



Hòa-thượng BÍCH-LIÊN
Chánh Chủ-bút «Từ-Bi-Âm»

LIÊN-TÔN Đạo-nhơn
Phó Chủ-bút «Từ-Bi-Âm»

TRẦN-NGUYỄN-CHÂN
Quản-lý «Từ-Bi-Âm»

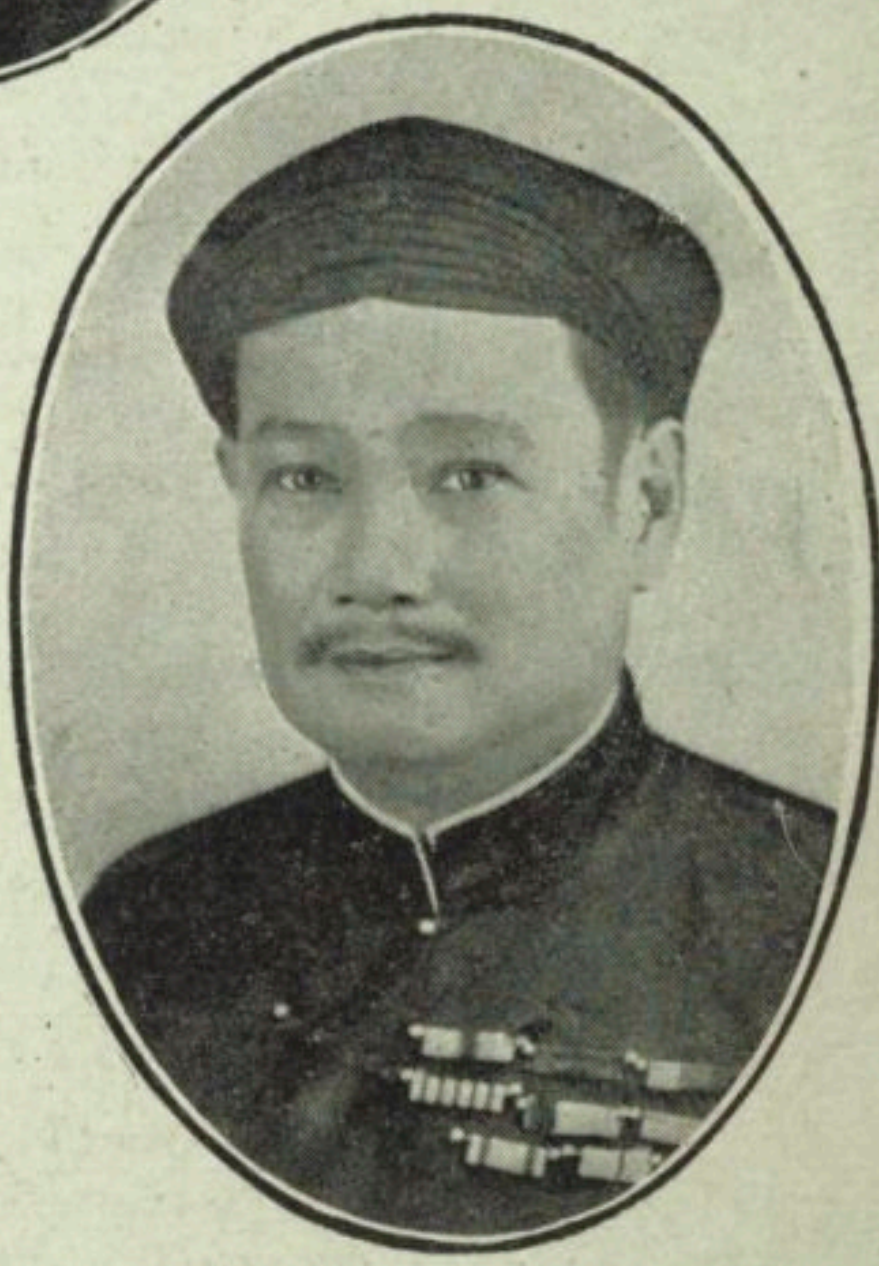
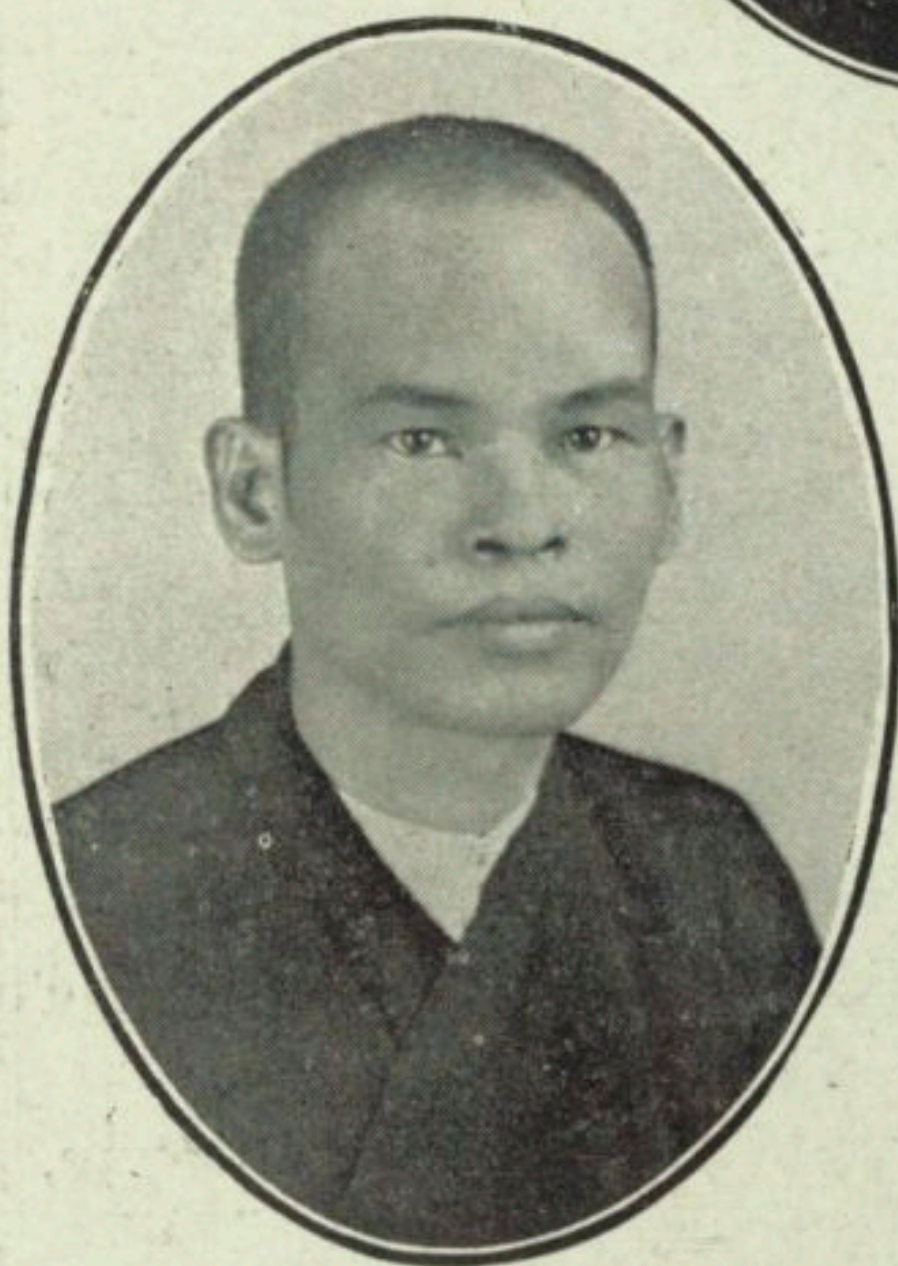
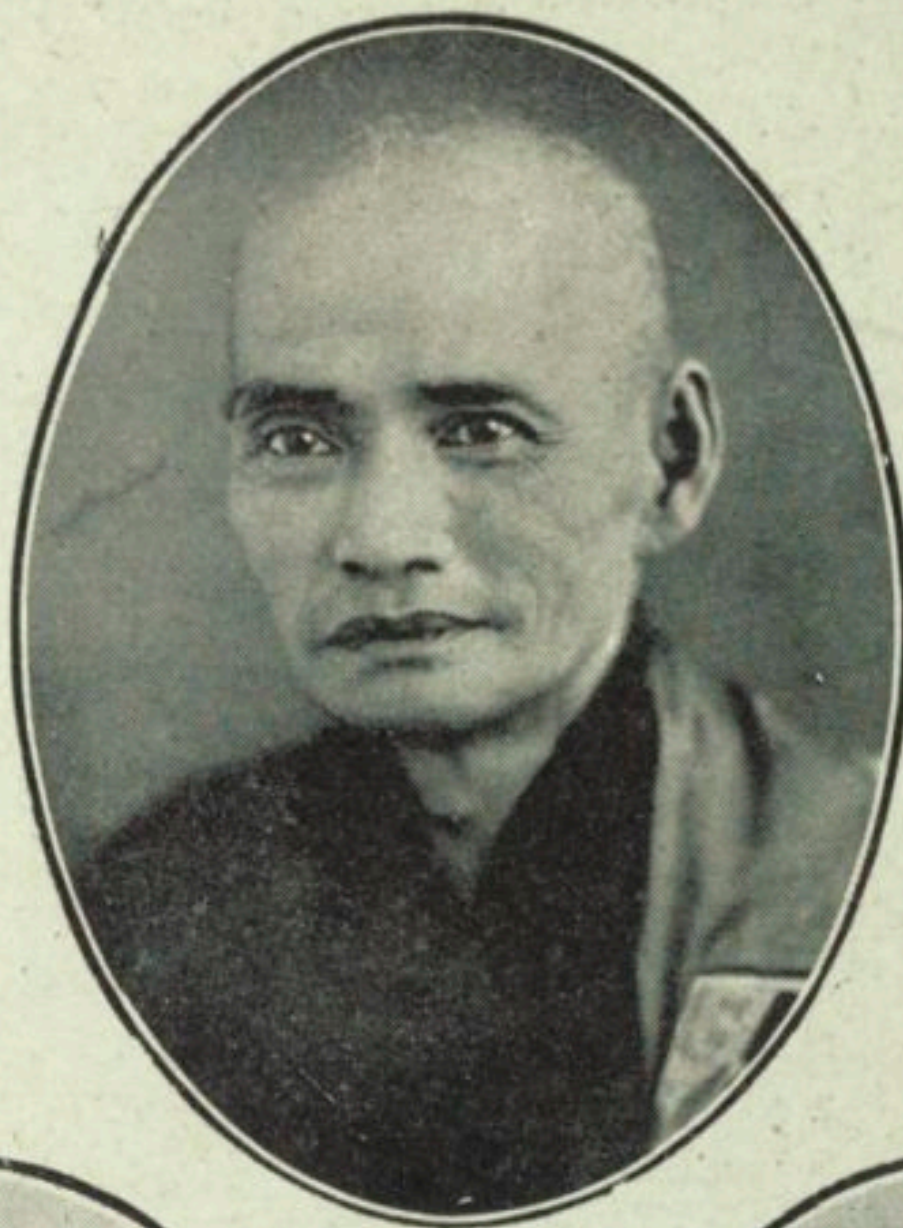
PHƯƠNG DANH QUÍ-VỊ CÚNG TIỀN IN KINH NÀY:

Lê-quang-Mục, Hoà-Thượng chùa Thành-Linh (Cà mau)	25 \$ 00
Lê-văn-Đỗ, Entrepreneur Armateur (Châuđốc)	20 , 00
Nguyễn-hữu-Trí, Tri-huyện hàm ở Cầu-ngan (Tràvinh)	20 , 00
Bà Huyện-hàm Nguyễn-bình-Yên, ở làng Bình-hoà (Tràvinh) . .	20 , 00
Cư-Sĩ ở Sadéc	20 , 00
Phan-kỳ-Trân, ở làng Dương-xuân-hội (Tân-an)	14 , 50
Nguyễn-văn-Phó, Hoà-Thượng chùa Long-Khánh (Châuđốc) . .	10 , 00
Nguyễn-văn-Trượng, (Gò công)	10 , 00
Bà Trần-thị-Hường, (Nam-viang)	10 , 00
Cư-Sĩ ở Tràvinh	8 , 00
Bà Phan-thị-Kim, Điền-chủ ở Tân-châu (Châuđốc)	8 , 00
Dương-văn-Chiếu, (Giác-Nhứt) ở Càn-thơ	6 , 00
Trần-văn-Giác, Thông-phán sở Thương-Chánh (Hà-nội)	5 , 00
Hoà-Thượng chùa Kim-Chương (Nam-vang)	5 , 00
Nguyễn-văn-Lắm, Thông-phán sở Bưu-điện (Nam-vang)	5 , 00
Hà-thiện-Khánh, Điền-chủ ở làng Mỹ-an-hương (Sadéc)	5 , 00
Nguyễn-văn-Suốt, Điền-chủ ở làng Vĩnh-Hậu (Châuđốc)	5 , 00
Nguyễn-văn-Tú, Nông-nghiệp ở làng Vĩnh-Hậu (Châuđốc)	5 , 00
Võ-kim-An, Điền-chủ (Càn-thơ)	5 , 00
Nguyễn-bữu-Sanh, Thông-phán hồi-hưu (Nam-vang)	5 , 00
Phan-văn-Mẫn, Xả-trưởng ở làng Vĩnh-Nguơn (Châuđốc)	5 , 00
Phạm-Lư, Chef Mécanicien (Châuđốc)	5 , 00
Năm vị cư-sĩ ở Namvang	5 , 00
M. Biếu, Thơ-ký sở Đèn điện (Saigon)	5 , 00
Cô Trương-khôn-Anh, Nữ-sĩ (Rạchgiá)	5 , 00
C. N. V. (Saigon)	5 , 00
Lưu-văn-Há, Cựu xả-trưởng (Sóc-trăng)	4 , 00
Chùa Bà-Đá ở Hà-nội.	4 , 00
Phan-văn-An, Chủ-sự sở Bưu-Điện ở Phước-Long (Rạchgiá) . .	3 , 00
Cô Nguyễn-thị-Huệ, Tiếp-sanh ở Preyveng (Nam-vang)	2 , 50
Phan-văn-Cần, Khánh-long-Tự (Vĩnh-long)	2 , 00
Võ-văn-Giỏi, Thương-gia (Nam-vang)	2 , 00
Quản Thanh, (Nam-vang)	2 , 00
Võ-văn-Chức, Bút-toán (Namvang)	2 , 00
Huỳnh-văn-Nhung, Thương-gia (Nam-vang)	2 , 00
Trương-công-Thâu, (Nam-vang)	2 , 00
Trần-văn-Tuy, Bút-toán (Nam-vang)	2 , 00
Nguyễn-văn-Đầy, (Nam-vang)	2 , 00
Nguyễn-thành-Giáo, Giáo-sur (Gò công)	2 , 00
Lư-kim-Thanh, ở Thốt-nốt (Longxuyên)	2 , 00
Bà Thái-thị-Hui, (Longxuyên)	2 , 00
Bà Trần-thị-Tài, (Longxuyên)	2 , 00
Cư-Sĩ ở Tràvinh	2 , 00
Phan-chánh-Nguyễn, ở Tân-châu (Châuđốc)	2 , 00
Cư-Sĩ ở Chợ-lớn	2 , 00
Lương-trí-Muru, (Bà-ri-a)	2 , 00
Cô Lý-thị-Tám, đường Nguyễn-tấn-Nghiem (Saigon)	2 , 00
Cộng	289 \$ 00

PHƯƠNG DANH QUÍ-VỊ CÚNG TIỀN IN KINH NÀY:
(TIẾP THEO)

Cộng đem qua	289\$00
Bà Vũ-thiện-Nghị, 210, Avenue Belgique (Hảiphòng)	2, 00
Võ-minh-Hoàng, (Cầnthơ)	2, 00
Hai Gạo ở Vĩnhhội (Saigon)	2, 00
Lê-văn-Thinh, ở Lấp-vò (Longxuyên)	1, 00
Cư-Sĩ ở Tràvinh.	1, 00
Nguyễn-văn-Chiều, sở Tạo-tác (Châuđốc)	1, 00
Bà Thái-Hoà, (Hà-nội)	1, 00
Nguyễn-văn-Chấn, (Nam-vang)	1, 00
Phan-minh-Thiệp, (Nam-vang)	1, 00
Lê-văn-Nên, (Nam-vang)	1, 00
Trần-trí-Tri, (Nam-vang)	1, 00
Bà Phán Tốt, (Nam-vang)	1, 00
Bà Trần-thị-Duyên, (Nam-vang)	1, 00
Lê-văn-Ngừ, Điền-chủ ở làng Tân-an-Đông (Vĩnhlong)	1, 00
Chung-văn-Đá, ở Thốt-nốt (Longxuyên)	1, 00
Lê-văn-Mến, (Longxuyên)	1, 00
Lê-văn-Giàu, (Longxuyên)	1, 00
Đỗ-văn-Huân, (Longxuyên)	1, 00
Võ-diệu-Tĩnh, (Longxuyên)	1, 00
Bà Mai-thị-Sen, (Longxuyên)	1, 00
Bà Nguyễn-thị-Khuê, (Longxuyên)	1, 00
Bà Trần-thị-Đông, (Longxuyên)	1, 00
Thái-diệu-Huê, (Longxuyên)	1, 00
Bà La-ngọc-Thê, (Longxuyên)	1, 00
Bà Thái-thị-Hoài, (Longxuyên)	1, 00
Bà Trương-diệu-Hoàn, (Longxuyên)	1, 00
Bà Võ-thị-Nhiệm, (Longxuyên)	1, 00
Bà Hứa-thị-Chu, (Longxuyên)	1, 00
Bà Trương-thị-Sung, (Longxuyên)	1, 00
Nguyễn-văn-Ngọt, ở làng An-phú-Tân, Cầukê (Cầnthơ)	1, 00
Cư-Sĩ ở Tràvinh	1, 00
Bà Hà-thị-Ngành, (Nam-vang)	1, 00
Nguyễn-văn-Xuân, (Nam-vang)	1, 00
Bà Nguyễn-thị-Viên, Điền-chủ ở An-hoá (Mỹtho)	1, 00
Lâm-văn-Tân, Cựu-hương-sur ở Caolanh (Sàdéc)	1, 00
Cô Sáu ở Thủ-đức (Giadinh)	1, 00
Kiều-hữu-Ba, ở làng Qui-Hậu, Phát-Diem (Tonkin)	1, 00
Lê-phát-Tu, Hương-Chủ ở Caolanh (Sàdéc)	1, 00
Nguyễn-văn-Danh ở Caolanh (Sàdéc)	1, 00
Cô Trần-thị-Cầm-Dục Nữ-giáo-viên (Longxuyên)	1, 00
Hoà-Tám-Tài, (Saigon)	1, 00
Mai-hữu-Tướng, sở Canh-nông (Bình-định)	0, 50
Nguyễn-văn-Vạng, (Nam-vang)	0, 50
Nguyễn-văn-Y, (Nam-vang)	0, 50
Bà Trần-thị-Phước, (Nam-vang)	0, 50
Lê-văn Sơ, (Nam-vang)	0, 50
Hiệp cộng	335\$50

CÁC VỊ CÓ CÔNG
GIÚP THÀNH QUYỀN KINH NÀY :



Hòa-thượng BÍCH-LIÊN
Chánh Chủ-bút «Tì-Bi-Âm»

LIÊN-TÔN Đạo-nhơn
Phó Chủ-bút «Tì-Bi-Âm»



TRẦN-NGUYỄN-CHẤN
Quản-lý «Tì-Bi-Âm»

PHỔ-CÁO

HỘI AI LÀ ĐỆ-TỬ CỦA PHẬT

Phật-giáo đương suy-đời, ai thấy vậy mà nở ngó lơ, ai thấy vậy mà nở lo ăn chay, tụng kinh, lần chuỗi niệm Phật và tham-thiền nhập-địnhặng tư-lợi một mình cho đành, và ai nở thâu của Đàn-Việt mà để làm của riêng cho đáng. — Cũng bởi riêng chùa, riêng Phật, riêng pháp-phái và riêng môn-dồ, nên Phật-giáo mới đến đời này.

Chánh-phủ rõ biết mới đem lòng chiếu-cổ. — Quan Thống-đốc Nam-kỳ thì cho phép lập Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học đặng chúng ta chung hiệp mà lo cho đạo. Còn quan Toàn-quyền Đông-pháp lại cho phép xuất bản Phật-học tạp-chí « Từ-Bi-Âm » nửa tháng một kỳ, đặng diễn-dịch kinh sách cho chúng ta xem mau rõ chơn-lý.

Nhờ vậy mới được đông người hiệp sức lại mà khảo cứu và làm thành quyển kinh này, có chữ Hán, chữ quốc-ngữ, có diễn âm, diễn nghĩa lý và sử tích, đặng cho người dễ đọc và dễ hiểu, thì mới dễ sanh lòng tín-ngưỡng mà tu hành.

Vậy hội ai có lòng đạo-niệm, xin hiệp cùng Hội Nam-Kỳ Nghiên-Cứu Phật-Học, hội-quán tại Chùa Linh-Sơn, ở Saigon, đường Douau-mont, số 149, mà chung lo sự trùng-hưng Phật-giáo.

Trong Hội có hai hạng Hội-viên :

1° Hội-viên Thường-trợ, mỗi tháng giúp Hội 2\$ 00, trọn năm 24\$ 00 và 5\$ 00 tiền nhập hội trong khi mới vào ;

2° Hội-viên Thường-hộ, mỗi tháng giúp Hội 1\$ 00, trọn năm 12\$ 00 và 3\$ 00 tiền nhập hội trong khi mới vào.

Những người vào trong hai hạng Hội-viên ấy, thì cũng đều có nhiều sự lợi-ích như dưới này :

1° Có một tờ cấp-bằng của Hội ban, để treo tại nhà mà làm kỷ-niệm ;

2° Có một sổ đồng-niên « Từ-Bi-Âm », mỗi tháng xuất bản hai kỳ, để xem đặng mau rõ chơn-lý của Phật ;

3° Có một cái thiệp « Hội-viên », có dán ảnh mình vào, để đi đâu được đem theo mà chứng rằng mình là người của Hội ;

4° Đến khi lâm-chung, Hội phái người tới đưa linh-cữu, có hoành và phan rất nghiêm-chỉnh ;

5° Khi lâm-chung, đặng đăng ảnh và tiểu-sử vào « Từ-Bi-Âm », và được đem bài-vị vào chùa Linh-Sơn mà thờ đời đời nữa.

Còn những người gia-tư bản-chật, không thể vào Hội đặng, thì xin mua Phật-học tạp-chí « Từ-Bi-Âm » mỗi tháng xuất bản hai kỳ, mỗi năm 24 quyển, giá là 4\$ 00, trước là mình xem rồi cho kẻ nghèo xem nữa, đặng rõ chơn-lý của Phật ; vậy cũng là một phương trợ-đạo cho mau thành hành.

« TỪ-BI-ÂM ».



IMPRIMERIE DE L'UNION, NGUYEN-VAN-CUA
57, Rue L. Mossard. — SAIGON.



Tirage 2000 Exemplaires
Saigon 2 Juin 1954

P. DOB NGUYEN-VAN-CUA
LE FONDEUR DE POUVOIRS

J. R. Diem